TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

PHÒNG KHẢO THÍ & ĐBCLGD

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 2 HỌC KỲ 1 (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4010101 Nhóm: 201 Tổ thi: T001 Tên HP: Đại số

Ngày thi: **26/02/2017** Phòng thi: **A206** Tiết bắt đầu: **2** Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1621060222	Đỗ Hữu	Anh	09/03/1998	10001				
2	1621050278	Hoàng Thế	Anh	12/12/1998	10002				
3	1621040054	Kiều Việt	Anh	10/02/1998	10003				
4	1621010242	Lê Phú	Anh	20/08/1998	10004				
5	1621030283	Lê Thị Lan	Anh	06/02/1998	10005				
6	1621070119	Lê Tuấn	Anh	09/01/1998	10006				
7	1621070063	Lê Việt	Anh	03/02/1998	10007				
8	1621060026	Ngô Thị Hoàng	Anh	02/01/1999	10008				
9	1621060251	Nguyễn Hoàng	Anh	11/02/1998	10009				
10	1621060654	Nguyễn Sỹ Tuấn	Anh	28/04/1998	10010				
11	1621060633	Nguyễn Tuấn	Anh	23/11/1998	10011				
12	1621060766	Nguyễn Tuấn	Anh	10/08/1998	10012				
13	1621010222	Nguyễn Tùng Quang	Anh	11/03/1998	10013				
14	1621050484	Phạm Tuấn	Anh	27/10/1998	10014				
15	1621050340	Trần Ngọc	Anh	28/01/1998	10015				
16	1421040010	Vũ Công Việt	Anh	20/10/96	10016				
17	1621050827	Đỗ Xuân	Bách	13/07/1998	10017				
18	1621030066	Ngô Quang	Biên	14/10/1998	10018				
19	1621070084	Trần Văn	Bình	25/06/1998	10019				
20	1621060471	Vũ Hồng	Cát	30/10/1998	10020				

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài: Tổng số tờ: Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

PHÒNG KHẢO THÍ & ĐBCLGD

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 2 HỌC KỲ 1 (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4010101 Nhóm: 202 Tổ thi: T001 Tên HP: Đại số

Ngày thi: **26/02/2017** Phòng thi: **A207** Tiết bắt đầu: **2** Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1621050186	Nguyễn Thế	Châu	16/02/1998	10021				
2	1621050753	Vũ Trung	Chiến	22/01/1998	10022				
3	1621060890	Vũ Văn	Chiến	22/05/1997	10023				
4	1621030235	Nguyễn Danh	Chiêu	29/04/1998	10024				
5	1621080006	Bế Thị	Chinh	07/10/1998	10025				
6	1621060682	Nguyễn Văn	Chương	20/03/1998	10026				
7	1621060795	Nguyễn Thành	Công	22/09/1998	10027				
8	1621010282	Trịnh Văn	Công	13/06/1996	10028				
9	1621050301	Dương Văn	Cường	03/01/1998	10029				
10	1621060206	Nguyễn Quốc	Cường	08/05/1996	10030				
11	1621010173	Lê Văn	Dân	12/07/1998	10031				
12	1631020002	Phan Xuân	Đăng	02/04/1991	10032				
13	1621060368	Hoàng Viết	Đằng	21/11/1998	10033				
14	1621030043	Trần Văn	Danh	02/10/1998	10034				
15	1621050023	Lê Quý	Đạt	20/02/1998	10035				
16	1611050020	Lê Thành	Đạt	29/08/1998	10036				
17	1621060055	Nguyễn Thành	Đạt	07/10/1998	10037				
18	1621010139	Trần Quốc	Đạt	02/05/1998	10038				
19	1411060212	Nguyễn Vũ	Điệt	16/10/96	10039				
20	1621050204	Tiết Hải	Đoàn	20/06/1998	10040				
21	1621060844	Trịnh Văn	Duẩn	01/10/1998	10041				
22	1621070730	Đinh Xuân	Đức	05/08/1998	10042				
23	1621070019	Đoàn Việt	Đức	16/08/1998	10043				
24	1621040136	Nguyễn Anh	Đức	24/08/1998	10044				
25	1621030026	Nguyễn Đức	Đức	21/01/1998	10045				
26	1621060960	Trần Văn	Đức	05/04/1998	10046				
27	1621050635	Trần Xuân	Đức	07/01/1998	10047				
28	1621060437	Trương Minh	Đức	22/05/1998	10048				
29	1621050817	Nguyễn Tiến	Dũng	26/11/1998	10049				
30	1621060841	Nguyễn Tiến	Dũng	09/09/1998	10050				
31	1621020042	Trần Mạnh	Dũng	08/01/1998	10051				
32	1621010239	Nguyễn Văn	Dương	14/08/1998	10052				
33	1611050021	Phạm Hải	Dương	29/10/1998	10053				
34	1621060239	Nguyễn Khương	Duy	23/10/1998	10054				
35	1621080026	Nguyễn Văn	Duy	02/09/1998	10055				
36	1411050014	Thiều Ngọc	Duy	17/01/96	10056				
37	1621030199	Lương Mỹ	Duyên	02/09/1998	10057				
38	1611070008	Nguyễn Hoàng	Giang	25/09/1998	10058				
39	1621060035	Nguyễn Phú	Giang	20/05/1998	10059				
40	1621040075	Nguyễn Thị	Giang	03/10/1998	10060				

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài: Tổng số tờ: Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

PHÒNG KHẢO THÍ & ĐBCLGD

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 2 HỌC KỲ 1 (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4010101 Nhóm: 202 Tổ thi: T001 Tên HP: Đại số

Ngày thi: **26/02/2017** Phòng thi: **A207** Tiết bắt đầu: **2** Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
41	1621080157	Nguyễn Thị	Giang	07/07/1997	10061				
42	1611050015	Nguyễn Văn	Giang	15/04/1998	10062				
43	1621060369	Trần Thiên	Giang	04/04/1998	10063				
44	1621030149	Trần Văn	Giang	26/02/1998	10064				
45	1621060196	Nguyễn Công	Giáp	10/12/1998	10065				
46	1621050876	Dương Thị Ngân	Hà	11/02/1998	10066				
47	1621060195	Ngô Quang	Hải	12/02/1998	10067				
48	1621060533	Nguyễn Đức	Hải	07/02/1998	10068				
49	1621060328	Nguyễn Minh	Hải	07/08/1998	10069				
50	1621050192	Phạm Minh	Hải	01/06/1998	10070				
51	1621010743	Phạm Văn	Hải	27/04/1998	10071				
52	1621040111	Trương Thanh	Hải	05/09/1998	10072				
53	1621070164	Lê Sỹ	Hào	09/11/1998	10073				
54	1621010267	Hồ Sỹ	Hiển	20/10/1997	10074				
55	1621060784	Phạm Tuấn	Hiệp	07/09/1998	10075				
56	1621070081	Trần Gia	Hiệp	20/11/1998	10076				
57	1621050270	Trần Quang	Hiệp	22/02/1997	10077				

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài: Tổng số tờ: Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

PHÒNG KHẢO THÍ & ĐBCLGD

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 2 HỌC KỲ 1 (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4010101 Nhóm: 203 Tổ thi: T001 Tên HP: Đại số

Ngày thi: **26/02/2017** Phòng thi: **A208** Tiết bắt đầu: **2** Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1621060330	Trần Văn	Hiệp	29/09/1998	10078				
2	1621050875	Đinh Văn	Hiếu	13/08/1998	10079				
3	1621060377	Nguyễn Văn	Hiếu	11/06/1998	10080				
4	1621030113	Trần Anh	Hiếu	26/08/1998	10081				
5	1611080003	Trần Đức	Hiếu	12/05/1998	10082				
6	1621010232	Trần Minh	Hiếu	12/06/1998	10083				
7	1621060130	Trương Minh	Hiếu	22/04/1998	10084				
8	1621050855	Lương Xuân	Hòa	03/08/1998	10085				
9	1611040006	Nguyễn Xuân	Hòa	16/10/1998	10086				
10	1621080056	Vũ Thị	Hoàn	28/02/1998	10087				
11	1611060027	Lường Hữu	Hoàng	21/07/1998	10088				
12	1621050840	Vũ Nguyên	Hoàng	16/03/1998	10089				
13	1621050028	Trần Văn	Học	21/11/1998	10090				
14	1621060565	Phạm Văn	Huân	12/08/1998	10091				
15	1621040027	Lê Mạnh	Hùng	19/09/1998	10092				
16	1621050877	Tống Duy	Hùng	16/10/1998	10093				
17	1621060442	Trần Phi	Hùng	06/03/1998	10094				
18	1611060034	Cao Đức	Huy	08/06/1998	10095				
19	1411050090	Nguyễn Quang	Huy	30/09/96	10096				
20	1621010183	Nguyễn Xuân	Huy	01/01/1998	10097				
21	1621060403	Vũ Ngọc	Huy	02/01/1998	10098				
22	1621030161	Nguyễn Thanh	Huyền	06/08/1998	10099				
23	1621060967	Nguyễn Đình	Huynh	29/10/1998	10100				
24	1621060115	Lương Minh	Khang	18/12/1998	10101				
25	1621040062	Lạc Văn	Khánh	26/10/1998	10102				
26	1621010348	Nguyễn Quốc	Khánh	06/02/1997	10103				
27	1621050407	Nguyễn Trọng	Khuê	01/08/1998	10104				
28	1621040038	Đỗ Trung	Kiên	12/05/1998	10105				
29	1621060077	Mai Ngọc	Kiên	08/01/1998	10106				
30	1621010332	Nguyễn Anh	Kiên	05/09/1998	10107				
31	1621050175	Đào Tương	Lai	01/03/1998	10108				
32	1621030068	Nguyễn Thị Mai	Lan	12/12/1998	10109				
33	1621060702	Nguyễn Văn	Lăng	11/01/1998	10110				
34	1621080133	Đoàn Thị	Linh	29/09/1998	10111				
35	1621030159	Hứa Việt	Linh	08/02/1998	10112				
36	1621070073	Nguyễn Đình	Linh	29/11/1998	10113				
37	1621060331	Nguyễn Văn	Linh	26/01/1996	10114				
38	1621070037	Trần Hữu	Linh	23/10/1998	10115				
39	1621050335	Nguyễn Tất	Lọc	21/05/1998	10116				
40	1621050496	Nguyễn Quý	Lợi	09/03/1998	10117				

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài: Tổng số tờ: Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

PHÒNG KHẢO THÍ & ĐBCLGD

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 2 HỌC KỲ 1 (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4010101 Nhóm: 203 Tổ thi: T001 Tên HP: Đại số

Ngày thi: **26/02/2017** Phòng thi: **A208** Tiết bắt đầu: **2** Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
41	1621060980	Trịnh Văn	Lợi	27/08/1998	10118				
42	1621050247	Lê Đình	Long	20/08/1997	10119				
43	1621050343	Mai Thành	Long	18/11/1998	10120				
44	1621080725	Vũ Đức	Long	17/02/1998	10121				
45	1621060499	Nguyễn Thành	Luân	27/02/1998	10122				
46	1621010369	Nguyễn Chí	Lực	14/08/1998	10123				
47	1621050611	Bùi Đức	Lương	10/05/1998	10124				
48	1621010316	Nguyễn Văn	Luyện	22/12/1998	10125				
49	1621060113	Hồ Trọng	Mạnh	27/10/1998	10126				
50	1621070732	Vũ Văn	Mậu	11/05/1998	10127				
51	1621080136	Đỗ Thị Như	Mây	01/08/1998	10128				
52	1621040089	Nguyễn Tất	Minh	02/09/1998	10129				
53	1621070126	Trần Tuấn	Minh	21/11/1998	10130				
54	1621070726	Vũ Công	Minh	21/06/1998	10131				
55	1621060979	Nguyễn Anh	Mười	06/04/1998	10132				

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài: Tổng số tờ: Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

PHÒNG KHẢO THÍ & ĐBCLGD

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 2 HỌC KỲ 1 (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4010101 Nhóm: 204 Tổ thi: T001 Tên HP: Đại số

Ngày thi: **26/02/2017** Phòng thi: **B204** Tiết bắt đầu: **2** Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1621050637	Quách Hoàng	Nam	01/04/1998	10133				
2	1311070027	Lê Văn	Năng	09/10/94	10134				
3	1621060111	Nguyễn Văn	Ngưu	22/06/1997	10135				
4	1621030194	Đặng Thị Minh	Nhật	07/10/1998	10136				
5	1621080146	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	18/10/1998	10137				
6	1621050280	Trần Dư	Phan	03/08/1998	10138				
7	1621050511	Nguyễn Văn	Phong	22/05/1998	10139				
8	1621010109	Đoàn Ngọc	Phúc	20/03/1998	10140				
9	1621050617	Nguyễn Ngọc	Phúc	18/06/1998	10141				
10	1621010225	Cao Hữu	Phước	22/12/1998	10142				
11	1611060025	Nguyễn Lê Hữu	Phước	02/12/1998	10143				
12	1621050604	Nguyễn Xuân	Phương	01/12/1998	10144				
13	1621030172	Nguyễn Thị	Phượng	08/12/1998	10145				
14	1621050127	Khuất Văn	Quân	19/07/1998	10146				
15	1621010186	Nguyễn Hữu	Quân	24/10/1998	10147				
16	1621050320	Nguyễn Trung	Quân	26/09/1998	10148				
17	1621050629	Bùi Nhật	Quang	25/10/1998	10149				
18	1621010343	Nguyễn Minh	Quý	28/07/1998	10150				
19	1621040123	Nguyễn Văn	Quyền	26/06/1998	10151				
20	1621050519	Đỗ Văn	Quyết	04/10/1998	10152				
21	1621010295	Đào Thị Như	Quỳnh	09/10/1998	10153				
22	1621050586	Phạm Quang	Sáng	27/05/1998	10154				
23	1621040800	Thanakone	SENGMAN	20/04/1997	10155				
24	1621070804	Tsogtbaatar	Shirnendor	29/06/1997	10156				
25	1621040803	Somneuk	SITTHIENC	24/01/1983	10157				
26	1621060570	Đặng Văn	Sơn	03/09/1998	10158				
27	1621060215	Lê Hồng	Sơn	26/08/1997	10159				
28	1621050420	Lê Minh	Sơn	23/01/1998	10160				
29	1621010722	Nguyễn Hải	Sơn	25/12/1998	10161				
30	1621050600	Nguyễn Hồng	Sơn	26/04/1998	10162				
31	1621030116	Trần Văn	Sơn	05/02/1998	10163				
32	1621070800	Anousone	SORMIXAY	12/11/1995	10164				
33	1611060026	Đỗ Minh	Sỹ	01/02/1998	10165				
34	1611030006	Hồ Bá	Sỹ	08/08/1997	10166				
35	1621050538	Phạm Đức	Tân	29/09/1998	10167				
36	1621060791	Nguyễn Văn	Tấn	01/08/1998	10168				
37	1621050095	Phạm Bá	Tảo	29/11/1998	10169				
38	1621050310	Nguyễn Tất	Tạo	16/07/1998	10170				
39	1621050040	Đặng Văn	Thái	28/06/1998	10171				
40	1621030085	Nguyễn Quốc	Thái	12/08/1998	10172				

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài: Tổng số tờ: Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

PHÒNG KHẢO THÍ & ĐBCLGD

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 2 HỌC KỲ 1 (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4010101 Nhóm: 204 Tổ thi: T001 Tên HP: Đại số

Ngày thi: **26/02/2017** Phòng thi: **B204** Tiết bắt đầu: **2** Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
41	1621040132	Hoàng Mạnh	Thắng	26/08/1998	10173				
42	1621061069	Hoàng Văn	Thắng	14/07/1998	10174				
43	1321060282	Lê Quang	Thắng	20/04/95	10175				
44	1621050139	Nguyễn Văn	Thắng	06/11/1998	10176				
45	1621050601	Nguyễn Văn	Thắng	19/08/1998	10177				
46	1621050492	Phạm Khắc	Thắng	18/05/1998	10178				
47	1621061065	Trần Công	Thắng	14/12/1998	10179				
48	1621050418	Đinh Công	Thành	10/03/1998	10180				
49	1621060233	Đỗ Tiến	Thành	08/10/1998	10181				
50	1621010080	Nguyễn Công	Thành	10/01/1998	10182				
51	1621050355	Nguyễn Văn	Thành	17/07/1998	10183				
52	1621060516	Nguyễn Xuân	Thành	30/08/1998	10184				
53	1621040050	Vũ Tuấn	Thành	03/09/1998	10185				
54	1611050007	Trần Phương	Thảo	10/12/1998	10186				

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài: Tổng số tờ: Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

PHÒNG KHẢO THÍ & ĐBCLGD

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 2 HỌC KỲ 1 (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4010101 Nhóm: 205 Tổ thi: T001 Tên HP: Đại số

Ngày thi: **26/02/2017** Phòng thi: **B207** Tiết bắt đầu: **2** Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1221020475	Nguyễn Đình	Thế	31/07/93	10187				
2	1621040100	Vũ Trọng	Thể	01/02/1998	10188				
3	1611060022	Nguyễn Hữu	Thiên	25/09/1997	10189				
4	1621040716	Cao Sỹ	Thiện	23/09/1998	10190				
5	1411030060	Nguyễn Đại	Thịnh	04/12/96	10191				
6	1621050478	Nguyễn Tiến	Thịnh	21/07/1998	10192				
7	1621060124	Nguyễn Xuân	Thịnh	29/11/1998	10193				
8	1621050573	Trần Đức	Thịnh	10/03/1998	10194				
9	1621050337	Nguyễn Đức	Thu	27/11/1994	10195				
10	1621050453	Nguyễn Thị Anh	Thư	26/11/1998	10196				
11	1621060595	Đoàn Như	Thuần	30/09/1998	10197				
12	1621060538	Đào Quang	Thuận	03/08/1998	10198				
13	1621050450	Nguyễn Phú	Thuận	06/11/1998	10199				
14	1621050615	Nguyễn Thị	Thùy	05/03/1998	10200				
15	1621050166	Lê Xuân	Thủy	18/07/1998	10201				
16	1621060388	Đặng Quang	Tiến	06/07/1998	10202				
17	1621060708	Nguyễn Minh	Tiến	04/10/1998	10203				
18	1621010180	Nguyễn Văn	Tiến	16/10/1998	10204				
19	1621060366	Nguyễn Văn	Tín	01/01/1998	10205				
20	1621050455	Đặng Đình	Toàn	20/10/1998	10206				
21	1621060188	Vũ Văn	Toàn	04/06/1997	10207				
22	1621030215	Đinh Xuân	Tôn	30/04/1998	10208				
23	1621050557	Trần Thị Nhật	Trang	19/11/1998	10209				
24	1621050352	Bùi Văn	Trình	10/08/1998	10210				
25	1621040122	Đào Văn	Trọng	23/12/1997	10211				
26	1621060820	Đào Văn	Trọng	20/05/1998	10212				
27	1621060028	Cao Văn	Trung	18/08/1998	10213				
28	1411050077	Lê Minh	Trung	19/05/96	10214				
29	1621030036	Lê Quang	Trung	13/07/1998	10215				
30	1621060824	Nguyễn Quang	Trung	19/09/1998	10216				
31	1621060608	Phạm Thành	Trung	02/09/1998	10217				
32	1221020526	Vi Quang	Trung	05/03/94	10218				
33	1621050882	Lê Minh	Trường	04/04/1998	10219				
34	1311030131	Nguyễn Xuân	Trường	14/11/94	10220				
35	1621060772	Trần Phú	Trường	23/01/1998	10221				
36	1621060034	Hoàng Văn	Truyền	13/12/1998	10222				
37	1621050308	Hoàng Đặng Anh	Tú	15/08/1998	10223				
38	1621080066	Hoàng Đình	Tú	24/04/1998	10224				
39	1621080128	Nguyễn Quang	Tú	07/11/1998	10225				
40	1621060300	An Trung	Tuân	11/12/1998	10226				

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài: Tổng số tờ: Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

PHÒNG KHẢO THÍ & ĐBCLGD

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 2 HỌC KỲ 1 (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4010101 Nhóm: 205 Tổ thi: T001 Tên HP: Đại số

Ngày thi: **26/02/2017** Phòng thi: **B207** Tiết bắt đầu: **2** Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
41	1621030187	Cao Đình	Tuấn	28/12/1998	10227				
42	1621050034	Hà Anh	Tuấn	30/08/1998	10228				
43	1621050303	Nguyễn Văn	Tuấn	19/06/1998	10229				
44	1621060511	Phạm Châu	Tuấn	24/10/1998	10230				
45	1621010020	Trần Đăng	Tuấn	27/12/1998	10231				
46	1631060007	Trần Minh	Tuấn	24/01/1992	10232				
47	1621060544	Bùi Thanh	Tùng	14/09/1998	10233				
48	1621010213	Nguyễn Lâm	Tùng	27/08/1998	10234				
49	1621040090	Phạm Thanh	Tùng	14/09/1998	10235				
50	1621030136	Lê Hồng	Vân	07/03/1997	10236				
51	1621060733	Bùi Tuấn	Việt	05/02/1998	10237				
52	1621060558	Nguyễn Đức	Việt	16/03/1998	10238				
53	1621010356	Nguyễn Quốc	Việt	18/05/1998	10239				
54	1621050623	Trần Ngọc	Việt	10/05/1998	10240				
55	1621060709	Nguyễn Văn	Vinh	18/11/1998	10241				
56	1621040078	Nguyễn Thuần	Vũ	20/12/1998	10242				
57	1621030038	Phạm Công Lê	Vũ	07/04/1998	10243				
58	1621060842	Tạ Văn	Vũ	22/10/1998	10244				
59	1621040047	Hoàng Kim	Vương	20/03/1998	10245				
60	1621060181	Vũ Minh	Vượng	16/09/1998	10246				
61	1621010031	Đỗ Văn	Yến	20/10/1998	10247				
62	1621080156	Mạc Thị Hải	Yến	--/--/----	10248				

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài: Tổng số tờ: Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

PHÒNG KHẢO THÍ & ĐBCLGD

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 2 HỌC KỲ 1 (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4010102 Nhóm: 201 Tổ thi: T001 Tên HP: Giải tích 1

Ngày thi: **26/02/2017** Phòng thi: **A403** Tiết bắt đầu: **4** Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1621030117	Đinh Đỗ	An	17/03/1998	10249				
2	1621070127	Lê Tuấn	An	21/03/1998	10250				
3	1321040400	Nguyễn Đức	An	16/02/95	10251				
4	1621050224	Lê Trần Việt	Anh	19/01/1998	10252				
5	1621050568	Phạm Tuấn	Anh	05/01/1998	10253				
6	1621050260	Phan Tuấn	Anh	20/05/1998	10254				
7	1621080701	tien	anh	16/01/1998	10255				
8	1621060068	Vi Tuấn	Anh	03/08/1998	10256				
9	1621070107	Vũ Đức	Anh	28/10/1998	10257				
10	1621050383	Vũ Quang Tuấn	Anh	07/10/1998	10258				
11	1621080707	Vũ Thị Phương	Anh	16/08/1998	10259				
12	1621030088	Trần Gia	Bách	26/05/1998	10260				
13	1621070022	Trần Đình	Binh	18/03/1998	10261				
14	1621010372	Lê Duy	Bình	18/06/1998	10262				
15	1621080057	Nguyễn Thị Ngọc	Châm	11/11/1998	10263				
16	1621070152	Nguyễn Hữu	Chí	19/04/1998	10264				
17	1221050167	Nguyễn	Cường	07/07/93	10265				
18	1621070005	Phạm Mạnh	Cường	16/02/1998	10266				
19	1621050180	Bùi Đình	Đa	03/04/1998	10267				
20	1621010709	Hoàng Liên	Đa	23/09/1998	10268				
21	1621050853	Đinh Văn	Đại	01/11/1994	10269				
22	1621060534	Đinh Văn	Đặng	10/10/1998	10270				
23	1621010228	Vũ Thạch Công	Danh	14/08/1998	10271				
24	1621070724	Bùi Duy	Đạt	10/10/1997	10272				
25	1621060576	Nguyễn Bá	Đạt	10/02/1998	10273				
26	1621050415	Trịnh Tiến	Đạt	17/04/1998	10274				
27	1621050203	Nguyễn Ngọc	Diện	05/08/1998	10275				
28	1621050421	Đỗ Văn	Định	18/06/1998	10276				
29	1621070212	Nguyễn Thành	Đô	20/06/1987	10277				
30	1621060422	Vũ Đình	Độ	20/10/1998	10278				
31	1621050869	Đào Quang	Đoàn	05/03/1998	10279				
32	1621011052	Đỗ Anh	Đức	21/10/1998	10280				
33	1621050287	Hoàng Anh	Đức	03/09/1998	10281				
34	1621020012	Hoàng Minh	Đức	12/04/1998	10282				
35	1621050019	Lê Chí	Đức	23/01/1998	10283				
36	1621070204	Lê Văn	Đức	20/06/1998	10284				
37	1621050210	Vũ Tiến	Dũng	13/01/1998	10285				
38	1621060348	Hồ Nam	Dương	16/03/1998	10286				
39	1621060313	Bùi Văn	Giang	22/07/1998	10287				
40	1521020101	Nguyễn Tuấn	Giang	16/01/96	10288				

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài: Tổng số tờ: Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

PHÒNG KHẢO THÍ & ĐBCLGD

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 2 HỌC KỲ 1 (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4010102 Nhóm: 201 Tổ thi: T001 Tên HP: Giải tích 1

Ngày thi: **26/02/2017** Phòng thi: **A403** Tiết bắt đầu: **4** Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
41	1621010342	Lý Ngọc	Hà	17/08/1997	10289				
42	1621050156	Vũ Anh	Hà	12/10/1998	10290				
43	1621040117	Đinh Ngọc	Hải	29/06/1998	10291				
44	1621010226	Mai Thanh	Hải	21/10/1998	10292				
45	1621010210	Nguyễn Thị	Hạnh	09/10/1998	10293				
46	1611050010	Trần Xuân	Hạnh	09/12/1998	10294				
47	1611070004	Nguyễn Văn	Hào	30/07/1998	10295				
48	1621010152	Trần Phùng Trung	Hiến	16/08/1998	10296				
49	1621070041	Hoàng Mạnh	Hiếu	04/09/1998	10297				

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài: Tổng số tờ: Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

PHÒNG KHẢO THÍ & ĐBCLGD

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 2 HỌC KỲ 1 (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4010102 Nhóm: 202 Tổ thi: T001 Tên HP: Giải tích 1

Ngày thi: **26/02/2017** Phòng thi: **A404** Tiết bắt đầu: **4** Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1621030016	Lê Văn	Hiếu	10/04/1998	10298				
2	1621050092	Nguyễn Minh	Hiếu	03/11/1998	10299				
3	1621080058	Nguyễn Trung	Hiếu	15/04/1998	10300				
4	1621080703	Nguyễn Văn	Hiếu	05/10/1998	10301				
5	1621040035	Trương Minh	Hiếu	24/12/1998	10302				
6	1621040115	Vũ Xuân	Hinh	26/11/1998	10303				
7	1621060681	Nguyễn Xuân	Hoàn	07/04/1998	10304				
8	1611060060	Nguyễn Đức	Hoàng	02/05/1998	10305				
9	1621050763	Nguyễn Huy	Hoàng	27/11/1998	10306				
10	1621050481	Nguyễn Tiến	Hoàng	02/09/1998	10307				
11	1621060443	Hoàng Văn	Hợp	14/12/1997	10308				
12	1021020116	Đoàn Trung	Huân	24/10/92	10309				
13	1621050625	Dương Thanh	Huấn	23/04/1998	10310				
14	1621010358	Đỗ Mạnh	Hùng	17/09/1998	10311				
15	1621040073	Nguyễn Mạnh	Hùng	12/11/1998	10312				
16	1621060303	Trần Xuân	Hùng	05/11/1998	10313				
17	1621050475	Nguyễn Công	Hưng	20/05/1997	10314				
18	1621060559	Nguyễn Việt	Hưng	15/05/1998	10315				
19	1621050221	Trần Khải	Hưng	14/12/1998	10316				
20	1621080141	Phan Lan	Hương	16/02/1998	10317				
21	1621070082	Chử Mạnh	Hưởng	20/09/1997	10318				
22	1621010163	Nguyễn Văn	Huy	03/12/1998	10319				
23	1621050548	Trần Quang	Huy	09/09/1998	10320				
24	1621050349	Trần Quốc	Huy	02/06/1998	10321				
25	1621080134	Văn Đỗ Tuấn	Huy	04/09/1998	10322				
26	1621060042	Vũ Văn	Khải	07/07/1998	10323				
27	1621050318	Giang Văn	Khánh	21/11/1996	10324				
28	1621070176	Nguyễn Kim	Khánh	30/11/1998	10325				
29	1621010724	Phạm Văn	Kiên	20/10/1997	10326				
30	1221040139	Phạm Tuấn	Kiệt	20/08/94	10327				
31	1621040801	Somsak	LIDTHIDEI	26/01/1996	10328				
32	1221050277	Hoàng Phương	Linh	26/09/93	10329				
33	1621050128	Nguyễn Doãn	Long	11/01/1998	10330				
34	1621050100	Nguyễn Văn	Luật	30/07/1998	10331				
35	1621080125	Vũ Văn	Lực	04/10/1998	10332				
36	1621010710	Lương Xuân	Lưu	24/08/1998	10333				
37	1621070049	Bùi Đức	Mạnh	14/06/1998	10334				
38	1621080096	Dương Ngọc	Mạnh	18/10/1997	10335				
39	1621060515	Đinh Quang	Minh	08/06/1998	10336				
40	1621050554	Đỗ Nhật	Minh	11/01/1998	10337				

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài: Tổng số tờ: Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

PHÒNG KHẢO THÍ & ĐBCLGD

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 2 HỌC KỲ 1 (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4010102 Nhóm: 202 Tổ thi: T001 Tên HP: Giải tích 1

Ngày thi: **26/02/2017** Phòng thi: **A404** Tiết bắt đầu: **4** Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
41	1621050184	Nguyễn Công	Minh	17/04/1998	10338				
42	1621050632	Nguyễn Công	Minh	14/04/1997	10339				
43	1621050551	Trần Công	Minh	01/11/1997	10340				
44	1621020040	Vũ Tiến	Minh	08/03/1998	10341				
45	1621030005	Hoàng Văn	Nam	04/09/1998	10342				
46	1321060566	Lê Xuân	Nam	08/02/95	10343				
47	1621050532	Nguyễn Quang	Nam	18/05/1998	10344				
48	1611050700	Phạm Đức	Nam	09/09/1998	10345				

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài: Tổng số tờ: Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

PHÒNG KHẢO THÍ & ĐBCLGD

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 2 HỌC KỲ 1 (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4010102 Nhóm: 203 Tổ thi: T001 Tên HP: Giải tích 1

Ngày thi: **26/02/2017** Phòng thi: **A405** Tiết bắt đầu: **4** Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1621060170	Phạm Thành	Nam	19/12/1998	10346				
2	1621050584	Trần Đức	Nam	06/12/1998	10347				
3	1621050833	Trần Hữu	Nam	10/06/1998	10348				
4	1621080068	Trần Quang	Nam	06/05/1998	10349				
5	1621050006	Nguyễn Thị	Ngân	04/11/1998	10350				
6	1621050602	Nguyễn Mạnh	Nghĩa	27/05/1998	10351				
7	1621070155	Nguyễn Trung	Nghĩa	27/05/1998	10352				
8	1621050468	Lê Anh	Ngọc	22/06/1998	10353				
9	1621050823	Nguyễn Thị Hoa	Ngọc	10/01/1998	10354				
10	1621050825	Nguyễn Tuấn	Ngọc	10/07/1998	10355				
11	1621070046	Phạm Văn	Ngọc	15/06/1997	10356				
12	1621050731	Trần Thị	Ngọc	21/06/1998	10357				
13	1621070086	Nguyễn Duy	Phong	25/09/1998	10358				
14	1221060370	Vũ Phong	Phú	16/01/94	10359				
15	1621010324	Phạm Xuân	Phúc	05/07/1998	10360				
16	1621050871	Trần Văn	Phúc	04/03/1998	10361				
17	1621010236	Đặng Thiên	Phước	13/01/1998	10362				
18	1221070118	Vũ Bích	Phượng	30/11/94	10363				
19	1621070184	Chu Minh	Quân	26/06/1998	10364				
20	1621070007	Nguyễn Tiến	Quang	12/12/1998	10365				
21	1621070173	Nguyễn Văn	Quang	01/12/1998	10366				
22	1621070015	Hoàng Văn	Quý	01/01/1998	10367				
23	1621060464	Nguyễn Bá	Quyền	12/10/1998	10368				
24	1221050088	Nguyễn Cao	Quyền	13/07/94	10369				
25	1621070103	Nguyễn Trọng	Quyền	22/10/1998	10370				
26	1621050239	Nguyễn Văn	Quyền	06/10/1998	10371				
27	1621060635	Hồ Đăng	Quỳnh	05/12/1998	10372				
28	1621010251	Lê Cao	Sơn	05/12/1998	10373				
29	1121011053	Nguyễn Ngọc	Sơn	03/12/93	10374				
30	1221050092	Nguyễn Văn	Sơn	02/12/94	10375				
31	1621070011	Phạm Hồng	Sơn	29/06/1998	10376				
32	1621050361	Trương Ngọc	Sơn	16/10/1998	10377				
33	1621060615	Trương Văn	Sơn	01/11/1998	10378				
34	1224010242	Vũ Thanh	Sơn	27/09/94	10379				
35	1621050868	Nguyễn Tú	Tài	23/11/1998	10380				
36	1621060741	Nguyễn Tú	Tài	28/10/1998	10381				
37	1621060385	Nguyễn Văn	Tâm	05/10/1998	10382				
38	1621070181	Nguyễn Văn	Tâm	17/08/1998	10383				
39	1621060213	Nguyễn Văn	Tân	24/10/1998	10384				
40	1621060389	Lê Hữu	Tấn	27/03/1998	10385				

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài: Tổng số tờ: Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

PHÒNG KHẢO THÍ & ĐBCLGD

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 2 HỌC KỲ 1 (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4010102 Nhóm: 203 Tổ thi: T001 Tên HP: Giải tích 1

Ngày thi: **26/02/2017** Phòng thi: **A405** Tiết bắt đầu: **4** Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
41	1621060356	Phạm Đình	Thái	06/06/1998	10386				
42	1221010309	Trần Tiến	Thái	23/08/94	10387				
43	1621061025	Nguyễn Văn	Thẩm	27/09/1998	10388				
44	1621050733	Nguyễn Văn	Thắng	06/09/1998	10389				
45	1321070659	Nguyễn Xuân	Thắng	06/10/94	10390				

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài: Tổng số tờ: Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

PHÒNG KHẢO THÍ & ĐBCLGD

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 2 HỌC KỲ 1 (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4010102 Nhóm: 204 Tổ thi: T001 Tên HP: Giải tích 1

Ngày thi: **26/02/2017** Phòng thi: **A406** Tiết bắt đầu: **4** Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1621060509	Vũ Tiến	Thắng	18/11/1998	10391				
2	1321080085	Đàm Duy	Thanh	14/10/95	10392				
3	1621010383	Đinh Tiến	Thành	24/09/1997	10393				
4	1621060321	Lê Đạt Xuân	Thành	20/04/1998	10394				
5	1621070129	Mai Viết	Thành	02/05/1998	10395				
6	1621010732	Trương Văn	Thành	17/03/1996	10396				
7	1621060730	Hoàng Văn	Thảo	08/08/1997	10397				
8	1621050253	Nguyễn Văn	Thi	26/01/1998	10398				
9	1621070051	Phạm Văn	Thiệu	18/05/1998	10399				
10	1621070192	Nguyễn Văn	Thịnh	19/11/1998	10400				
11	1221020150	Đỗ Văn	Thụ	13/04/94	10401				
12	1621010307	Lê Chung	Thức	10/09/1998	10402				
13	1621050587	Nguyễn Thị Phương	Thúy	04/11/1998	10403				
14	1621050013	Đỗ Hồng	Tiến	09/02/1998	10404				
15	1621050061	Hoàng Ngọc	Tiến	10/04/1998	10405				
16	1621010327	Nguyễn Hữu	Tiến	16/02/1998	10406				
17	1621050830	Nguyễn Văn	Tiến	29/12/1997	10407				
18	1621060880	Phạm Minh	Tiến	25/03/1998	10408				
19	1621070025	Trần Văn	Tiến	10/07/1998	10409				
20	1621010048	Vũ Đức	Toàn	11/08/1997	10410				
21	1621050162	Kiều Xuân	Toản	05/11/1998	10411				
22	1621060999	Nguyễn Đức	Toản	15/09/1996	10412				
23	1621010058	Lê Thị Kiều	Trinh	27/04/1998	10413				
24	1621060375	Nguyễn Anh	Trung	21/01/1998	10414				
25	1621070191	Nguyễn Văn	Trung	15/09/1998	10415				
26	1621050234	Vũ Đình	Trung	31/01/1998	10416				
27	1621060201	Trần Xuân	Trường	03/10/1998	10417				
28	1621060362	Bùi Hữu	Tú	19/12/1998	10418				
29	1621070032	Trịnh Công	Tú	01/02/1997	10419				
30	1611050018	Phạm Đình	Tư	11/05/1998	10420				
31	1621050457	Hoàng Anh	Tuấn	14/01/1998	10421				
32	1621070707	Nguyễn Hữu	Tuấn	01/07/1998	10422				
33	1621050571	Nguyễn Văn	Tuấn	25/02/1998	10423				
34	1621060677	Trần Anh	Tuấn	10/03/1998	10424				
35	1621050312	Đỗ Hữu	Tùng	13/01/1998	10425				
36	1621050878	Trần Mạnh	Tùng	10/03/1998	10426				
37	1221070174	Phạm Mạnh	Tường	25/03/94	10427				
38	1621060661	Nguyễn Đình	Văn	19/05/1998	10428				
39	1621050225	Nguyễn Quang	Việt	23/10/1998	10429				
40	1621050243	Nguyễn Quốc	Việt	21/11/1998	10430				

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài: Tổng số tờ: Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

PHÒNG KHẢO THÍ & ĐBCLGD

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 2 HỌC KỲ 1 (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4010102 Nhóm: 204 Tổ thi: T001 Tên HP: Giải tích 1

Ngày thi: **26/02/2017** Phòng thi: **A406** Tiết bắt đầu: **4** Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
41	1621060378	Bùi Hữu	Vinh	08/03/1998	10431				
42	1621070131	Phạm Đăng	Vĩnh	06/09/1998	10432				
43	1621010044	Nguyễn Văn	Vương	27/10/1998	10433				
44	1611060021	Phan Quốc	Vương	28/01/1998	10434				
45	1621070187	Nguyễn Quí	Vượng	17/03/1998	10435				
46	1621050796	Bùi Như	Ý	20/01/1998	10436				

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài: Tổng số tờ: Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

PHÒNG KHẢO THÍ & ĐBCLGD

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 2 HỌC KỲ 1 (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4010102 Nhóm: 205 Tổ thi: T001 Tên HP: Giải tích 1

Ngày thi: **26/02/2017** Phòng thi: **B303** Tiết bắt đầu: **7** Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1621040054	Kiều Việt	Anh	10/02/1998	10437				
2	1621010242	Lê Phú	Anh	20/08/1998	10438				
3	1621070119	Lê Tuấn	Anh	09/01/1998	10439				
4	1621070063	Lê Việt	Anh	03/02/1998	10440				
5	1621060654	Nguyễn Sỹ Tuấn	Anh	28/04/1998	10441				
6	1621050340	Trần Ngọc	Anh	28/01/1998	10442				
7	1621030066	Ngô Quang	Biên	14/10/1998	10443				
8	1621070084	Trần Văn	Bình	25/06/1998	10444				
9	1621050301	Dương Văn	Cường	03/01/1998	10445				
10	1611050020	Lê Thành	Đạt	29/08/1998	10446				
11	1621010139	Trần Quốc	Đạt	02/05/1998	10447				
12	1621050204	Tiết Hải	Đoàn	20/06/1998	10448				
13	1621030026	Nguyễn Đức	Đức	21/01/1998	10449				
14	1621050817	Nguyễn Tiến	Dũng	26/11/1998	10450				
15	1611050021	Phạm Hải	Dương	29/10/1998	10451				
16	1611070008	Nguyễn Hoàng	Giang	25/09/1998	10452				
17	1621040075	Nguyễn Thị	Giang	03/10/1998	10453				
18	1621010743	Phạm Văn	Hải	27/04/1998	10454				
19	1621010267	Hồ Sỹ	Hiển	20/10/1997	10455				
20	1621060784	Phạm Tuấn	Hiệp	07/09/1998	10456				
21	1621010232	Trần Minh	Hiếu	12/06/1998	10457				
22	1621060130	Trương Minh	Hiếu	22/04/1998	10458				
23	1611040006	Nguyễn Xuân	Hòa	16/10/1998	10459				
24	1621080056	Vũ Thị	Hoàn	28/02/1998	10460				
25	1621070083	Đặng Đình	Hùng	22/09/1998	10461				
26	1621040027	Lê Mạnh	Hùng	19/09/1998	10462				
27	1621010183	Nguyễn Xuân	Huy	01/01/1998	10463				
28	1621040062	Lạc Văn	Khánh	26/10/1998	10464				
29	1621050314	Lê Duy	Khánh	18/08/1998	10465				
30	1621040038	Đỗ Trung	Kiên	12/05/1998	10466				
31	1621010332	Nguyễn Anh	Kiên	05/09/1998	10467				
32	1621050175	Đào Tương	Lai	01/03/1998	10468				
33	1621060331	Nguyễn Văn	Linh	26/01/1996	10469				
34	1621060980	Trịnh Văn	Lợi	27/08/1998	10470				
35	1621050343	Mai Thành	Long	18/11/1998	10471				
36	1621070732	Vũ Văn	Mậu	11/05/1998	10472				
37	1621070726	Vũ Công	Minh	21/06/1998	10473				
38	1621050637	Quách Hoàng	Nam	01/04/1998	10474				
39	1621080146	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	18/10/1998	10475				
40	1621050280	Trần Dư	Phan	03/08/1998	10476				

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài: Tổng số tờ: Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

PHÒNG KHẢO THÍ & ĐBCLGD

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 2 HỌC KỲ 1 (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4010102 Nhóm: 205 Tổ thi: T001 Tên HP: Giải tích 1

Ngày thi: **26/02/2017** Phòng thi: **B303** Tiết bắt đầu: **7** Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
41	1621050617	Nguyễn Ngọc	Phúc	18/06/1998	10477				
42	1621050604	Nguyễn Xuân	Phương	01/12/1998	10478				
43	1621050320	Nguyễn Trung	Quân	26/09/1998	10479				
44	1621010343	Nguyễn Minh	Quý	28/07/1998	10480				
45	1621070804	Tsogtbaatar	Shirnendor	29/06/1997	10481				
46	1621030116	Trần Văn	Sơn	05/02/1998	10482				
47	1621070800	Anousone	SORMIXAY	12/11/1995	10483				
48	1611030006	Hồ Bá	Sỹ	08/08/1997	10484				

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài: Tổng số tờ: Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

PHÒNG KHẢO THÍ & ĐBCLGD

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 2 HỌC KỲ 1 (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4010102 Nhóm: 206 Tổ thi: T001 Tên HP: Giải tích 1

Ngày thi: **26/02/2017** Phòng thi: **B306** Tiết bắt đầu: **7** Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1621050095	Phạm Bá	Tảo	29/11/1998	10485				
2	1621050310	Nguyễn Tất	Tạo	16/07/1998	10486				
3	1621050139	Nguyễn Văn	Thắng	06/11/1998	10487				
4	1621050355	Nguyễn Văn	Thành	17/07/1998	10488				
5	1611060022	Nguyễn Hữu	Thiên	25/09/1997	10489				
6	1621050453	Nguyễn Thị Anh	Thư	26/11/1998	10490				
7	1621060388	Đặng Quang	Tiến	06/07/1998	10491				
8	1621060708	Nguyễn Minh	Tiến	04/10/1998	10492				
9	1621050352	Bùi Văn	Trình	10/08/1998	10493				
10	1621060028	Cao Văn	Trung	18/08/1998	10494				
11	1621030036	Lê Quang	Trung	13/07/1998	10495				
12	1621050882	Lê Minh	Trường	04/04/1998	10496				
13	1621060034	Hoàng Văn	Truyền	13/12/1998	10497				
14	1621080066	Hoàng Đình	Tú	24/04/1998	10498				
15	1621050034	Hà Anh	Tuấn	30/08/1998	10499				
16	1621060511	Phạm Châu	Tuấn	24/10/1998	10500				
17	1621010020	Trần Đăng	Tuấn	27/12/1998	10501				
18	1621060544	Bùi Thanh	Tùng	14/09/1998	10502				
19	1621010356	Nguyễn Quốc	Việt	18/05/1998	10503				
20	1621060181	Vũ Minh	Vượng	16/09/1998	10504				
21	1621010031	Đỗ Văn	Yến	20/10/1998	10505				

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài: Tổng số tờ: Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

PHÒNG KHẢO THÍ & ĐBCLGD

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 2 HỌC KỲ 1 (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4010103 Nhóm: 201 Tổ thi: T001 Tên HP: Giải tích 2

Ngày thi: **26/02/2017** Phòng thi: **A407** Tiết bắt đầu: **4** Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1321040401	Phương Thế	An	03/01/95	10506				
2	1321060116	Trần Bá	Hiệp	22/06/94	10507				
3	1321030165	Ngô Thị	Ngọc	06/12/94	10508				
4	1321050159	Hà Văn	Phương	16/11/95	10509				
5	1321010302	Hoàng Văn	Tam	17/07/95	10510				
6	1321020768	Lê Thành	Trung	02/09/95	10511				
7	1421030212	Nguyễn Ngô	Trung	22/09/96	10512				
8	1021010387	Bùi Văn	Tuấn	17/06/92	10513				
9	1321020788	Phạm Anh	Tuấn	25/10/94	10514				

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài: Tổng số tờ: Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

PHÒNG KHẢO THÍ & ĐBCLGD

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 2 HỌC KỲ 1 (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4010105 Nhóm: 201 Tổ thi: T001 Tên HP: Xác suất thống kê

Ngày thi: **26/02/2017** Phòng thi: **B303** Tiết bắt đầu: **4** Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1521010237	Trần Thị Lan	Anh	21/04/97	10515				
2	1321040014	Đàm Văn Hoàng Tùng	Bách	27/03/95	10516				
3	1521060076	Phạm Văn	Cảnh	06/03/97	10517				
4	1321050022	Lê Thạc	Chiến	08/05/95	10518				
5	1321030451	Nguyễn Đình Bảo	Chung	21/08/95	10519				
6	1521010271	Đỗ Văn	Cường	09/05/97	10520				
7	1421040040	Đỗ Trọng	Dân	17/12/96	10521				
8	1521070207	Bùi Tuấn	Đạt	19/07/97	10522				
9	1421060043	Cư Seo	Diu	22/06/96	10523				
10	1421070034	Nguyễn Văn	Đoàn	06/09/96	10524				
11	1321010067	Doãn Đình	Du	07/09/95	10525				
12	1521060313	Nguyễn Đình	Duẩn	06/10/97	10526				
13	1421040080	Hoàng Anh	Đức	13/09/96	10527				
14	1521060130	Nguyễn Đình	Đức	20/01/96	10528				
15	1421060048	Hồ Bá	Dũng	01/07/96	10529				
16	1321060059	Nguyễn Thái	Dương	30/04/95	10530				
17	1521050277	Nguyễn Thùy	Dương	08/05/97	10531				
18	1521060107	Ngô Đức	Duy	14/05/97	10532				
19	1321050503	Nguyễn Thu	Hà	10/11/95	10533				
20	1321040480	Trần Văn	Hà	28/05/95	10534				
21	1521060102	Dương Văn	Hải	12/11/97	10535				
22	1421010110	Nguyễn Quang	Hiển	06/10/96	10536				
23	1321030075	Dương Văn	Hiệp	19/05/95	10537				
24	1321040104	Cao Xuân	Hoàng	23/05/95	10538				
25	1521010395	Lê Ngọc	Hoàng	17/12/97	10539				
26	1521050245	Bùi Sĩ	Hùng	20/11/97	10540				
27	1421020383	Nguyễn Kim	Hùng	09/01/96	10541				
28	1321050087	Nguyễn Phi	Hùng	05/06/95	10542				
29	1321040121	Chu Hoàng	Huy	04/02/94	10543				
30	1321040122	Đoàn Quang	Huy	24/07/95	10544				
31	1521040254	Nguyễn Xuân	Khải	06/12/97	10545				
32	1421070065	Vũ Ngọc	Khánh	20/08/96	10546				
33	1521060336	Phạm Nguyễn Trung	Kiên	23/07/97	10547				
34	1321050622	Nguyễn Văn	Lộc	11/01/95	10548				
35	1421060188	Lê Thế	Nam	17/04/96	10549				
36	1321060198	Nguyễn Văn	Nam	29/10/94	10550				
37	1521030272	Phùng Đức	Nam	03/01/97	10551				
38	1321030159	Trần Thanh	Nam	17/07/95	10552				
39	1414010052	Lê Thị Quỳnh	Ngọc	10/05/96	10553				
40	1414010053	Phan Hồng	Ngọc	26/07/96	10554				

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài: Tổng số tờ: Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

PHÒNG KHẢO THÍ & ĐBCLGD

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 2 HỌC KỲ 1 (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4010105 Nhóm: 201 Tổ thi: T001 Tên HP: Xác suất thống kê

Ngày thi: **26/02/2017** Phòng thi: **B303** Tiết bắt đầu: **4** Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
41	1421040274	Thiện	Nguyễn	23/11/96	10555				
42	1321030778	Phạm Gia	Phú	04/11/95	10556				
43	1414010061	Hoàng Thị	Phương	10/11/96	10557				
44	1521060273	Lê Minh	Phương	27/09/97	10558				
45	1414010063	Nguyễn Thị	Phương	28/01/95	10559				
46	1321070623	Nguyễn Anh	Quang	23/09/94	10560				
47	1521040046	Nhữ Ngọc	Quý	30/05/94	10561				
48	1321020182	Nguyễn Minh	Sơn	21/08/95	10562				
49	1321050888	Phạm Hồng	Sơn	10/10/95	10563				
50	1421070447	Đàm Khắc	Sự	23/08/95	10564				
51	1321030200	Đỗ Duy	Tân	19/08/95	10565				
52	1321040263	Lê Đức	Thắng	22/06/94	10566				
53	1321030874	Phan Minh	Thuận	11/02/95	10567				
54	1321020219	Hoàng Anh	Tiến	25/02/94	10568				
55	1631060006	Phạm Đình	Tiến	25/10/1993	10569				
56	1421020618	Nguyễn Văn	Toàn	01/05/95	10570				
57	1521060256	Nguyễn Mạnh	Tuấn	24/10/97	10571				
58	1321070216	Trương Văn	Tuấn	20/10/95	10572				
59	1321040321	Bùi Tiến	Tùng	01/11/95	10573				

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài: Tổng số tờ: Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

PHÒNG KHẢO THÍ & ĐBCLGD

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 2 HỌC KỲ 1 (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4010106 Nhóm: 201 Tổ thi: T001 Tên HP: Phương pháp tính

Ngày thi: **26/02/2017** Phòng thi: **A407** Tiết bắt đầu: **4** Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1321070120	Lê Vinh	Mạnh	22/02/94	10574				
2	1321070689	Nguyễn Văn	Trung	01/08/95	10575				
3	1221060161	Phạm Xuân	Trường	26/01/94	10576				
4	1321040608	Hồ Sỹ	Việt	10/10/95	10577				

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài: Tổng số tờ: Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

PHÒNG KHẢO THÍ & ĐBCLGD

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 2 HỌC KỲ 1 (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4010109 Nhóm: 201 Tổ thi: T001 Tên HP: Logic đại cương

Ngày thi: **26/02/2017** Phòng thi: **A407** Tiết bắt đầu: **4** Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1121030002	Bùi Huy	Anh	10/08/93	10578				
2	1321060022	Phùng Minh Chí	Bảo	05/08/95	10579				
3	1321060468	Lê Huỳnh	Đức	17/09/94	10580				
4	1321030521	Nguyễn Anh	Đức	09/04/95	10581				
5	1321060355	Nguyễn Hồng	Duy	11/09/95	10582				
6	1321030571	Nguyễn Đức	Hiệp	15/10/95	10583				
7	1221060424	Hồ	Thanh	17/02/92	10584				

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài: Tổng số tờ: Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

PHÒNG KHẢO THÍ & ĐBCLGD

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 2 HỌC KỲ 1 (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4010110 Nhóm: 201 Tổ thi: T001 Tên HP: Toán tối ưu

Ngày thi: **26/02/2017** Phòng thi: **A407** Tiết bắt đầu: **4** Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1121010079	Phạm Đức	Đạt	02/01/92	10585				
2	1221040007L	BOLDBAATAR	GAL-OCHI	21/04/91	10586				
3	1121010132	Trần Duy	Hiệp	15/09/93	10587				
4	1531070027	Nguyễn Huy	Hùng	06/09/	10588				
5	1221040005L	Kou	Lee	03/03/91	10589				
6	1321030124	Nguyễn Trọng	Linh	27/12/94	10590				
7	1321030147	Trần Văn	Mạnh	11/01/94	10591				
8	1221010232	Lương Đức	Minh	05/04/91	10592				
9	1221030125	Hà Văn	Quốc	12/07/92	10593				
10	1321010329	Hoàng Văn	Thắng	21/03/95	10594				
11	1421040320	Nguyễn Đình	Tuấn	08/07/96	10595				
12	1321040328	Đào Duy	Việt	22/05/95	10596				
13	1521040078	Đặng Long	Vũ	04/11/97	10597				

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài: Tổng số tờ: Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

PHÒNG KHẢO THÍ & ĐBCLGD

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 2 HỌC KỲ 1 (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4010201 Nhóm: 201 Tổ thi: T001 Tên HP: Vật lý đại cương A1 + TN

Ngày thi: **26/02/2017** Phòng thi: **A205** Tiết bắt đầu: **4** Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1321030107	Lê Quốc	Khánh	02/09/95	10598				
2	1321030151	Ngô Thế	Minh	20/10/95	10599				
3	1221050098	Lê Văn	Thuấn	13/09/94	10600				

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài: Tổng số tờ: Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

PHÒNG KHẢO THÍ & ĐBCLGD

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 2 HỌC KỲ 1 (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4010202 Nhóm: 201 Tổ thi: T001 Tên HP: Vật lý đại cương A2 + TN

Ngày thi: **26/02/2017** Phòng thi: **D1-1** Tiết bắt đầu: **2** Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1521020004L	Boualaphanh Chanthavi	.	15/12/96	10601				
2	1421040354	Lê Minh	An	19/07/96	10602				
3	1521060408	Nguyễn Việt	An	02/04/97	10603				
4	1521050128	Cao Thế	Anh	23/02/97	10604				
5	1521040101	Đặng Phương	Anh	18/10/97	10605				
6	1521010441	Đặng Tiến	Anh	24/10/97	10606				
7	1521010011	Đào Hoàng	Anh	11/12/97	10607				
8	1521070143	Đỗ Hoàng	Anh	20/07/97	10608				
9	1521030026	Đỗ Ngọc	Anh	22/09/96	10609				
10	1521040035	Đỗ Quang	Anh	16/08/97	10610				
11	1521070087	Đoàn Tuấn	Anh	07/10/97	10611				
12	1421070002	Hồ Công	Anh	16/07/96	10612				
13	1521050061	Kiều Việt	Anh	08/05/97	10613				
14	1521060369	Lê Đức	Anh	22/11/97	10614				
15	1521080294	Lê Tú	Anh	12/06/97	10615				
16	1521040156	Lê Việt	Anh	04/09/97	10616				
17	1521040120	Lương Thị Lan	Anh	01/01/97	10617				
18	1521030064	Lương Tuấn	Anh	29/06/97	10618				
19	1521010409	Ngô Hoàng	Anh	09/09/97	10619				
20	1521040088	Nguyễn Đức	Anh	09/06/97	10620				
21	1521050021	Nguyễn Đức	Anh	09/04/97	10621				
22	1521010130	Nguyễn Hoàng	Anh	13/03/97	10622				
23	1521070040	Nguyễn Mạnh	Anh	07/06/97	10623				
24	1521050321	Nguyễn Thị Lan	Anh	17/06/97	10624				
25	1521040191	Nguyễn Trọng Việt	Anh	06/02/97	10625				
26	1521010305	Nguyễn Tuấn	Anh	12/01/97	10626				
27	1521010438	Nguyễn Tuấn	Anh	01/08/97	10627				
28	1521030055	Nguyễn Tuấn	Anh	09/05/95	10628				
29	1521060069	Nguyễn Tuấn	Anh	24/02/97	10629				
30	1521030065	Phạm Phương	Anh	14/12/97	10630				
31	1521040192	Phạm Tuấn	Anh	23/10/97	10631				
32	1521020135	Phùng Duy	Anh	13/09/97	10632				
33	1521070423	Trần Hoàng	Anh	03/04/97	10633				
34	1521080038	Trần Nguyễn Mai	Anh	06/02/97	10634				
35	1521050052	Văn Minh	Anh	08/03/97	10635				
36	1521080027	Nguyễn Đình	Bắc	25/12/97	10636				
37	1521060143	Nguyễn Văn	Bắc	04/12/97	10637				
38	1521040113	Kiều Đình	Bách	11/12/97	10638				
39	1521070180	Nguyễn Tiến	Bảo	02/02/97	10639				
40	1521050328	Lê Danh	Biên	15/09/96	10640				

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài: Tổng số tờ: Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

PHÒNG KHẢO THÍ & ĐBCLGD

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 2 HỌC KỲ 1 (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4010202 Nhóm: 201 Tổ thi: T001 Tên HP: Vật lý đại cương A2 + TN

Ngày thi: **26/02/2017** Phòng thi: **D1-1** Tiết bắt đầu: **2** Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
41	1321040338	Nguyễn Thành	Biên	09/05/94	10641				
42	1521050268	Trịnh	Bính	10/06/97	10642				
43	1521050175	Cao Thị	Bình	20/10/97	10643				
44	1521030054	Đồng Xuân	Bình	26/06/97	10644				
45	1521070121	Lê Duy	Bình	06/05/97	10645				
46	1421050284	Lê Văn	Bình	16/09/96	10646				
47	1521050036	Nguyễn Huy	Bình	18/05/96	10647				
48	1521070090	Nguyễn Ngọc	Bình	20/12/97	10648				
49	1321020022	Trịnh Đình	Bình	16/08/94	10649				
50	1521060056	Vũ Đức	Bình	23/09/97	10650				
51	1521020357	Chu Thị Thùy	Châm	24/04/97	10651				
52	1521040001L	Bunthahut	Chanthp	30/01/94	10652				
53	1521060098	Lê Minh	Châu	18/12/97	10653				
54	1521060129	Nguyễn Minh	Châu	26/02/97	10654				
55	1521080102	Vũ Minh	Châu	01/04/97	10655				
56	1521020119	Lê Nhất	Chí	29/08/97	10656				
57	1521010386	Mã Văn	Chiến	28/07/97	10657				
58	1521010272	Nguyễn Hữu	Chiến	14/06/97	10658				
59	1521040072	Nguyễn Hữu	Chiến	16/05/97	10659				
60	1521060092	Nguyễn Quyết	Chiến	02/07/95	10660				
61	1521030089	Nguyễn Văn	Chiến	25/08/97	10661				
62	1521010187	Nguyễn Viết	Chiến	23/10/97	10662				
63	1521060374	Trịnh Khắc	Chiến	02/12/97	10663				
64	1521030175	Trịnh Minh	Chiến	09/04/97	10664				
65	1521040071	Trịnh Quốc	Chiến	03/10/97	10665				
66	1221070018	Nguyễn Đình	Chiểu	22/05/93	10666				
67	1521060386	Nguyễn Văn	Chiểu	02/03/97	10667				
68	1521080103	Hoàng Thị	Chinh	06/06/97	10668				
69	1421020245	Nguyễn Tiến	Chinh	27/12/95	10669				
70	1521040201	Bùi Văn	Chính	17/01/97	10670				
71	1521060366	Hà Duy	Chính	09/01/97	10671				
72	1521060433	Nguyễn Đức	Chính	28/06/97	10672				
73	1521060304	Nguyễn Xuân	Chính	10/06/97	10673				
74	1521080022	phương	chu	28/07/97	10674				
75	1521030010	Đặng Hữu	Chủ	06/11/97	10675				
76	1521040135	Vi Văn	Chúc	23/06/97	10676				
77	1321030022	Lê Vinh	Chức	05/02/95	10677				
78	1521060049	Đỗ Lường	Chung	02/09/96	10678				
79	1521080019	Mai Văn	Chung	21/01/97	10679				
80	1521060210	Phạm Đức	Chung	09/11/97	10680				

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài: Tổng số tờ: Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

PHÒNG KHẢO THÍ & ĐBCLGD

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 2 HỌC KỲ 1 (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4010202 Nhóm: 201 Tổ thi: T001 Tên HP: Vật lý đại cương A2 + TN

Ngày thi: **26/02/2017** Phòng thi: **D1-1** Tiết bắt đầu: **2** Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
81	1521010103	Lê Văn	Công	28/09/97	10681				
82	1521030062	Lê Văn	Công	11/08/97	10682				
83	1521030112	Nguyễn Thành	Công	16/07/97	10683				
84	1321060428	Phạm Văn	Công	24/04/92	10684				
85	1521060373	Trần Đức	Công	21/06/97	10685				
86	1221010048	Trần Sỹ	Công	28/12/94	10686				
87	1521040115	Nguyễn Duy	Cương	18/05/96	10687				
88	1521030183	Mạnh Lộc	Cường	02/01/96	10688				
89	1521060090	Nguyễn Đình	Cường	12/05/94	10689				
90	1521050041	Nguyễn Mạnh	Cường	17/01/97	10690				
91	1521050338	Nguyễn Văn	Cường	07/09/97	10691				
92	1521060412	Nguyễn Văn	Cường	31/07/97	10692				
93	1521050178	Nguyễn Xuân	Cường	10/12/97	10693				
94	1521040065	Phạm Văn	Cường	13/02/97	10694				
95	1521010156	Phan Mạnh	Cường	07/04/97	10695				
96	1521050014	Đỗ Văn	Đà	10/11/97	10696				
97	1521040211	Mai Văn	Đại	01/03/96	10697				
98	1521070126	Nguyễn Văn	Đại	16/02/96	10698				
99	1521050343	Vũ Xuân	Đại	20/07/97	10699				
100	1521070133	Hoàng Hải	Đăng	03/01/97	10700				
101	1521070132	Lương Hồng	Đăng	22/03/97	10701				
102	1521020084	Phan Văn	Đằng	01/10/97	10702				
103	1521020052	Dương Công	Đăng	29/04/97	10703				
104	1521010033	Bùi Mạnh	Đạt	04/05/97	10704				
105	1521070208	Đỗ Duy	Đạt	27/08/97	10705				
106	1521060149	Hoàng Văn	Đạt	16/08/96	10706				
107	1521060097	Lê Hữu	Đạt	15/06/97	10707				
108	1521060308	Nguyễn Minh	Đạt	01/10/97	10708				
109	1521020155	Nguyễn Tiến	Đạt	05/06/97	10709				
110	1521030031	Nguyễn Tiến	Đạt	01/11/97	10710				
111	1521030192	Nguyễn Tiến	Đạt	15/12/97	10711				
112	1521040212	Nguyễn Tiến	Đạt	13/12/97	10712				
113	1521060036	Nguyễn Tiến	Đạt	08/12/97	10713				
114	1521070113	Nguyễn Xuân	Đạt	19/10/97	10714				
115	1221080017	Phạm Quý	Đạt	25/12/93	10715				
116	1421070235	Phạm Thành	Đạt	26/09/96	10716				
117	1521010155	Phí Quốc	Đạt	14/01/97	10717				
118	1521070210	Trần Tiến	Đạt	21/09/97	10718				
119	1421070201	Phùng Bá	Diện	26/02/96	10719				
120	1521010245	Dương Hoàng	Diệp	06/05/97	10720				

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài: Tổng số tờ: Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

PHÒNG KHẢO THÍ & ĐBCLGD

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 2 HỌC KỲ 1 (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4010202 Nhóm: 201 Tổ thi: T001 Tên HP: Vật lý đại cương A2 + TN

Ngày thi: **26/02/2017** Phòng thi: **D1-1** Tiết bắt đầu: **2** Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
121	1521060346	Trần Văn	Điệp	28/02/97	10721				
122	1321040068	Tạ Trung	Định	17/10/95	10722				
123	1521070213	Tạ Văn	Đoan	14/11/97	10723				
124	1521070112	Đỗ Đình	Đoàn	18/08/97	10724				
125	1521060425	Nguyễn Văn	Đoàn	03/01/97	10725				
126	1521060103	Trần Văn	Đoàn	04/03/97	10726				
127	1521010076	Ngô Văn	Đôn	15/08/97	10727				
128	1521080007	Đặng Phương	Đông	13/10/97	10728				
129	1521060275	Dương Văn	Đông	09/08/96	10729				
130	1521060371	Nguyễn Văn	Đông	15/02/97	10730				
131	1521040028	Trương Lập	Đông	17/11/96	10731				
132	1521070031	Lương Huy	Du	31/07/97	10732				
133	1521050064	Đặng Minh	Đức	21/01/97	10733				
134	1521010003	Lê Trung	Đức	25/05/97	10734				
135	1521020059	Nguyễn Minh	Đức	15/01/96	10735				
136	1521020115	Nguyễn Minh	Đức	14/11/97	10736				
137	1521020029	Nguyễn Văn	Đức	08/01/97	10737				
138	1521060419	Nguyễn Văn	Đức	25/01/97	10738				
139	1521020162	Phạm Minh	Đức	28/10/97	10739				
140	1521030009	Phạm Minh	Đức	13/08/97	10740				
141	1521060267	Phạm Minh	Đức	26/10/97	10741				
142	1521011007	Trần Đăng	Đức	20/08/97	10742				
143	1521020040	Trần Trung	Đức	07/10/96	10743				

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài: Tổng số tờ: Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

PHÒNG KHẢO THÍ & ĐBCLGD

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 2 HỌC KỲ 1 (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4010202 Nhóm: 202 Tổ thi: T001 Tên HP: Vật lý đại cương A2 + TN

Ngày thi: **26/02/2017** Phòng thi: **D2-1** Tiết bắt đầu: **2** Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1521050261	Trương Anh	Đức	24/11/96	10744				
2	1521050296	Vũ Trọng	Đức	06/06/97	10745				
3	1521050253	Trần Thị	Dung	03/02/95	10746				
4	1521020010	Bùi Việt	Dũng	26/08/97	10747				
5	1521040219	Đào Công	Dũng	17/09/97	10748				
6	1521070093	Đào Văn	Dũng	26/04/96	10749				
7	1521020164	Đỗ Văn	Dũng	14/08/97	10750				
8	1521050055	Lê Thế	Dũng	20/04/97	10751				
9	1521060205	Lưu Quang	Dũng	30/07/97	10752				
10	1421040045	Lý Văn	Dũng	01/02/95	10753				
11	1521010251	Nguyễn Như	Dũng	25/02/97	10754				
12	1521020067	Nguyễn Tiến	Dũng	29/10/96	10755				
13	1521070103	Nguyễn Trọng	Dũng	02/04/96	10756				
14	1421070026	Nguyễn Việt	Dũng	06/10/96	10757				
15	1521070435	Phí Mạnh	Dũng	15/09/97	10758				
16	1521010246	Trần Mạnh	Dũng	11/10/97	10759				
17	1321020503	Hoàng Văn	Được	11/06/95	10760				
18	1521030355	Ngô Khánh	Dương	02/09/97	10761				
19	1521060079	Nguyễn Hoàng	Dương	19/06/97	10762				
20	1521010446	Nguyễn Thị ánh	Dương	29/03/97	10763				
21	1521080122	Nguyễn Văn	Dương	23/01/97	10764				
22	1521020023	Phạm Công	Dương	30/11/97	10765				
23	1521050077	Phạm Thanh	Dương	06/02/97	10766				
24	1521030356	Tạ Thùy	Dương	30/09/97	10767				
25	1521010326	Trần Thái	Dương	05/01/97	10768				
26	1521070153	Trần Văn	Dương	07/07/97	10769				
27	1521060244	Bùi Văn	Duy	12/04/97	10770				
28	1521050078	Đặng Ngọc	Duy	17/11/97	10771				
29	1521060065	Đào Đức	Duy	06/01/97	10772				
30	1521070437	Đinh Quang	Duy	24/01/97	10773				
31	1521059001	Dương Tuấn	Duy	--/--/----	10774				
32	1521060327	Nguyễn Đức	Duy	23/03/97	10775				
33	1521060290	Nguyễn Ngọc	Duy	16/06/97	10776				
34	1521080025	Nguyễn Phương	Duy	06/05/97	10777				
35	1521060131	Nguyễn Văn	Duy	06/03/97	10778				
36	1631020001	Triệu Hồng	Duy	10/03/1994	10779				
37	1521020016	Trịnh Xuân	Duy	05/09/97	10780				
38	1521080124	Đỗ Hồng	Duyên	23/08/97	10781				
39	1521010357	Đỗ Ngọc	Giang	28/11/97	10782				
40	1521050300	Lê Hồng	Giang	17/02/97	10783				

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài: Tổng số tờ: Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

PHÒNG KHẢO THÍ & ĐBCLGD

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 2 HỌC KỲ 1 (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4010202 Nhóm: 202 Tổ thi: T001 Tên HP: Vật lý đại cương A2 + TN

Ngày thi: **26/02/2017** Phòng thi: **D2-1** Tiết bắt đầu: **2** Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
41	1521020179	Lương Thành	Giang	01/11/97	10784				
42	1521010125	Nguyễn Trường	Giang	21/08/97	10785				
43	1521070141	Vũ Thái Ngọc	Giầu	22/10/97	10786				
44	1521070135	Bùi Việt	Hà	06/03/97	10787				
45	1321030058	Dương Thanh	Hà	04/08/95	10788				
46	1521080125	Nguyễn Đăng	Hà	07/10/97	10789				
47	1521060416	Nguyễn Thế	Hà	29/07/97	10790				
48	1521080128	Nguyễn Thị Kim	Hà	19/03/97	10791				
49	1521079002	Vi Văn	Hà	10/11/95	10792				
50	1521060309	Bùi Việt	Hải	11/11/97	10793				
51	1521040233	Đào Thanh	Hải	28/07/97	10794				
52	1531060400	Đinh Xuân	Hải	29/10/	10795				
53	1421060406	Nguyễn Đức	Hải	05/12/95	10796				
54	1521080341	Nguyễn Duy	Hải	23/07/97	10797				
55	1521010144	Nguyễn Hữu	Hải	08/11/97	10798				
56	1521010021	Nguyễn Thanh	Hải	02/09/93	10799				
57	1521060414	Nguyễn Tiến	Hải	19/01/97	10800				
58	1511080004	Nguyễn Trịnh Bá	Hải	04/10/96	10801				
59	1521060197	Phương Hoàng	Hải	29/06/97	10802				
60	1511070003	Nguyễn Việt	Hán	25/05/97	10803				
61	1521060294	Nguyễn Ngọc	Hân	11/10/97	10804				
62	1521050028	Nguyễn Thị	Hằng	08/10/96	10805				
63	1521050056	Cồ Thị	Hạnh	04/08/97	10806				
64	1521050259	Đinh Quang	Hào	21/06/97	10807				
65	1631020003	Nguyễn Thế	Hào	19/02/1992	10808				
66	1521070241	Nghiêm Hữu	Hậu	19/08/96	10809				
67	1521070136	Trần Văn	Hậu	02/06/97	10810				
68	1521040061	Nguyễn Văn	Hiên	23/10/97	10811				
69	1521050120	Nghiêm Đức	Hiền	22/02/96	10812				
70	1321011032	Hoàng Văn	Hiển	18/02/95	10813				
71	1521070244	Nguyễn Văn	Hiển	09/02/95	10814				
72	1521050197	Đinh Đức	Hiện	08/07/97	10815				
73	1521050373	Nguyễn Văn	Hiện	18/11/97	10816				
74	1421040105	Hoàng Văn	Hiệp	30/10/96	10817				
75	1521040125	Nguyễn Văn	Hiệp	20/02/97	10818				
76	1221030056	Vũ Tuấn	Hiệp	07/08/93	10819				
77	1521040130	Bế Văn	Hiếu	13/11/97	10820				
78	1521010367	Bùi Minh	Hiếu	20/07/97	10821				
79	1521010074	Bùi Thành	Hiếu	25/01/96	10822				
80	1521010358	Bùi Trung	Hiếu	10/10/97	10823				

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài: Tổng số tờ: Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

PHÒNG KHẢO THÍ & ĐBCLGD

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 2 HỌC KỲ 1 (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4010202 Nhóm: 202 Tổ thi: T001 Tên HP: Vật lý đại cương A2 + TN

Ngày thi: **26/02/2017** Phòng thi: **D2-1** Tiết bắt đầu: **2** Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
81	1521050024	Bùi Văn	Hiếu	01/07/95	10824				
82	1521050007	Đào Trung	Hiếu	26/05/97	10825				
83	1521060226	Đỗ Trọng	Hiếu	03/08/97	10826				
84	1521060063	Đỗ Văn	Hiếu	12/05/96	10827				
85	1521010247	Lê Minh	Hiếu	03/09/97	10828				
86	1521060122	Lê Minh	Hiếu	23/11/97	10829				
87	1521050298	Mai Ngọc	Hiếu	17/07/97	10830				
88	1521060447	Mai Xuân	Hiếu	01/12/97	10831				
89	1221030310	Nguyễn Chí	Hiếu	27/08/94	10832				
90	1521060142	Nguyễn Hữu	Hiếu	29/08/97	10833				
91	1521020198	Nguyễn Minh	Hiếu	04/05/97	10834				
92	1521080008	Nguyễn Minh	Hiếu	14/10/97	10835				
93	1321050075	Nguyễn Trung	Hiếu	24/10/94	10836				
94	1421060105	Nguyễn Văn	Hiếu	21/04/96	10837				
95	1521060003	Nguyễn Văn	Hiếu	20/07/97	10838				
96	1521080015	Trần Đức	Hiếu	15/06/97	10839				
97	1521010146	Trần Minh	Hiếu	22/09/97	10840				
98	1521010378	Trần Minh	Hiếu	11/08/96	10841				
99	1521050115	Trần Trung	Hiếu	15/02/97	10842				
100	1521060185	Vi Mạnh	Hiếu	11/10/97	10843				
101	1521060186	Vũ Đình	Hiếu	18/01/97	10844				
102	1321070067	Lê Văn	Hiếu	06/04/94	10845				
103	1521010234	Nguyễn Thị	Hoa	11/08/97	10846				
104	1521070159	Đặng Anh	Hòa	26/06/97	10847				
105	1521020208	Đinh Xuân	Hòa	01/06/97	10848				
106	1521010431	Nguyễn Hữu	Hòa	20/09/96	10849				
107	1521060375	Phạm Thị Kim	Hòa	17/03/97	10850				
108	1521010274	Vũ Văn	Hòa	31/05/97	10851				
109	1521040241	Đào Văn	Hoan	25/05/97	10852				
110	1521050112	Nguyễn Doãn	Hoan	20/01/97	10853				
111	1521010433	Đặng Thị	Hoàn	20/04/96	10854				
112	1521050379	Đỗ Ngọc	Hoàn	06/11/97	10855				
113	1521010219	Trần Văn	Hoàn	06/11/97	10856				
114	1521040161	Đỗ Danh	Hoàng	10/01/97	10857				
115	1521020015	Đỗ Văn	Hoàng	16/07/96	10858				
116	1521060162	Hồ Sỹ	Hoàng	15/12/97	10859				
117	1521060286	Hồ Trọng	Hoàng	10/01/96	10860				
118	1521010427	Lê Văn	Hoàng	21/11/97	10861				
119	1521010100	Nguyễn Đăng	Hoàng	09/11/97	10862				
120	1521060074	Nguyễn Đình	Hoàng	08/09/96	10863				

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài: Tổng số tờ: Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

PHÒNG KHẢO THÍ & ĐBCLGD

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 2 HỌC KỲ 1 (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4010202 Nhóm: 202 Tổ thi: T001 Tên HP: Vật lý đại cương A2 + TN

Ngày thi: **26/02/2017** Phòng thi: **D2-1** Tiết bắt đầu: **2** Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
121	1521060269	Nguyễn Đình	Hoàng	06/12/97	10864				
122	1521010232	Nguyễn Viết	Hoàng	26/01/97	10865				
123	1521010014	Phạm Việt	Hoàng	17/12/97	10866				
124	1521040181	Trần Huy	Hoàng	29/10/97	10867				
125	1521050027	Trần Huy	Hoàng	02/03/97	10868				
126	1521060220	Trần Minh	Hoàng	02/02/97	10869				
127	1521010410	Vũ Đình	Hoàng	12/07/96	10870				
128	1521060124	Vũ Đức Minh	Hoàng	26/09/97	10871				
129	1521060199	Vũ Ngọc	Hoàng	16/10/97	10872				
130	1521060392	Dương Công	Hoành	24/02/97	10873				
131	1521040149	Lê Đình	Hoạt	15/02/97	10874				
132	1521030052	Phạm Quốc	Hoạt	23/05/96	10875				
133	1521060299	Bùi Văn	Hội	20/03/97	10876				
134	1511020008	Trần Đức	Hợp	25/11/96	10877				
135	1521020049	Trần Ngọc	Huân	29/08/97	10878				
136	1521020042	Nguyễn Thị Kim	Huệ	13/07/97	10879				
137	1521050156	Bùi Thế	Hùng	12/02/97	10880				
138	1421020380	Bùi Việt	Hùng	06/11/95	10881				
139	1521060013	Đặng Văn	Hùng	17/09/97	10882				
140	1521010186	Hồ Sỹ	Hùng	04/02/97	10883				
141	1521050224	Lê Mạnh	Hùng	20/09/96	10884				
142	1521010439	Nguyễn Mạnh	Hùng	07/03/97	10885				
143	1521050092	Nguyễn Văn	Hùng	03/09/97	10886				

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài: Tổng số tờ: Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

PHÒNG KHẢO THÍ & ĐBCLGD

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 2 HỌC KỲ 1 (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4010202 Nhóm: 203 Tổ thi: T001 Tên HP: Vật lý đại cương A2 + TN

Ngày thi: **26/02/2017** Phòng thi: **D3-1** Tiết bắt đầu: **2** Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1521060341	Nguyễn Việt	Hùng	24/11/96	10887				
2	1521070019	Phạm Văn	Hùng	09/09/97	10888				
3	1521060349	Tạ Việt	Hùng	26/11/97	10889				
4	1521050389	Trần Đức	Hùng	15/10/95	10890				
5	1521070444	Trần Việt	Hùng	17/07/97	10891				
6	1521070269	Vũ Đức	Hùng	07/06/97	10892				
7	1521080020	Vũ Thanh	Hùng	03/07/95	10893				
8	1521050237	Bùi Duy	Hưng	27/06/97	10894				
9	1521010137	Đỗ Văn	Hưng	21/01/97	10895				
10	1521060112	Hà Quốc	Hưng	13/10/96	10896				
11	1421060141	Nguyễn Ngọc	Hưng	24/01/93	10897				
12	1521060106	Nguyễn Văn	Hưng	06/02/97	10898				
13	1521080001	Phạm Quốc	Hưng	18/10/97	10899				
14	1521010201	Phạm Thanh	Hưng	21/02/97	10900				
15	1521060161	Vũ Minh	Hưng	03/05/97	10901				
16	1311070021	Võ Sông	Hương	05/04/92	10902				
17	1521060280	Nguyễn Bá	Hưởng	02/06/96	10903				
18	1521020106	Nguyễn Minh	Hưởng	02/07/96	10904				
19	1521060282	Phạm Xuân	Hưởng	10/10/97	10905				
20	1521020094	Trần Quang	Hữu	01/08/97	10906				
21	1521060087	Đặng Văn	Huy	26/04/97	10907				
22	1521030102	Đỗ Khắc	Huy	26/11/97	10908				
23	1521010062	Đỗ Quốc	Huy	13/04/97	10909				
24	1521030236	Đoàn Ngọc	Huy	03/07/97	10910				
25	1521050297	Đồng Tuấn	Huy	18/01/97	10911				
26	1521030101	Hoàng Văn	Huy	15/12/97	10912				
27	1521010163	Lê Quang	Huy	28/08/97	10913				
28	1521010190	Lê Quang	Huy	14/12/97	10914				
29	1521010248	Lê Văn	Huy	30/09/97	10915				
30	1521030017	Lê Văn	Huy	25/04/97	10916				
31	1521060428	Ngô Quang	Huy	29/04/95	10917				
32	1521010178	Nguyễn Đình	Huy	09/11/97	10918				
33	1521080046	Nguyễn Đức	Huy	07/08/97	10919				
34	1521080026	Nguyễn Quang	Huy	28/06/94	10920				
35	1521010083	Nguyễn Quốc	Huy	02/10/97	10921				
36	1521060105	Nguyễn Quốc	Huy	22/05/97	10922				
37	1521060239	Nguyễn Tống	Huy	27/03/97	10923				
38	1521010126	Nguyễn Trần Đức	Huy	25/07/97	10924				
39	1521010063	Nguyễn Văn	Huy	06/11/97	10925				
40	1521060207	Nguyễn Văn	Huy	11/02/96	10926				

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài: Tổng số tờ: Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

PHÒNG KHẢO THÍ & ĐBCLGD

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 2 HỌC KỲ 1 (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4010202 Nhóm: 203 Tổ thi: T001 Tên HP: Vật lý đại cương A2 + TN

Ngày thi: **26/02/2017** Phòng thi: **D3-1** Tiết bắt đầu: **2** Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
41	1521060451	Nguyễn Văn	Huy	05/05/97	10927				
42	1521060458	Trần Quang	Huy	07/06/97	10928				
43	1521060431	Võ Văn	Huy	17/08/97	10929				
44	1521020057	Vũ Đức	Huy	07/11/97	10930				
45	1521040166	Vũ Nguyễn Gia	Huy	19/08/97	10931				
46	1521050399	Bùi Thị Thanh	Huyền	01/10/97	10932				
47	1521020226	Nguyễn Thị Thu	Huyền	18/09/97	10933				
48	1521030243	Nguyễn Văn	Huyền	06/01/97	10934				
49	1521080348	Phạm Thị	Huyền	28/11/97	10935				
50	1521060370	Lê Văn	Huỳnh	12/05/97	10936				
51	1521060288	Nguyễn Văn	Huỳnh	09/03/97	10937				
52	1521060283	Trần Văn	Huỳnh	02/08/97	10938				
53	1521060262	Vũ Văn	Huỳnh	14/08/97	10939				
54	1521020003L	Khonesavanh	Inthise	10/01/93	10940				
55	1521011008	Đào Duy	Khánh	15/03/97	10941				
56	1521080067	Đỗ Bảo	Khánh	02/09/97	10942				
57	1521010324	Hà Duy	Khánh	03/11/97	10943				
58	1521020097	Lê Gia	Khánh	13/08/97	10944				
59	1521050042	Nguyễn Nam	Khánh	01/05/97	10945				
60	1521040256	Nguyễn Văn	Khánh	19/03/97	10946				
61	1521020235	Trần Linh	Khánh	20/09/97	10947				
62	1521040138	Trịnh Xuân	Khánh	09/07/97	10948				
63	1221010178	Nguyễn Đỗ	Khiêm	08/11/94	10949				
64	1521070287	Nguyễn Văn	Khoa	10/11/97	10950				
65	1521070288	Đinh Trọng	Khôi	25/10/94	10951				
66	1521050222	Nguyễn Văn	Khương	23/11/97	10952				
67	1221070233	Vũ Huy	Khương	07/11/94	10953				
68	1221070082	Âu Dương	Kiên	02/08/94	10954				
69	1521060372	Hồ Nam	Kiên	24/05/97	10955				
70	1521080180	Lê Trung	Kiên	18/11/97	10956				
71	1321050604	Nguyễn Trung	Kiên	08/07/95	10957				
72	1521050406	Nguyễn Trung	Kiên	22/08/96	10958				
73	1521060040	Nguyễn Trung	Kiên	23/09/97	10959				
74	1521020082	Nguyễn Vũ	Kiên	05/03/96	10960				
75	1521040098	Trần Trung	Kiên	05/07/97	10961				
76	1521050409	Vi Quang	Kiên	20/08/96	10962				
77	1521010407	Hoàng Tuấn	Kiệt	26/06/97	10963				
78	1521010056	Vũ Hồng	Kông	30/09/97	10964				
79	1521040155	Thào A	Là	20/05/97	10965				
80	1421060152	Đặng Xuân	Lai	16/12/96	10966				

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài: Tổng số tờ: Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

PHÒNG KHẢO THÍ & ĐBCLGD

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 2 HỌC KỲ 1 (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4010202 Nhóm: 203 Tổ thi: T001 Tên HP: Vật lý đại cương A2 + TN

Ngày thi: **26/02/2017** Phòng thi: **D3-1** Tiết bắt đầu: **2** Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
81	1521030250	Nguyễn Sơn	Lâm	22/12/97	10967				
82	1421070353	Phạm Văn	Lâm	05/07/96	10968				
83	1521010177	Bùi Thị Thanh	Lan	12/02/97	10969				
84	1521050414	Đinh Thị	Lan	25/12/96	10970				
85	1521050030	Phùng Thị Ngọc	Lan	11/02/97	10971				
86	1521040045	Vũ Thị Thu	Lan	12/09/97	10972				
87	1521060404	Lê Văn	Lập	19/10/97	10973				
88	1521080187	Nguyễn Thị	Liên	10/02/97	10974				
89	1521010138	Đào Đăng	Linh	24/12/97	10975				
90	1521010416	Đinh Thị	Linh	09/11/97	10976				
91	1521050206	Hà Văn	Linh	11/11/96	10977				
92	1521010325	Lê Thị Vũ	Linh	30/03/97	10978				
93	1521030256	Nguyễn Bá	Linh	20/04/97	10979				
94	1521030045	Nguyễn Hoàng	Linh	09/10/97	10980				
95	1521060071	Nguyễn Mạnh	Linh	23/06/97	10981				
96	1321040153	Nguyễn Thị Diệu	Linh	15/09/94	10982				
97	1421020086	Nguyễn Thị Thùy	Linh	11/02/96	10983				
98	1521080190	Nguyễn Tuấn	Linh	12/10/96	10984				
99	1221020361	Nguyễn Văn	Linh	21/07/94	10985				
100	1521060255	Chảo Láo	Lở	28/09/95	10986				
101	1521070297	Vũ Thị	Loan	12/11/97	10987				
102	1521010286	Bùi Xuân	Lộc	29/01/97	10988				
103	1521050214	Tạ Tấn	Lộc	21/02/97	10989				
104	1521010150	Đặng Văn	Lợi	17/08/97	10990				
105	1521060158	Nguyễn Thế	Lợi	17/11/97	10991				
106	1521060060	Vũ Hữu	Lợi	11/07/96	10992				
107	1321040517	Đỗ Trọng	Long	02/02/95	10993				
108	1521060453	Hoàng Nhật	Long	20/09/97	10994				
109	1521020103	Lý Đình	Long	05/05/95	10995				
110	1521060110	Mạc Văn	Long	16/06/95	10996				
111	1521060400	Nguyễn Đặng	Long	20/03/97	10997				
112	1521060421	Nguyễn Duy	Long	20/10/97	10998				
113	1521060402	Nguyễn Phú	Long	26/02/97	10999				
114	1321020140	Nguyễn Thành	Long	30/05/95	11000				
115	1521060384	Nguyễn Thành	Long	31/03/97	11001				
116	1521060378	Nguyễn Xuân	Long	20/04/97	11002				
117	1521070091	Trần Thăng	Long	17/02/97	11003				
118	1521070104	Lý Văn	Luân	16/08/97	11004				
119	1521019004	Phạm Gia	Luân	--/--/----	11005				
120	1521060439	Đinh Văn	Lực	17/12/97	11006				

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài: Tổng số tờ: Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

PHÒNG KHẢO THÍ & ĐBCLGD

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 2 HỌC KỲ 1 (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4010202 Nhóm: 203 Tổ thi: T001 Tên HP: Vật lý đại cương A2 + TN

Ngày thi: **26/02/2017** Phòng thi: **D3-1** Tiết bắt đầu: **2** Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
121	1521030076	Nguyễn Mạnh	Lực	07/02/97	11007				
122	1521060248	Nguyễn Tiến	Lực	12/09/97	11008				
123	1531040404	Lê Mã	Lương	17/10/94	11009				
124	1521020114	Nguyễn Danh	Lưu	08/10/97	11010				
125	1521040070	Trần Khánh	Ly	11/09/97	11011				
126	1521020109	Vũ Liu	Ly	27/10/97	11012				
127	1521050251	Vũ Thu	Ly	01/03/97	11013				
128	1521040177	Nguyễn Thị Ngọc	Mai	25/07/97	11014				
129	1521010354	Phạm Thị	Mai	20/11/97	11015				
130	1521080354	Nguyễn Thị	Mận	16/06/97	11016				
131	1521010369	Lê Văn	Mạnh	18/12/97	11017				
132	1521020046	Nguyễn Khắc	Mạnh	08/04/97	11018				
133	1421070081	Nguyễn Thế	Mạnh	09/01/96	11019				
134	1521050044	Phạm Tiến	Mạnh	11/12/97	11020				
135	1521040148	Phạm Văn	Mạnh	11/08/97	11021				
136	1521010194	Trần Văn	Mạnh	16/11/96	11022				
137	1521070152	Vũ Hoàng	Mạnh	25/12/97	11023				
138	1521050257	Vũ Văn	Mạnh	06/09/97	11024				
139	1521070304	Đỗ Văn	Minh	22/07/97	11025				
140	1221080045	Hoàng Văn	Minh	14/12/94	11026				
141	1521010293	Lê Ngọc	Minh	14/02/97	11027				
142	1521060109	Lê Văn	Minh	27/06/97	11028				
143	1521020066	Ngô Thiên	Minh	14/06/97	11029				
144	1221020389	Nguyễn Tuấn	Minh	18/12/94	11030				
145	1521080031	Nguyễn Văn	Minh	22/07/96	11031				
146	1521050317	Phạm Bình	Minh	18/08/94	11032				
147	1521070077	Phạm Văn	Minh	10/01/96	11033				
148	1521020043	Trần Văn	Minh	16/05/97	11034				

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài: Tổng số tờ: Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

PHÒNG KHẢO THÍ & ĐBCLGD

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 2 HỌC KỲ 1 (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4010202 Nhóm: 204 Tổ thi: T001 Tên HP: Vật lý đại cương A2 + TN

Ngày thi: **26/02/2017** Phòng thi: **D4-1** Tiết bắt đầu: **2** Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1521050250	Vũ Quang	Minh	16/04/96	11035				
2	1411060118	Vũ Triệu	Minh	01/04/96	11036				
3	1521060380	Đặng Văn	Mười	14/11/96	11037				
4	1521070307	Nguyễn Lê Trà	My	26/02/97	11038				
5	1421080292	Tống Hà	My	15/10/96	11039				
6	1521010368	Vũ Kim	Mỹ	15/04/95	11040				
7	1521050043	Bùi Văn	Nam	10/12/97	11041				
8	1521010160	Đào Văn	Nam	10/11/97	11042				
9	1521080206	Đỗ Phương	Nam	09/11/97	11043				
10	1521080207	Đỗ Văn	Nam	08/10/97	11044				
11	1521050433	Lê Hoàng	Nam	28/03/96	11045				
12	1521060012	Lê Tiến	Nam	25/11/97	11046				
13	1521060302	Lương Phương	Nam	19/06/97	11047				
14	1321060192	Lương Thành	Nam	13/05/95	11048				
15	1521010019	Ngô Thành	Nam	27/10/97	11049				
16	1521060422	Nguyễn Anh	Nam	30/04/96	11050				
17	1521050172	Nguyễn Đức	Nam	26/07/97	11051				
18	1521080209	Nguyễn Hoài	Nam	24/11/97	11052				
19	1521060357	Nguyễn Hoàng	Nam	08/11/97	11053				
20	1521050090	Nguyễn Phương	Nam	20/04/97	11054				
21	1521010136	Nguyễn Văn	Nam	15/08/97	11055				
22	1521060120	Nguyễn Văn	Nam	04/02/97	11056				
23	1521060134	Nguyễn Xuân	Nam	01/04/97	11057				
24	1521010199	Phạm Văn	Nam	02/07/97	11058				
25	1521050039	Phạm Văn	Nam	21/05/96	11059				
26	1421070090	Vũ Văn	Nam	10/10/96	11060				
27	1521010258	Nguyễn Thị	Nga	30/04/97	11061				
28	1521020051	Trần Thanh	Nga	29/06/97	11062				
29	1521030096	Đặng Thị Hồng	Ngát	16/11/97	11063				
30	1521010173	Đặng Văn	Nghĩa	10/01/96	11064				
31	1521060338	Hà Văn	Nghĩa	16/06/97	11065				
32	1521030274	Hoàng Thị	Nghĩa	15/10/97	11066				
33	1521060099	Lê Trọng	Nghĩa	14/05/96	11067				
34	1521040274	Phạm Văn	Nghĩa	17/10/97	11068				
35	1421060194	Đỗ Thanh	Ngọc	03/06/96	11069				
36	1321060204	Nguyễn Anh	Ngọc	04/12/94	11070				
37	1521080217	Nguyễn Thị Hồng	Ngọc	28/07/97	11071				
38	1321030167	Trần Quốc	Ngọc	15/03/95	11072				
39	1521060238	Kiều Thái	Nguyên	11/08/96	11073				
40	1421020118	Phạm Công	Nguyên	10/05/96	11074				

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài: Tổng số tờ: Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

PHÒNG KHẢO THÍ & ĐBCLGD

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 2 HỌC KỲ 1 (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4010202 Nhóm: 204 Tổ thi: T001 Tên HP: Vật lý đại cương A2 + TN

Ngày thi: **26/02/2017** Phòng thi: **D4-1** Tiết bắt đầu: **2** Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
41	1521010008	Tuấn Anh	Nguyễn	17/08/97	11075				
42	1521060155	Bùi Đức	Nguyện	06/08/97	11076				
43	1521050085	Phạm Trọng	Nhân	10/09/94	11077				
44	1521020027	Bùi Quang	Nhất	01/10/97	11078				
45	1521030111	Lương Khánh	Nhật	08/11/96	11079				
46	1521060204	Phạm Minh	Nhật	27/02/97	11080				
47	1521080044	Phương Thị	Như	01/11/97	11081				
48	1521060008	Nguyễn Thanh Hải	Ninh	27/04/97	11082				
49	1421060202	Nguyễn Văn	Ninh	26/06/96	11083				
50	1521060410	Nguyễn Phúc	Núi	16/08/96	11084				
51	1521030028	Lê Quang	Oai	22/04/97	11085				
52	1321040201	Phạm Thị	Oanh	25/03/94	11086				
53	1521050104	Phạm Thế	Phan	15/10/96	11087				
54	1421030486	Kiều Đức	Phong	19/11/96	11088				
55	1521010264	Phạm Văn	Phong	30/06/97	11089				
56	1521070079	Đỗ Đức	Phú	05/03/97	11090				
57	1521060211	Kiều Đại	Phú	14/05/96	11091				
58	1521070324	Nguyễn Thì	Phú	20/05/97	11092				
59	1521050203	Tô Văn	Phú	17/07/97	11093				
60	1521070036	Trần Văn	Phú	31/03/97	11094				
61	1521070038	Bùi Hoàng	Phúc	22/05/97	11095				
62	1521010253	Đỗ Duy	Phúc	22/01/97	11096				
63	1521050121	Phí Thành	Phúc	02/05/97	11097				
64	1521040025	Từ Bá	Phúc	08/02/97	11098				
65	1521070327	Vũ Trọng	Phúc	11/05/97	11099				
66	1521070150	Vũ Văn	Phúc	25/02/97	11100				
67	1521050196	Nguyễn Văn	Phước	19/06/97	11101				
68	1521010227	Phạm Hữu	Phước	02/07/96	11102				
69	1521060031	Trần Thiện	Phước	28/12/97	11103				
70	1521060165	Bùi Đức	Phương	23/06/97	11104				
71	1521070130	Bùi Văn	Phương	30/07/97	11105				
72	1521080037	Lê Anh	Phương	19/01/97	11106				
73	1521060064	Mạc Duy	Phương	06/10/97	11107				
74	1521030286	Nguyễn Thị Nhã	Phương	24/10/97	11108				
75	1521070050	Phan Thị	Phương	02/09/97	11109				
76	1521060300	Trần Minh	Phương	24/10/97	11110				
77	1521010443	Trương Hoàng	Phương	12/12/97	11111				
78	1521040286	Hoàng Thị Bích	Phượng	18/09/97	11112				
79	1511070002	Bùi Mạnh	Quân	04/11/97	11113				
80	1521030068	Đỗ Hữu	Quân	27/12/97	11114				

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài: Tổng số tờ: Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

PHÒNG KHẢO THÍ & ĐBCLGD

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 2 HỌC KỲ 1 (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4010202 Nhóm: 204 Tổ thi: T001 Tên HP: Vật lý đại cương A2 + TN

Ngày thi: **26/02/2017** Phòng thi: **D4-1** Tiết bắt đầu: **2** Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
81	1521050051	Hoàng Đình	Quân	20/12/97	11115				
82	1521030116	Nguyễn Văn	Quân	03/10/97	11116				
83	1521050139	Nguyễn Văn	Quân	18/11/97	11117				
84	1521010437	Phạm Hồng	Quân	10/02/96	11118				
85	1521010304	Phan Minh	Quân	04/10/97	11119				
86	1321040220	Trần Văn	Quân	20/05/95	11120				
87	1521050456	Vũ Minh	Quân	21/12/97	11121				
88	1521060432	Cao Đại	Quang	26/03/96	11122				
89	1521040290	Hồ Văn	Quang	22/01/97	11123				
90	1521060401	Hoàng Văn	Quang	10/05/97	11124				
91	1421070097	Nguyễn Hồng	Quang	02/02/95	11125				
92	1521040021	Nguyễn Ngọc	Quang	16/10/97	11126				
93	1521050195	Nguyễn Ngọc	Quang	14/10/97	11127				
94	1521050124	Trần Tuấn	Quang	24/02/97	11128				
95	1521070332	Trần Văn	Quang	19/06/97	11129				
96	1521070124	Trần Vinh	Quang	08/04/97	11130				
97	1521060095	Bùi Xuân	Quảng	16/11/97	11131				
98	1521060281	Phạm Thế	Quí	29/09/97	11132				
99	1521040163	Lương Hoàng	Quốc	02/06/97	11133				
100	1421040491	Đoàn Xuân	Quý	14/10/96	11134				
101	1521060198	Nguyễn Trọng	Quý	23/03/97	11135				
102	1521010254	Phạm Bảo	Quý	21/08/97	11136				
103	1521010105	Phạm Trung	Quý	21/08/97	11137				
104	1521010388	Nguyễn Thị	Quyên	05/06/97	11138				
105	1321030191	Vũ Quang	Quyền	06/08/95	11139				
106	1521060168	Vũ Văn	Quyền	09/06/97	11140				
107	1521080054	Bùi Xuân	Quỳnh	10/06/94	11141				
108	1521040104	Đỗ Mạnh	Quỳnh	12/10/96	11142				
109	1521070460	Lê Nguyệt	Quỳnh	31/01/97	11143				
110	1521050544	Nguyễn Hương	Quỳnh	18/04/97	11144				
111	1521040003	Nguyễn Thị Như	Quỳnh	14/12/97	11145				
112	1521010355	Nguyễn Xuân	Sắc	20/02/95	11146				
113	1521060328	Vũ Xuân	Sắc	07/08/97	11147				
114	1421070102	Chảo Láo	San	28/10/95	11148				
115	1521060324	Trần Y Quốc	Sang	21/09/97	11149				
116	1521040291	Đỗ Minh	Sáng	04/04/96	11150				
117	1521050292	Lưu Văn	Sáng	21/02/97	11151				
118	1521060367	Trần Văn	Sáng	01/05/97	11152				
119	1521020002L	Phenglilerm	Sansout	14/04/95	11153				
120	1521030053	Nguyễn Tiến	Sĩ	10/10/97	11154				

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài: Tổng số tờ: Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

PHÒNG KHẢO THÍ & ĐBCLGD

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 2 HỌC KỲ 1 (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4010202 Nhóm: 204 Tổ thi: T001 Tên HP: Vật lý đại cương A2 + TN

Ngày thi: **26/02/2017** Phòng thi: **D4-1** Tiết bắt đầu: **2** Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
121	1321020695	Bùi Hoàng	Sơn	13/05/95	11155				
122	1521070337	Bùi Xuân	Sơn	05/06/97	11156				
123	1521050177	Đỗ Bá	Sơn	17/07/97	11157				
124	1421040233	Đỗ Hoàng	Sơn	12/05/96	11158				
125	1521020071	Lê Hoàng	Sơn	10/05/97	11159				
126	1521050075	Nguyễn Đăng Ngọc	Sơn	05/12/96	11160				
127	1521080235	Nguyễn Hoàng	Sơn	02/01/97	11161				
128	1321010289	Nguyễn Hồng	Sơn	25/07/95	11162				
129	1521040160	Nguyễn Hồng	Sơn	13/10/97	11163				
130	1521011003	Nguyễn Hữu	Sơn	30/09/97	11164				
131	1521060289	Nguyễn Ngọc	Sơn	06/10/97	11165				
132	1521040075	Nguyễn Văn	Sơn	08/03/97	11166				
133	1321030197	Phạm Văn	Sơn	21/10/95	11167				
134	1521070134	Phạm Văn	Sơn	13/02/97	11168				
135	1521060457	Trịnh Công	Sơn	23/10/97	11169				
136	1521020028	Vũ Đình	Sơn	27/11/97	11170				
137	1321040238	Vũ Hoài	Sơn	24/08/95	11171				
138	1521080042	Vũ Văn	Sơn	09/09/97	11172				
139	1521040010	Vương Văn	Sơn	06/10/97	11173				
140	1521060253	Nguyễn Viết	Sóng	25/02/97	11174				
141	1521010418	Phạm Văn	Sự	06/08/97	11175				
142	1521060153	Đỗ Đức	Tài	25/08/97	11176				
143	1521060075	Đỗ Thế	Tài	13/11/97	11177				
144	1521060073	Nguyễn Hữu	Tài	08/04/97	11178				
145	1521060279	Nguyễn Hữu	Tài	21/11/97	11179				
146	1521070345	Nguyễn Văn	Tâm	03/10/96	11180				

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài: Tổng số tờ: Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

PHÒNG KHẢO THÍ & ĐBCLGD

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 2 HỌC KỲ 1 (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4010202 Nhóm: 205 Tổ thi: T001 Tên HP: Vật lý đại cương A2 + TN

Ngày thi: **26/02/2017** Phòng thi: **A205** Tiết bắt đầu: **4** Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1421050178	Phạm Minh	Tâm	20/11/96	11181				
2	1521080238	Nguyễn Mạnh	Tân	17/07/97	11182				
3	1521060085	Nguyễn Văn	Tân	11/07/97	11183				
4	1521010135	Nguyễn Viết	Tân	11/12/97	11184				
5	1421040241	Lương Trọng	Tấn	24/03/96	11185				
6	1521060054	Nguyễn Trọng	Tấn	21/10/97	11186				
7	1521010333	Nguyễn Đức	Thạch	28/10/97	11187				
8	1521010299	Phạm Văn	Thái	14/01/97	11188				
9	1521040301	Trần Văn	Thái	21/02/97	11189				
10	1521050226	Nguyễn Đăng	Thăng	27/09/97	11190				
11	1521070032	Bùi Đức	Thắng	30/12/97	11191				
12	1521070111	Bùi Hữu	Thắng	14/03/97	11192				
13	1521070118	Đoàn Xuân	Thắng	20/10/97	11193				
14	1521060125	Hoàng Hữu	Thắng	23/10/97	11194				
15	1321070656	Lê Sỹ	Thắng	10/08/95	11195				
16	1521050050	Ngô Thế	Thắng	30/10/97	11196				
17	1521070353	Nguyễn Công	Thắng	04/05/97	11197				
18	1521020373	Nguyễn Đức	Thắng	17/06/96	11198				

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài: Tổng số tờ: Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

PHÒNG KHẢO THÍ & ĐBCLGD

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 2 HỌC KỲ 1 (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4010202 Nhóm: 206 Tổ thi: T001 Tên HP: Vật lý đại cương A2 + TN

Ngày thi: **26/02/2017** Phòng thi: **A206** Tiết bắt đầu: **4** Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1521040036	Nguyễn Đức	Thắng	28/11/96	11199				
2	1531040406	Nguyễn Đức	Thắng	14/07/94	11200				
3	1521030308	Nguyễn Hữu	Thắng	11/09/97	11201				
4	1521040013	Nguyễn Quyết	Thắng	02/02/97	11202				
5	1521060461	Nguyễn Văn	Thắng	06/07/95	11203				
6	1321060288	Phạm Đức	Thắng	01/05/95	11204				
7	1521060424	Trần Quang	Thắng	25/10/97	11205				
8	1521080242	Trần Quyết	Thắng	09/11/97	11206				
9	1521010422	Trịnh Xuân	Thắng	22/08/95	11207				
10	1521050025	Văn Tiến	Thắng	05/12/97	11208				
11	1521060376	Vũ Xuân	Thắng	02/08/97	11209				
12	1521040303	Đỗ Văn	Thanh	24/12/97	11210				
13	1521060266	Nguyễn Anh	Thanh	09/06/97	11211				
14	1421060246	Nguyễn Chí	Thanh	05/10/96	11212				
15	1521060039	Phạm Duy	Thanh	08/01/97	11213				
16	1521080245	Cao Văn	Thành	24/12/97	11214				
17	1521040041	Đào Văn	Thành	12/08/96	11215				
18	1521050093	Hoàng Tuấn	Thành	19/06/97	11216				
19	1421060250	Nguyễn Đình	Thành	16/04/96	11217				
20	1521010038	Nguyễn Hữu	Thành	30/08/97	11218				
21	1521050164	Phí Đình	Thành	19/05/97	11219				
22	1521030070	Phùng Bá	Thành	27/10/97	11220				
23	1421070115	Tô Minh	Thành	08/11/96	11221				
24	1521040026	Trịnh Thế	Thao	09/02/95	11222				
25	1521080069	Đặng Phương	Thảo	21/08/96	11223				
26	1521010381	Dương Thị Hương	Thảo	28/10/97	11224				
27	1521080070	Hoàng Phương	Thảo	08/09/97	11225				
28	1521060014	Mạc Duy	Thảo	25/08/97	11226				
29	1321030215	Nguyễn Viết	Thảo	30/01/93	11227				
30	1521070364	Nguyễn Xuân	Thảo	01/08/97	11228				
31	1521060219	Phạm Hữu	Thảo	12/11/97	11229				
32	1521010121	Lại Văn	Thiểm	17/01/97	11230				
33	1521010009	Nguyễn Tiến	Thiên	23/09/97	11231				
34	1521010302	Đỗ Huy	Thiện	16/08/97	11232				
35	1521010022	Lê Đức	Thiện	13/09/97	11233				
36	1521040018	Nguyễn Ngọc	Thiện	24/02/97	11234				
37	1521050218	Nguyễn Ngọc	Thiện	09/08/97	11235				
38	1521040105	Nguyễn Quang	Thiện	09/08/96	11236				
39	1521060020	Phạm Đăng	Thiện	16/04/97	11237				
40	1521030104	Trương Quốc	Thiện	20/01/97	11238				

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài: Tổng số tờ: Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

PHÒNG KHẢO THÍ & ĐBCLGD

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 2 HỌC KỲ 1 (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4010202 Nhóm: 206 Tổ thi: T001 Tên HP: Vật lý đại cương A2 + TN

Ngày thi: **26/02/2017** Phòng thi: **A206** Tiết bắt đầu: **4** Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
41	1521040311	Vũ Đình	Thiện	06/01/97	11239				
42	1521050161	Nguyễn Đức	Thịnh	11/06/97	11240				
43	1521030019	Nguyễn Tiến	Thịnh	12/08/97	11241				
44	1521060231	Nguyễn Văn	Thịnh	26/11/97	11242				

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài: Tổng số tờ: Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

PHÒNG KHẢO THÍ & ĐBCLGD

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 2 HỌC KỲ 1 (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4010202 Nhóm: 207 Tổ thi: T001 Tên HP: Vật lý đại cương A2 + TN

Ngày thi: **26/02/2017** Phòng thi: **A303** Tiết bắt đầu: **4** Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1521050159	Phùng Xuân	Thịnh	09/05/97	11243				
2	1521060233	Nguyễn Tiến	Thọ	05/02/86	11244				
3	1521060050	Trần Văn	Thoàn	27/08/97	11245				
4	1521060241	Dương Đức	Thông	19/03/97	11246				
5	1521030317	Lê Đình	Thông	10/11/97	11247				
6	1521060351	Trịnh Văn	Thông	11/01/97	11248				
7	1521040124	Lê Hoài	Thu	07/03/97	11249				
8	1521030319	Phạm Hồng	Thu	26/08/97	11250				
9	1521010352	Vũ Thị	Thu	01/01/97	11251				
10	1521070033	Nghiêm Đình	Thuấn	20/12/96	11252				
11	1521060406	Nguyễn Đức	Thuận	12/04/97	11253				
12	1521010102	Phạm Quang	Thuận	08/08/97	11254				
13	1521060201	Phạm Văn	Thuận	03/02/97	11255				
14	1521070371	Phan Quang	Thuận	16/12/96	11256				
15	1521010371	Trần Văn	Thuận	13/07/97	11257				
16	1521060230	Trương Văn	Thuận	11/10/97	11258				
17	1521040117	Nguyễn Tri	Thức	05/08/97	11259				
18	1631020006	Trần Quốc	Thức	06/03/1994	11260				
19	1521080258	Phạm Thị Băng	Thương	03/11/97	11261				
20	1521050145	Nguyễn Quốc	Thưởng	29/09/97	11262				
21	1521080261	Đặng Thị	Thúy	12/03/97	11263				
22	1631020005	Nguyễn Thị Thanh	Thùy	28/11/1994	11264				
23	1521060111	Đinh Thị	Thủy	04/04/97	11265				
24	1521050305	Nguyễn Thị	Thủy	15/03/97	11266				
25	1521050136	Đào Quyết	Tiến	10/09/97	11267				
26	1521060296	Đỗ Minh	Tiến	19/11/97	11268				
27	1521020018	Nguyễn Anh	Tiến	17/12/97	11269				
28	1521030122	Nguyễn Hoàng	Tiến	21/12/97	11270				
29	1521010192	Nguyễn Thế	Tiến	14/08/97	11271				
30	1521070129	Trần Mạnh	Tiến	13/07/94	11272				
31	1521010082	Trần Minh	Tiến	26/08/97	11273				
32	1521080266	Trần Viết	Tiến	15/09/97	11274				
33	1521080267	Vi Thành	Tiến	29/01/97	11275				
34	1521060096	Vũ Đình	Tiến	08/12/97	11276				
35	1521070137	Vũ Đình	Tiến	07/12/97	11277				
36	1521020044	Chu Khắc	Tiệp	01/06/97	11278				
37	1521010079	Trần Mạnh	Tính	30/09/97	11279				
38	1521040175	Bùi Duy	Tình	19/11/96	11280				
39	1521020317	Lê Ngọc	Tình	10/09/94	11281				
40	1221010353	Trần Văn	Tình	14/06/93	11282				

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài: Tổng số tờ: Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

PHÒNG KHẢO THÍ & ĐBCLGD

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 2 HỌC KỲ 1 (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4010202 Nhóm: 207 Tổ thi: T001 Tên HP: Vật lý đại cương A2 + TN

Ngày thi: **26/02/2017** Phòng thi: **A303** Tiết bắt đầu: **4** Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
41	1521030099	Nguyễn Văn	Toàn	25/06/97	11283				
42	1631020007	Vũ Minh	Toàn	19/06/1991	11284				
43	1521070122	Nguyễn Hữu	Toản	30/08/97	11285				
44	1521060277	Hoàng Đức	Tôn	15/01/97	11286				
45	1521050013	Nguyễn Thành	Tôn	26/08/97	11287				
46	1521060362	Bùi Xuân	Trà	19/05/97	11288				

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài: Tổng số tờ: Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

PHÒNG KHẢO THÍ & ĐBCLGD

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 2 HỌC KỲ 1 (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4010202 Nhóm: 208 Tổ thi: T001 Tên HP: Vật lý đại cương A2 + TN

Ngày thi: **26/02/2017** Phòng thi: **A304** Tiết bắt đầu: **4** Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1521060200	Khang	Trần	12/04/97	11289				
2	1521040141	Chu Thị Thu	Trang	19/02/97	11290				
3	1521040142	Đỗ Thị Huyền	Trang	02/03/97	11291				
4	1421080398	Nguyễn Huyền	Trang	05/08/96	11292				
5	1521010158	Nguyễn Thị Hương	Trang	09/09/97	11293				
6	1521050016	Nguyễn Thị Thu	Trang	08/02/97	11294				
7	1521040081	Nguyễn Thị Thùy	Trang	09/09/97	11295				
8	1521010391	Nguyễn Thu	Trang	24/12/96	11296				
9	1521040318	Nguyễn Thùy	Trang	16/03/97	11297				
10	1521080028	Phạm Thị Ngọc	Trang	11/03/97	11298				
11	1521060108	Trần Thị	Trang	21/11/97	11299				
12	1521020102	Trần Thị Huyền	Trang	26/11/97	11300				
13	1521010385	Nguyễn Văn	Trí	06/08/96	11301				
14	1521060183	Vương Cảnh	Trí	19/12/97	11302				
15	1521050249	Lại Hữu	Triều	21/01/97	11303				
16	1521060397	Vũ Ngọc	Triệu	05/09/97	11304				
17	1521070013	Lê Hồng	Trình	30/08/97	11305				
18	1521020321	Nguyễn Văn	Trình	21/04/97	11306				
19	1521060070	Văn	Trịnh	14/09/97	11307				
20	1521070379	Phạm Bá	Trong	01/09/95	11308				
21	1521060387	Phạm Minh	Trọng	13/08/97	11309				
22	1521060438	Phạm Vũ	Trọng	06/10/97	11310				
23	1521010147	Vũ Văn	Trọng	21/11/97	11311				
24	1521060257	Đoàn Thế	Trung	18/01/97	11312				
25	1421060602	Dương Thành	Trung	07/08/95	11313				
26	1521060426	Lê Thế	Trung	09/09/97	11314				
27	1531060401	Lương Văn	Trung	02/04/	11315				
28	1321030245	Nguyễn Đình	Trung	29/04/95	11316				
29	1521020008	Nguyễn Đình	Trung	06/09/97	11317				
30	1521040086	Nguyễn Thành	Trung	22/02/97	11318				
31	1521070047	Nhữ Quang	Trung	08/06/97	11319				
32	1521030023	Phạm Ngọc	Trung	21/02/97	11320				
33	1221040281	Tăng Xuân	Trung	03/08/94	11321				
34	1521050117	Trần Đức	Trung	06/01/97	11322				
35	1521060068	Vũ Văn	Trung	01/08/97	11323				
36	1521070123	Vũ Văn	Trung	30/07/97	11324				
37	1321060321	Dương Đức	Trương	27/10/95	11325				
38	1521030080	Đào Duy	Trường	09/02/97	11326				
39	1521010346	Đào Xuân	Trường	30/12/96	11327				
40	1421060611	Hoàng Đình	Trường	17/02/95	11328				

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài: Tổng số tờ: Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

PHÒNG KHẢO THÍ & ĐBCLGD

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 2 HỌC KỲ 1 (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4010202 Nhóm: 208 Tổ thi: T001 Tên HP: Vật lý đại cương A2 + TN

Ngày thi: **26/02/2017** Phòng thi: **A304** Tiết bắt đầu: **4** Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
41	1521040074	Lê Đắc	Trường	11/04/97	11329				
42	1521030337	Nguyễn Văn	Trường	05/07/96	11330				
43	1521040103	Nguyễn Văn	Trường	28/10/97	11331				
44	1521030338	Nguyễn Xuân	Trường	28/07/96	11332				
45	1521010285	Phạm Quang	Trường	25/07/97	11333				
46	1521020327	Phạm Văn	Trường	06/04/97	11334				
47	1521020112	Trần Nhật	Trường	03/08/97	11335				
48	1521070385	Vi Hồng	Trường	18/09/97	11336				

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài: Tổng số tờ: Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

PHÒNG KHẢO THÍ & ĐBCLGD

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 2 HỌC KỲ 1 (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4010202 Nhóm: 209 Tổ thi: T001 Tên HP: Vật lý đại cương A2 + TN

Ngày thi: **26/02/2017** Phòng thi: **A305** Tiết bắt đầu: **4** Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1321030931	Đỗ Đức	Tú	17/02/95	11337				
2	1521070387	Mạc Văn	Tú	27/11/97	11338				
3	1521010225	Mai Huy	Tú	22/04/97	11339				
4	1321030248	Nguyễn Ngọc	Tú	26/02/94	11340				
5	1421030216	Nguyễn Tuấn	Tú	26/05/96	11341				
6	1511080001	Nguyễn Tuấn	Tú	04/06/97	11342				
7	1521060121	Nguyễn Văn	Tú	16/06/97	11343				
8	1521020076	Phạm Văn	Tú	09/05/97	11344				
9	1521070466	Trần Ngọc	Tú	15/02/97	11345				
10	1521070084	Phạm Thành	Tuân	16/09/97	11346				
11	1521060180	Phan Văn	Tuân	24/06/96	11347				
12	1521060057	Trần Anh	Tuân	17/09/97	11348				
13	1521020011	Bùi Văn	Tuấn	13/01/97	11349				
14	1521060460	Chu Quang	Tuấn	04/07/97	11350				
15	1521010241	Đặng Anh	Tuấn	19/08/94	11351				
16	1521010197	Dương Anh	Tuấn	08/09/97	11352				
17	1521010077	Hoàng Minh	Tuấn	12/01/96	11353				
18	1411030070	Lê Anh	Tuấn	26/09/95	11354				
19	1421070134	lê anh	tuấn	07/09/96	11355				
20	1521010104	Lê Danh	Tuấn	25/02/97	11356				
21	1521060195	Lê Văn	Tuấn	25/09/97	11357				
22	1521070060	Lương Anh	Tuấn	21/01/97	11358				
23	1521070395	Lưu Thanh	Tuấn	02/06/95	11359				
24	1521010341	Nguyễn Anh	Tuấn	09/10/97	11360				
25	1521080278	Nguyễn Anh	Tuấn	02/11/97	11361				
26	1521020382	Nguyễn Đăng	Tuấn	16/08/97	11362				
27	1521040162	Nguyễn Đức	Tuấn	21/06/97	11363				
28	1521060232	Nguyễn Minh	Tuấn	03/03/97	11364				
29	1521060259	Nguyễn Minh	Tuấn	10/02/97	11365				
30	1521070039	Nguyễn Quang	Tuấn	18/07/96	11366				
31	1521030020	Nguyễn Văn	Tuấn	26/10/97	11367				
32	1521060444	Nguyễn Văn	Tuấn	01/07/97	11368				
33	1521010281	Nguyễn Văn Quốc	Tuấn	14/08/97	11369				
34	1521060430	Phạm Anh	Tuấn	13/12/97	11370				
35	1521010050	Phạm Văn	Tuấn	23/08/97	11371				
36	1221030183	Phạm Xuân	Tuấn	19/08/94	11372				
37	1521020004	Phí Văn	Tuấn	11/11/97	11373				
38	1411030072	Thang Anh	Tuấn	11/05/96	11374				
39	1521020339	Trịnh Hữu	Tuấn	24/03/94	11375				
40	1521040327	Vũ Đức Anh	Tuấn	05/05/97	11376				

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài: Tổng số tờ: Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

PHÒNG KHẢO THÍ & ĐBCLGD

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 2 HỌC KỲ 1 (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4010202 Nhóm: 209 Tổ thi: T001 Tên HP: Vật lý đại cương A2 + TN

Ngày thi: **26/02/2017** Phòng thi: **A305** Tiết bắt đầu: **4** Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
41	1421050697	Vũ Văn	Tuấn	13/02/96	11377				
42	1521010097	Bùi Thanh	Tùng	03/10/97	11378				
43	1521020340	Đào Nguyên	Tùng	25/06/97	11379				
44	1321040322	Đỗ Xuân	Tùng	17/10/94	11380				
45	1521070405	Đoàn Thanh	Tùng	11/09/97	11381				
46	1521050254	Hoàng Thanh	Tùng	25/09/95	11382				
47	1521070068	Lê Trung	Tùng	02/06/97	11383				
48	1521070406	Lê Xuân	Tùng	07/10/97	11384				

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài: Tổng số tờ: Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

PHÒNG KHẢO THÍ & ĐBCLGD

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 2 HỌC KỲ 1 (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4010202 Nhóm: 210 Tổ thi: T001 Tên HP: Vật lý đại cương A2 + TN

Ngày thi: **26/02/2017** Phòng thi: **A306** Tiết bắt đầu: **4** Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1521060169	Nguyễn Thanh	Tùng	16/09/97	11385				
2	1521020080	Nguyễn Văn	Tùng	10/01/97	11386				
3	1521070049	Nguyễn Xuân	Tùng	06/12/97	11387				
4	1521060145	Tôn Thế	Tùng	07/03/97	11388				
5	1521020034	Trần Thanh	Tùng	13/03/97	11389				
6	1521010145	Phạm Thị	Tươi	20/09/97	11390				
7	1521020346	Lê Đình	Tường	10/07/97	11391				
8	1521070065	Đặng Thế	Tuyên	26/07/96	11392				
9	1421060306	Hoàng Văn	Tuyên	09/12/93	11393				
10	1521060359	Trần Văn	Tuyên	11/06/97	11394				
11	1321040325	Phạm Văn	Tuyến	20/11/95	11395				
12	1521050063	Nguyễn Công	Tuyền	27/02/97	11396				
13	1521060245	Phạm Văn	Tuyển	05/06/97	11397				
14	1521050235	Tạ Thị	Tuyết	17/12/97	11398				
15	1421080122	Nguyễn Thị Kiều	Vân	24/06/96	11399				
16	1521060187	Nguyễn Anh	Văn	12/09/97	11400				
17	1521080287	Phùng Đình	Văn	02/12/97	11401				
18	1521010212	Kiều Văn	Vệ	12/09/97	11402				
19	1521010026	Đoàn Văn	Viện	07/10/97	11403				
20	1521050135	Bùi Đức	Việt	25/11/97	11404				
21	1521030078	Đinh Hoàng	Việt	26/08/97	11405				
22	1521060250	Hoàng Tuấn	Việt	07/12/97	11406				
23	1521040032	Lê Quốc	Việt	10/09/97	11407				
24	1521050168	Nguyễn Đại	Việt	22/03/97	11408				
25	1221070176	Nguyễn Văn	Việt	29/07/93	11409				
26	1521060382	Nguyễn Văn	Việt	02/04/97	11410				
27	1521060118	Nguyễn Xuân Anh	Việt	19/04/97	11411				
28	1521010032	Trần Quốc	Việt	13/11/97	11412				
29	1521060316	Vũ Quốc	Việt	26/12/97	11413				
30	1521070117	Nguyễn Đình	Vinh	28/11/95	11414				
31	1521030044	Nguyễn Kim	Vinh	30/05/97	11415				
32	1421040571	Phùng Đức	Vinh	22/03/95	11416				
33	1521050046	Tống Xuân	Vinh	19/05/97	11417				
34	1521040185	Trần Quang	Vinh	01/09/97	11418				
35	1521070469	Nguyễn Quang	Vĩnh	11/03/97	11419				
36	1521030109	Lê Quang	Vũ	01/02/96	11420				
37	1521020352	Nguyễn Anh	Vũ	27/10/97	11421				
38	1221060499	Trần Quang	Vũ	01/09/93	11422				
39	1521060194	Đỗ Ngọc	Xuân	01/04/97	11423				
40	1521080056	Đỗ Thị	Xuân	25/03/97	11424				

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài: Tổng số tờ: Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

PHÒNG KHẢO THÍ & ĐBCLGD

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 2 HỌC KỲ 1 (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4010202 Nhóm: 210 Tổ thi: T001 Tên HP: Vật lý đại cương A2 + TN

Ngày thi: **26/02/2017** Phòng thi: **A306** Tiết bắt đầu: **4** Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
41	1221030200	Phạm Thanh	Xuân	21/12/94	11425				
42	1521020096	Vũ Trọng	Xuyên	17/10/97	11426				
43	1521020001L	Souliphone	Yanxana	13/10/96	11427				
44	1521040002	Đặng Hưng	Yên	30/08/97	11428				
45	1521050082	Hồ Thị	Yến	25/03/97	11429				

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài: Tổng số tờ: Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

PHÒNG KHẢO THÍ & ĐBCLGD

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 2 HỌC KỲ 1 (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4010202 Nhóm: 211 Tổ thi: T001 Tên HP: Vật lý đại cương A2 + TN

Ngày thi: **26/02/2017** Phòng thi: **B307** Tiết bắt đầu: **7** Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1321040401	Phương Thế	An	03/01/95	11430				
2	1521010237	Trần Thị Lan	Anh	21/04/97	11431				
3	1521010271	Đỗ Văn	Cường	09/05/97	11432				
4	1631020002	Phan Xuân	Đăng	02/04/1991	11433				
5	1521070207	Bùi Tuấn	Đạt	19/07/97	11434				
6	1521060130	Nguyễn Đình	Đức	20/01/96	11435				
7	1521060102	Dương Văn	Hải	12/11/97	11436				
8	1521040254	Nguyễn Xuân	Khải	06/12/97	11437				
9	1521060336	Phạm Nguyễn Trung	Kiên	23/07/97	11438				
10	1321060198	Nguyễn Văn	Nam	29/10/94	11439				
11	1521030272	Phùng Đức	Nam	03/01/97	11440				
12	1521060273	Lê Minh	Phương	27/09/97	11441				
13	1521040046	Nhữ Ngọc	Quý	30/05/94	11442				
14	1321050888	Phạm Hồng	Sơn	10/10/95	11443				
15	1321030200	Đỗ Duy	Tân	19/08/95	11444				
16	1631060007	Trần Minh	Tuấn	24/01/1992	11445				
17	1521040078	Đặng Long	Vũ	04/11/97	11446				

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài: Tổng số tờ: Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

PHÒNG KHẢO THÍ & ĐBCLGD

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 2 HỌC KỲ 1 (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4010301 Nhóm: 201 Tổ thi: T001 Tên HP: Hóa học đại cương phần 1 + TN

Ngày thi: **26/02/2017** Phòng thi: **A203** Tiết bắt đầu: **2** Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1524010001L	Soudsaychai Homdouan	.	26/01/97	11447				
2	1621050458	Chu Thanh Tùng	Anh	31/03/1998	11448				
3	1621050624	Lê Tuấn	Anh	08/04/1998	11449				
4	1621050603	Nguyễn Nam	Anh	25/08/1998	11450				
5	1621050163	Nguyễn Tuấn	Anh	22/12/1998	11451				
6	1621050330	Nguyễn Thị Ngọc	ánh	03/12/1998	11452				
7	1421060016	Bùi Văn	Bảo	27/09/95	11453				
8	1621050467	Hà Vĩnh Nhật	Bảo	23/02/1998	11454				
9	1621050525	Thiều Văn	Bình	18/01/1998	11455				
10	1621050305	Nguyễn Thị	Chi	23/08/1998	11456				
11	1621050071	Nguyễn Đình	Chiến	26/10/1998	11457				
12	1621050281	Trần Minh	Chiến	02/03/1998	11458				
13	1321040433	Nguyễn Văn	Công	20/08/94	11459				
14	1611050013	Nguyễn Chí	Cương	19/04/1996	11460				
15	1621050575	Nguyễn Ngọc	Cường	08/05/1998	11461				
16	1421070230	Phạm Đức	Đại	23/01/96	11462				
17	1621050798	Hoàng Văn	Đạt	09/10/1998	11463				
18	1621050059	Ngô Xuân	Đạt	28/03/1998	11464				
19	1621050368	Trần Anh	Đức	12/09/1998	11465				
20	1621050252	Trương Thành	Đức	27/09/1998	11466				
21	1621050277	Nguyễn Việt	Dũng	21/02/1998	11467				
22	1621050802	Đặng Ngọc	Dương	26/09/1998	11468				
23	1421060059	Đỗ Đức	Dương	14/05/96	11469				
24	1621050434	Lê Nhật	Dương	23/02/1998	11470				
25	1621050873	Nguyễn Văn	Duy	14/08/1998	11471				
26	1621050275	Hoàng Thị Hồng	Gấm	25/11/1998	11472				
27	1621050470	Nguyễn Thanh	Hải	01/10/1997	11473				
28	1321060103	Trần Văn	Hải	16/11/95	11474				
29	1621050245	Lưu Thị	Hạnh	16/12/1998	11475				
30	1524010232	Đặng Thị Phương	Hảo	18/10/97	11476				
31	1524010097	Nguyễn Thanh	Hảo	21/12/97	11477				
32	1621050101	Phạm Doãn	Hiệp	10/10/1998	11478				
33	1321070500	Lê Minh	Hiếu	14/01/95	11479				
34	1421060106	Nguyễn Văn	Hiếu	04/05/96	11480				
35	1621050054	Vũ Minh	Hiếu	08/11/1998	11481				
36	1321060499	Hồ Văn	Hoàng	08/03/95	11482				
37	1621050404	Lê Việt	Hoàng	27/12/1998	11483				
38	1621050593	Nguyễn Hải	Hoàng	14/12/1998	11484				
39	1621050401	Trần Việt	Hoàng	15/02/1998	11485				
40	1421060140	Nguyễn Hữu	Hưng	22/10/95	11486				

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài: Tổng số tờ: Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

PHÒNG KHẢO THÍ & ĐBCLGD

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 2 HỌC KỲ 1 (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4010301 Nhóm: 201 Tổ thi: T001 Tên HP: Hóa học đại cương phần 1 + TN

Ngày thi: **26/02/2017** Phòng thi: **A203** Tiết bắt đầu: **2** Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
41	1621050249	Quách Duy	Hưng	03/11/1998	11487				
42	1524010151	Nguyễn Thị	Hương	13/04/96	11488				
43	1621050070	Đặng Quang	Huy	20/05/1998	11489				
44	1621050720	Nguyễn Duy	Huy	25/07/1998	11490				
45	1321050094	Nguyễn Thị	Huyền	02/09/95	11491				
46	1521010093	Vũ Đức	Mạnh	25/07/97	11492				

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài: Tổng số tờ: Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

PHÒNG KHẢO THÍ & ĐBCLGD

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 2 HỌC KỲ 1 (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4010301 Nhóm: 202 Tổ thi: T001 Tên HP: Hóa học đại cương phần 1 + TN

Ngày thi: **26/02/2017** Phòng thi: **A204** Tiết bắt đầu: **2** Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1421040187	Mai Ngọc	Minh	02/08/95	11493				
2	1621050197	Nguyễn Trung	Nam	08/06/1998	11494				
3	1321040184	Phạm Duy	Nam	14/08/95	11495				
4	1321040187	Bế Văn	Năm	23/02/95	11496				
5	1621050608	Vũ Tấn	Phát	30/08/1998	11497				
6	1621050190	Nguyễn Bá	Phong	19/04/1998	11498				
7	1621050543	Nguyễn Văn	Phong	30/07/1998	11499				
8	1621050178	Nguyễn Bá Lưu	Phước	05/10/1998	11500				
9	1621050362	Nguyễn Thị	Phượng	15/10/1998	11501				
10	1221030388	Đinh Sơn	Quân	06/12/94	11502				
11	1621050356	Tống Hữu	Quân	07/05/1998	11503				
12	1621050288	Mai Cảnh	Quang	16/01/1998	11504				
13	1221040201	Nguyễn Duy	Quý	03/11/94	11505				
14	1611050017	Trương Ngọc Hải	Quý	19/04/1998	11506				
15	1621050888	Nguyễn Thế	Quyền	02/01/1997	11507				
16	1621050461	Đỗ Đình	Quỳnh	24/09/1998	11508				
17	1621050518	Cao Hồng	Sơn	19/01/1998	11509				
18	1621050074	Nguyễn Văn	Sỹ	09/09/1998	11510				
19	1621050620	Đoàn Đình	Tâm	19/02/1998	11511				
20	1321060253	Lê Văn	Tâm	20/01/95	11512				
21	1621050880	Nguyễn Đình	Tân	27/08/1998	11513				
22	1321030202	Đỗ Mạnh	Thái	22/11/94	11514				
23	1621050598	Nguyễn Văn	Thái	24/05/1996	11515				
24	1621050440	Đoàn Đức	Thắng	06/04/1998	11516				
25	1621050479	Nguyễn Văn	Thắng	11/12/1998	11517				
26	1621050107	Đinh Ngọc	Thành	11/11/1998	11518				
27	1611050016	Dương Đức	Thành	29/12/1998	11519				
28	1621050173	Nguyễn Danh	Thành	27/12/1998	11520				
29	1621050241	Trần Văn	Thành	05/08/1998	11521				
30	1621050764	Trịnh Viết	Thiên	25/11/1998	11522				
31	1321030864	Trần Xuân	Thiệu	15/09/95	11523				
32	1621050566	Nguyễn Hữu	Thịnh	22/06/1998	11524				
33	1321020209	Trương Thị Tuyết	Thu	02/11/94	11525				
34	1621050179	Nguyễn Văn	Tiến	16/12/1998	11526				
35	1621050542	Phan Thị Kim	Tiến	15/07/1997	11527				
36	1321020223	Trần Văn	Toản	19/07/95	11528				
37	1321060641	Trương Quốc	Toản	04/08/94	11529				
38	1321030919	Viên Văn	Trung	22/01/95	11530				
39	1621050398	Nguyễn Phi	Truyền	24/04/1998	11531				
40	1221070173	Nguyễn Văn	Tư	18/04/94	11532				

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài: Tổng số tờ: Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

PHÒNG KHẢO THÍ & ĐBCLGD

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 2 HỌC KỲ 1 (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4010301 Nhóm: 202 Tổ thi: T001 Tên HP: Hóa học đại cương phần 1 + TN

Ngày thi: **26/02/2017** Phòng thi: **A204** Tiết bắt đầu: **2** Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
41	1621050489	Trịnh Quốc	Tuấn	27/11/1998	11533				
42	1621050416	Đinh Thanh	Tùng	09/06/1998	11534				
43	1621050238	Trần Minh	Tùng	01/08/1998	11535				
44	1621050596	Doãn	Tường	28/10/1998	11536				
45	1621050212	Phạm Mạnh	Tường	11/10/1998	11537				
46	1621050506	Lê Quang	Vượng	05/11/1998	11538				
47	1621050263	Nguyễn Thị	Xuân	15/06/1998	11539				

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài: Tổng số tờ: Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

PHÒNG KHẢO THÍ & ĐBCLGD

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 2 HỌC KỲ 1 (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4010301 Nhóm: 203 Tổ thi: T001 Tên HP: Hóa học đại cương phần 1 + TN

Ngày thi: **26/02/2017** Phòng thi: **B401** Tiết bắt đầu: **7** Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1621050224	Lê Trần Việt	Anh	19/01/1998	11540				
2	1621050186	Nguyễn Thế	Châu	16/02/1998	11541				
3	1621050180	Bùi Đình	Đa	03/04/1998	11542				
4	1621050853	Đinh Văn	Đại	01/11/1994	11543				
5	1621050023	Lê Quý	Đạt	20/02/1998	11544				
6	1621050203	Nguyễn Ngọc	Diện	05/08/1998	11545				
7	1621050421	Đỗ Văn	Định	18/06/1998	11546				
8	1621050287	Hoàng Anh	Đức	03/09/1998	11547				
9	1621050019	Lê Chí	Đức	23/01/1998	11548				
10	1621050210	Vũ Tiến	Dũng	13/01/1998	11549				
11	1511070003	Nguyễn Việt	Hán	25/05/97	11550				
12	1621050092	Nguyễn Minh	Hiếu	03/11/1998	11551				
13	1621050840	Vũ Nguyên	Hoàng	16/03/1998	11552				
14	1621050221	Trần Khải	Hưng	14/12/1998	11553				
15	1621050548	Trần Quang	Huy	09/09/1998	11554				
16	1621050335	Nguyễn Tất	Lọc	21/05/1998	11555				
17	1621050496	Nguyễn Quý	Lợi	09/03/1998	11556				
18	1621050554	Đỗ Nhật	Minh	11/01/1998	11557				
19	1621050584	Trần Đức	Nam	06/12/1998	11558				
20	1621050006	Nguyễn Thị	Ngân	04/11/1998	11559				
21	1621050468	Lê Anh	Ngọc	22/06/1998	11560				
22	1621050825	Nguyễn Tuấn	Ngọc	10/07/1998	11561				
23	1511070002	Bùi Mạnh	Quân	04/11/97	11562				
24	1621050629	Bùi Nhật	Quang	25/10/1998	11563				
25	1621050239	Nguyễn Văn	Quyền	06/10/1998	11564				
26	1621050600	Nguyễn Hồng	Sơn	26/04/1998	11565				
27	1621050538	Phạm Đức	Tân	29/09/1998	11566				
28	1621050601	Nguyễn Văn	Thắng	19/08/1998	11567				
29	1621050733	Nguyễn Văn	Thắng	06/09/1998	11568				
30	1611050007	Trần Phương	Thảo	10/12/1998	11569				
31	1621050573	Trần Đức	Thịnh	10/03/1998	11570				
32	1221050098	Lê Văn	Thuấn	13/09/94	11571				
33	1621050587	Nguyễn Thị Phương	Thúy	04/11/1998	11572				
34	1621050615	Nguyễn Thị	Thùy	05/03/1998	11573				
35	1621050830	Nguyễn Văn	Tiến	29/12/1997	11574				
36	1621050455	Đặng Đình	Toàn	20/10/1998	11575				
37	1621050162	Kiều Xuân	Toản	05/11/1998	11576				
38	1621050457	Hoàng Anh	Tuấn	14/01/1998	11577				
39	1621050571	Nguyễn Văn	Tuấn	25/02/1998	11578				
40	1621050243	Nguyễn Quốc	Việt	21/11/1998	11579				

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài: Tổng số tờ: Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

PHÒNG KHẢO THÍ & ĐBCLGD

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 2 HỌC KỲ 1 (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4010301 Nhóm: 203 Tổ thi: T001 Tên HP: Hóa học đại cương phần 1 + TN

Ngày thi: **26/02/2017** Phòng thi: **B401** Tiết bắt đầu: **7** Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
41	1521020352	Nguyễn Anh	Vũ	27/10/97	11580				

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài: Tổng số tờ: Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

PHÒNG KHẢO THÍ & ĐBCLGD

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 2 HỌC KỲ 1 (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4010301 Nhóm: 204 Tổ thi: T001 Tên HP: Hóa học đại cương phần 1 + TN

Ngày thi: **26/02/2017** Phòng thi: **D2-3** Tiết bắt đầu: **9** Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1621050175	Đào Tương	Lai	01/03/1998	11581				
2	1621050343	Mai Thành	Long	18/11/1998	11582				
3	1621050617	Nguyễn Ngọc	Phúc	18/06/1998	11583				
4	1621050095	Phạm Bá	Tảo	29/11/1998	11584				
5	1621050310	Nguyễn Tất	Tạo	16/07/1998	11585				
6	1621050227	Nguyễn Hữu	Thảo	30/05/1998	11586				

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài: Tổng số tờ: Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

PHÒNG KHẢO THÍ & ĐBCLGD

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 2 HỌC KỲ 1 (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4010302 Nhóm: 201 Tổ thi: T001 Tên HP: Hóa học đại cương phần 2

Ngày thi: **26/02/2017** Phòng thi: **A205** Tiết bắt đầu: **2** Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1521010426	Phan Văn	Cường	08/03/97	11587				
2	1521010800	Đinh Tùng	Dương	--/--/----	11588				
3	1521010396	Tống Hoàng	Dương	24/11/97	11589				
4	1521010434	Trần Minh	Hoàng	04/05/97	11590				
5	1521010359	Lê Bá	Lực	17/01/96	11591				
6	1121010418	Trương Công	Nam	#N/A	11592				
7	1521010429	Nguyễn Tiến	Sáng	21/06/97	11593				
8	0921050063	Nguyễn Thái	Thành	09/12/91	11594				
9	1421010400D	Nguyễn Văn	Tiệp	02/01/94	11595				
10	1521010393	Đinh Trọng	Tín	05/05/97	11596				
11	1521010365	Nguyễn Thị	Xuân	27/03/97	11597				

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài: Tổng số tờ: Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

PHÒNG KHẢO THÍ & ĐBCLGD

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 2 HỌC KỲ 1 (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4010302 Nhóm: 202 Tổ thi: T001 Tên HP: Hóa học đại cương phần 2

Ngày thi: **26/02/2017** Phòng thi: **B404** Tiết bắt đầu: **7** Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1521010409	Ngô Hoàng	Anh	09/09/97	11598				
2	1521010357	Đỗ Ngọc	Giang	28/11/97	11599				
3	1521010367	Bùi Minh	Hiếu	20/07/97	11600				
4	1521010431	Nguyễn Hữu	Hòa	20/09/96	11601				
5	1521010433	Đặng Thị	Hoàn	20/04/96	11602				
6	1521010410	Vũ Đình	Hoàng	12/07/96	11603				
7	1521010437	Phạm Hồng	Quân	10/02/96	11604				
8	1521010388	Nguyễn Thị	Quyên	05/06/97	11605				
9	1521010355	Nguyễn Xuân	Sắc	20/02/95	11606				
10	1321010289	Nguyễn Hồng	Sơn	25/07/95	11607				
11	1521010371	Trần Văn	Thuận	13/07/97	11608				
12	1521010385	Nguyễn Văn	Trí	06/08/96	11609				

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài: Tổng số tờ: Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

PHÒNG KHẢO THÍ & ĐBCLGD

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 2 HỌC KỲ 1 (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4010303 Nhóm: 201 Tổ thi: T001 Tên HP: Hoá vô cơ phần 1 + TN

Ngày thi: **26/02/2017** Phòng thi: **A205** Tiết bắt đầu: **2** Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1521010442	Nguyễn Thị Quỳnh	Anh	17/11/97	11610				
2	1421020016	Đào Quốc	Bảo	13/06/96	11611				
3	1521020383	Dương Xuân	Hùng	03/02/95	11612				
4	1421020387	Trần Đăng	Hùng	31/12/96	11613				
5	1321020562	Dương Quốc	Huy	14/12/93	11614				
6	1421020413	Nguyễn Quang	Khánh	05/01/96	11615				
7	1421020417	Nguyễn Đức	Khoa	15/01/96	11616				
8	1521010337	Phan Hồng	Phúc	18/04/97	11617				
9	1421020136	Nguyễn Hoàng	Sơn	30/07/96	11618				
10	1421020595	Nguyễn Quốc	Thuấn	14/11/94	11619				
11	1421020608	Lê Văn	Tiềm	24/07/95	11620				

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài: Tổng số tờ: Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

PHÒNG KHẢO THÍ & ĐBCLGD

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 2 HỌC KỲ 1 (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4010303 Nhóm: 202 Tổ thi: T001 Tên HP: Hoá vô cơ phần 1 + TN

Ngày thi: **26/02/2017** Phòng thi: **B404** Tiết bắt đầu: **7** Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1521020004L	Boualaphanh Chanthavi	.	15/12/96	11621				
2	1521010441	Đặng Tiến	Anh	24/10/97	11622				
3	1521040135	Vi Văn	Chúc	23/06/97	11623				
4	1521010426	Phan Văn	Cường	08/03/97	11624				
5	1521010396	Tống Hoàng	Dương	24/11/97	11625				
6	1521020003L	Khonesavanh	Inthise	10/01/93	11626				
7	1521010354	Phạm Thị	Mai	20/11/97	11627				
8	1521010341	Nguyễn Anh	Tuấn	09/10/97	11628				

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài: Tổng số tờ: Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

PHÒNG KHẢO THÍ & ĐBCLGD

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 2 HỌC KỲ 1 (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4010303 Nhóm: 203 Tổ thi: T001 Tên HP: Hoá vô cơ phần 1 + TN

Ngày thi: **26/02/2017** Phòng thi: **D2-3** Tiết bắt đầu: **9** Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1521010385	Nguyễn Văn	Trí	06/08/96	11629				

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài: Tổng số tờ: Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

PHÒNG KHẢO THÍ & ĐBCLGD

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 2 HỌC KỲ 1 (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4010305 Nhóm: 201 Tổ thi: T001 Tên HP: Hóa phân tích phần 1+ TN

Ngày thi: **26/02/2017** Phòng thi: **A307** Tiết bắt đầu: **4** Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1421040005	Nguyễn Thị Mai	Anh	02/08/96	11630				
2	1421040368	Uông Văn	Bắc	03/06/96	11631				
3	1421045001	Nguyễn Văn	Bảo	02/02/96	11632				
4	1421040019	Lê Thị Ngọc	Bích	26/06/96	11633				
5	1321080010	Đặng Hồng	Cường	29/08/89	11634				
6	1321020035	Ngô Minh	Cường	05/09/95	11635				
7	1421040084	Tạ Nguyên	Đức	07/11/96	11636				
8	1421040052	Trần Văn	Dũng	09/07/96	11637				
9	1421080199	Nguyễn Thị	Hà	25/03/96	11638				
10	1421020328	Đỗ Ngọc	Hải	14/11/96	11639				
11	1421020334	Phạm Sơn	Hải	17/12/96	11640				
12	1221020057	Thái Khắc	Hải	24/01/93	11641				
13	1421040095	Nông Văn	Hàn	06/01/96	11642				
14	1421080033	Cao Thị	Hậu	16/10/96	11643				
15	1421020363	Nguyễn Văn	Hoán	01/10/96	11644				
16	1421040417	Đào Quang	Hoàng	13/09/96	11645				
17	1021010141	Lê Hữu	Hoàng	11/10/92	11646				
18	1421020401	Chu Tuấn	Hưng	20/04/96	11647				
19	1221020332	Vũ Xong	Hỷ	22/04/94	11648				
20	1421040157	Đỗ Thị Hà	Lê	29/07/96	11649				
21	1421040159	Nguyễn Thị út	Lệ	14/03/96	11650				
22	1421040441	Nguyễn Thị Kim	Liên	20/01/96	11651				
23	1321010212	Nguyễn Nhật	Linh	29/05/95	11652				
24	1421040200	Hoàng Thị Bảo	Ngọc	28/09/96	11653				
25	1421080310	Bùi Thị Hồng	Nhung	26/10/96	11654				
26	1421040208	Triệu Thị	Oanh	14/02/96	11655				
27	1421040211	Phạm Hồng	Phúc	24/10/96	11656				
28	1321020670	Phạm Văn	Phúc	07/09/95	11657				
29	1321040211	Phạm Thị	Phương	12/08/95	11658				
30	1421040220	Trịnh Minh	Quang	08/08/96	11659				
31	1421040229	Nguyễn Quang	Sang	29/03/96	11660				
32	1421020002L	Khamthay	SYVILAY	08/09/94	11661				
33	1421040235	Trần Ngọc	Tài	19/11/96	11662				
34	1421020554	Đào Đức	Tân	11/03/96	11663				
35	1421045008	Dương Thị	Thạch	09/02/95	11664				
36	1421040247	Nguyễn Tài	Thanh	30/05/96	11665				
37	1421040260	Lưu Phương	Thảo	10/01/96	11666				
38	1421040262	Nguyễn Thị Thu	Thảo	16/07/95	11667				
39	1421040288	Hà Long	Tin	21/05/96	11668				
40	1421020005L	Vongyang	VANSAO	05/05/93	11669				

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài: Tổng số tờ: Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

PHÒNG KHẢO THÍ & ĐBCLGD

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 2 HỌC KỲ 1 (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4010305 Nhóm: 201 Tổ thi: T001 Tên HP: Hóa phân tích phần 1+ TN

Ngày thi: **26/02/2017** Phòng thi: **A307** Tiết bắt đầu: **4** Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
41	1421080431	Nguyễn Thị	Yến	14/02/96	11670				

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài: Tổng số tờ: Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

PHÒNG KHẢO THÍ & ĐBCLGD

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 2 HỌC KỲ 1 (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4010305 Nhóm: 202 Tổ thi: T001 Tên HP: Hóa phân tích phần 1+ TN

Ngày thi: **26/02/2017** Phòng thi: **B404** Tiết bắt đầu: **7** Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1321020562	Dương Quốc	Huy	14/12/93	11671				

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài: Tổng số tờ: Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

PHÒNG KHẢO THÍ & ĐBCLGD

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 2 HỌC KỲ 1 (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4010307 Nhóm: 201 Tổ thi: T001 Tên HP: Cân bằng pha và hóa keo + TN

Ngày thi: **26/02/2017** Phòng thi: **A308** Tiết bắt đầu: **4** Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1221020011	Trịnh Văn	Bằng	17/01/94	11672				
2	1321020474	Đinh Quốc	Đạt	04/04/95	11673				
3	1321020073	Nguyễn Văn	Đồng	20/02/95	11674				
4	1421020006L	Chanthaphone	DUANGSA	11/04/95	11675				
5	1321020074	Hoàng Văn	Đức	29/09/95	11676				
6	1321020045	Nguyễn Tiến	Dũng	04/12/95	11677				
7	1321020084	Bùi Thanh	Hải	23/11/93	11678				
8	1321020514	Đặng Hoàng	Hải	21/07/95	11679				
9	1321010137	Ngô Sỹ	Hải	10/01/95	11680				
10	1321010152	Nguyễn Quang	Hiếu	24/08/95	11681				
11	1321080031	Trần Trung	Hiếu	16/09/95	11682				
12	1221020062	Vũ Đức	Hiếu	13/07/94	11683				
13	1321040106	Đỗ Huy	Hoàng	24/04/95	11684				
14	1221020067	Trần Huy	Hoàng	09/04/94	11685				
15	1221020076	Phạm Hải	Hương	04/04/94	11686				
16	1321020116	Hoàng Văn	Huy	13/08/95	11687				
17	1321020130	Nguyễn Đăng	Khoa	08/11/95	11688				
18	1221020342	Đỗ Văn	Khoan	13/09/93	11689				
19	1321080048	Vũ Ngọc	Khôi	12/10/95	11690				
20	1221020083	Nguyễn Duy	Kiên	04/11/94	11691				
21	1221020437	Quốc Vũ	Kiến	08/10/94	11692				
22	1321010200	Phạm Văn	Lãm	17/05/95	11693				
23	1321080474	Phạm Công	Long	21/12/95	11694				
24	1221040160	Nguyễn Hoàng	Lưu	05/03/94	11695				
25	1321020629	Phạm Tiến	Mạnh	26/04/95	11696				
26	1321010268	Nguyễn Văn	Phúc	09/10/95	11697				
27	1321010271	Bùi Thị	Phương	11/02/95	11698				
28	1221020114	Đặng Văn	Phương	19/06/94	11699				
29	1221080059	Lê Bảo	Quân	13/05/94	11700				
30	1321020169	Nguyễn Văn	Quang	22/08/94	11701				
31	1321040246	Bùi Hồng	Thái	24/11/95	11702				
32	1321020709	Ngô Văn	Thái	04/08/95	11703				
33	1221020459	Nguyễn Bá	Thành	18/08/94	11704				
34	1321020724	Dương Văn	Thể	01/10/95	11705				
35	1321020757	Phạm Công	Toàn	02/05/95	11706				
36	1121020207	Phạm Phú	Trường	25/11/93	11707				
37	1321010393	Hoàng Phan	Tuấn	26/11/95	11708				
38	1321020252	Nguyễn Lương	Viên	09/12/95	11709				

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài: Tổng số tờ: Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

PHÒNG KHẢO THÍ & ĐBCLGD

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 2 HỌC KỲ 1 (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4010307 Nhóm: 202 Tổ thi: T001 Tên HP: Cân bằng pha và hóa keo + TN

Ngày thi: **26/02/2017** Phòng thi: **B404** Tiết bắt đầu: **7** Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1321080010	Đặng Hồng	Cường	29/08/89	11710				
2	1321020035	Ngô Minh	Cường	05/09/95	11711				
3	1321020670	Phạm Văn	Phúc	07/09/95	11712				

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài: Tổng số tờ: Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

PHÒNG KHẢO THÍ & ĐBCLGD

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 2 HỌC KỲ 1 (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4010308 Nhóm: 201 Tổ thi: T001 Tên HP: Hoá lý phần 1 + TN

Ngày thi: **26/02/2017** Phòng thi: **A402** Tiết bắt đầu: **4** Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1421010005	Bùi Tuấn	Anh	22/06/95	11713				
2	1421010007	Đỗ Thị Ngọc	Anh	13/09/96	11714				
3	1421050005	Hà Tiến	Anh	24/10/96	11715				
4	1421010028	Vi Thị	Bích	02/06/96	11716				
5	1421020236	Đặng Thanh	Bình	25/05/96	11717				
6	1421010038	Dương Tiến	Công	23/08/96	11718				
7	1421010042	Nguyễn Đình	Cường	25/09/96	11719				
8	1421010077	Bùi Văn	Đạt	24/06/96	11720				
9	1421010084	Lê Văn	Đông	12/08/96	11721				
10	1421020043	Nguyễn Đình	Đức	17/08/96	11722				
11	1421010070	Lê Đại	Dương	24/05/96	11723				
12	1421020032	Nguyễn Đức	Duyệt	29/10/96	11724				
13	1421010096	Nguyễn Thanh	Hải	03/11/96	11725				
14	1421010101	Đinh Thị	Hảo	28/06/96	11726				
15	1421010107	Bùi Thị	Hiền	02/10/96	11727				
16	1421010108	Cao Thị Thu	Hiền	23/04/96	11728				
17	1421010122	Nguyễn Dụng	Hòa	21/07/96	11729				
18	1421030075	Trần Quang	Hoan	04/11/95	11730				
19	1421010150	Nguyễn Thành	Hưng	31/10/96	11731				
20	1421010395D	Quách Thị	Hương	15/06/94	11732				
21	1421010163	Đào Văn	Khánh	27/03/96	11733				
22	1421020094	Trần	Long	14/08/95	11734				
23	1421010201	Hoàng	Minh	28/02/95	11735				
24	1221020393	Đoàn Đình	Nam	17/07/93	11736				
25	1421010397D	Ngân Văn	Nhã	27/08/94	11737				
26	1421010232	Đặng Hoàng	Nhật	21/04/96	11738				
27	1421020505	Nguyễn Hữu	Phát	01/08/95	11739				
28	1321010265	Hồ Trọng	Phú	28/12/95	11740				
29	1421010247	Lê Công	Phương	11/04/96	11741				
30	1421010265	Lê Duy	Quân	25/06/96	11742				
31	1421010279	Nguyễn Ngọc	Quỳnh	26/06/96	11743				
32	1321020711	Phạm Văn	Thái	03/02/95	11744				
33	1421020146	Khiếu Trung	Thành	17/04/96	11745				
34	1421080354	Nguyễn Tiến	Thành	19/07/96	11746				
35	1421010318	Vũ Đỗ Long	Thịnh	02/07/96	11747				
36	1421020587	Nguyễn Đăng	Thọ	17/10/96	11748				
37	1421010327	Nguyễn Thị	Thúy	31/07/96	11749				
38	1421010332	Lường Hữu	Tiến	05/09/96	11750				
39	1421010338	Nguyễn Ngọc	Tính	18/10/96	11751				
40	1421010350	Trần Ngọc	Trọng	09/02/96	11752				

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài: Tổng số tờ: Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

PHÒNG KHẢO THÍ & ĐBCLGD

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 2 HỌC KỲ 1 (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4010308 Nhóm: 201 Tổ thi: T001 Tên HP: Hoá lý phần 1 + TN

Ngày thi: **26/02/2017** Phòng thi: **A402** Tiết bắt đầu: **4** Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
41	1421010356	Trần Hoàng	Trung	20/08/96	11753				
42	1421010361	Nguyễn Ngọc	Tú	01/12/96	11754				
43	1421010364	Đồng Văn	Tuấn	01/09/96	11755				
44	1421010365	Ngô Anh	Tuấn	16/04/96	11756				
45	1421010367	Nguyễn Anh	Tuấn	07/06/96	11757				
46	1421050227	Trịnh Anh	Tuấn	22/02/96	11758				
47	1421010378	Tống Quang	Tuyến	24/11/96	11759				
48	1421010377	Vương Văn	Tuyền	28/11/96	11760				

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài: Tổng số tờ: Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

PHÒNG KHẢO THÍ & ĐBCLGD

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 2 HỌC KỲ 1 (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4010308 Nhóm: 202 Tổ thi: T001 Tên HP: Hoá lý phần 1 + TN

Ngày thi: **26/02/2017** Phòng thi: **B404** Tiết bắt đầu: **7** Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1421020334	Phạm Sơn	Hải	17/12/96	11761				
2	1421010110	Nguyễn Quang	Hiển	06/10/96	11762				
3	1421010400D	Nguyễn Văn	Tiệp	02/01/94	11763				

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài: Tổng số tờ: Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

PHÒNG KHẢO THÍ & ĐBCLGD

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 2 HỌC KỲ 1 (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4010401 Nhóm: 202 Tổ thi: T001 Tên HP: Hình học họa hình

Ngày thi: **26/02/2017** Phòng thi: **A204** Tiết bắt đầu: **4** Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1521040051	Đỗ Đình	Sáng	13/01/96	11764				
2	1521060459	Vũ Tiến	Sinh	04/07/97	11765				
3	1521010283	Nguyễn Hoàng	Sơn	02/01/97	11766				
4	1521010216	Trịnh Hồng	Sơn	04/01/97	11767				
5	1521070131	Bùi Văn	Thanh	03/01/96	11768				
6	1521040050	Đỗ Mạnh	Thao	23/11/96	11769				
7	1521040132	Hoàng Văn	Thiện	02/04/97	11770				
8	1521040310	Phan Văn	Thiện	19/11/97	11771				
9	1521070010	Ngô Văn	Thịnh	05/05/96	11772				
10	1521020308	Nguyễn Thị	Tho	28/05/96	11773				
11	1521010051	Phạm Văn	Tiến	08/01/97	11774				
12	1521070376	Vũ Văn	Tiến	05/12/96	11775				
13	1521010182	Vũ Văn	Toàn	01/11/97	11776				
14	1521040064	Hoàng Thị Thùy	Trang	03/08/97	11777				
15	1521060391	Vũ Văn	Triển	17/11/96	11778				
16	1521010296	Đỗ Danh	Triệu	12/09/97	11779				
17	1521040077	Bùi Đức	Trọng	13/04/97	11780				
18	1411040062	Bùi Văn	Trường	01/03/96	11781				
19	1521070051	Nguyễn Văn	Trường	22/12/96	11782				
20	1521070384	Trần Văn	Trường	29/04/97	11783				
21	1521040085	Nguyễn Anh	Tú	03/03/97	11784				
22	1521070393	Lê Công Anh	Tuấn	05/06/97	11785				
23	1521060399	Nguyễn Văn	Tuấn	16/01/97	11786				
24	1521040027	Vũ Văn	Tuấn	19/07/97	11787				
25	1521070408	Nguyễn Đình	Tùng	21/02/97	11788				
26	1521070095	Triệu Văn	Tuyên	16/11/94	11789				
27	1521040016	Trần Hoàng	Việt	28/02/97	11790				
28	1521060361	Nguyễn Viết	Xuân	22/04/97	11791				

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài: Tổng số tờ: Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

PHÒNG KHẢO THÍ & ĐBCLGD

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 2 HỌC KỲ 1 (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4010401 Nhóm: 201 Tổ thi: T001 Tên HP: Hình học họa hình

Ngày thi: **26/02/2017** Phòng thi: **B207** Tiết bắt đầu: **4** Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1521040002L	Khounserk Sirisombath	.	28/03/92	11792				
2	1521070163	Đinh Hoàng	Anh	02/08/97	11793				
3	1521020092	Lương Đức	Anh	08/04/97	11794				
4	1521070057	Nguyễn Văn Đức	Anh	11/05/97	11795				
5	1521070085	Nguyễn Xuân	Anh	01/02/97	11796				
6	1521070046	Vũ Duy	Anh	28/04/97	11797				
7	1521070054	Nguyễn Ngọc	Bách	15/01/96	11798				
8	1521040179	Nguyễn Hải	Bằng	12/10/97	11799				
9	1521070115	Đào Văn	Chiều	15/06/97	11800				
10	1521040017	Đặng Đình	Chương	08/04/95	11801				
11	1521040097	Nguyễn Mạnh	Cường	15/08/96	11802				
12	1521040153	Trịnh Tiến	Cường	21/04/95	11803				
13	1521010120	Vũ Văn	Cường	26/09/97	11804				
14	1521040214	Phạm Tiến	Đạt	10/05/95	11805				
15	1521040055	Nguyễn Văn	Điệp	11/06/95	11806				
16	1521070022	Đinh Văn	Đức	15/09/97	11807				
17	1521070101	Lê Thanh	Dũng	26/09/97	11808				
18	1321040048	Nguyễn Văn	Dũng	16/03/95	11809				
19	1521040223	Phan Văn	Dụng	23/07/97	11810				
20	1521070063	Trần Văn	Đương	08/11/97	11811				
21	1521040053	Nguyễn Cảnh	Duy	29/09/97	11812				
22	1521040144	Nguyễn Xuân	Duy	28/05/96	11813				
23	1321060106	Nguyễn Bá	Hậu	02/08/95	11814				
24	1521040237	Ngô Xuân	Hiệp	31/08/97	11815				
25	1521070035	Nguyễn Tiến	Hiệp	25/03/97	11816				
26	1521070053	Đỗ Ngọc	Hiếu	14/07/97	11817				
27	1521010306	Nguyễn Danh	Hiếu	23/10/97	11818				
28	1521070099	Bùi Công	Hòa	08/01/96	11819				
29	1521010098	Dương Văn	Hòa	23/03/97	11820				
30	1521040108	Trần Văn	Hoàn	04/01/97	11821				
31	1521070259	Nguyễn Hữu	Hoàng	15/10/97	11822				
32	1521040014	Nguyễn Minh	Hoàng	26/10/97	11823				
33	1521070260	Nguyễn Việt	Hoàng	04/05/97	11824				
34	1521040039	Phạm Đình	Hoàng	21/11/96	11825				
35	1521040067	Nguyễn Thị	Hồng	02/03/97	11826				
36	1524010092	Đặng Thái	Hùng	09/07/97	11827				
37	1521040164	Nguyễn Mạnh	Hùng	18/02/96	11828				
38	1521060358	Trần Văn	Hùng	24/02/97	11829				
39	1521070004	Lý Văn	Hương	19/08/97	11830				
40	1521040249	Phạm Thị	Hường	06/08/96	11831				

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài: Tổng số tờ: Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

PHÒNG KHẢO THÍ & ĐBCLGD

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 2 HỌC KỲ 1 (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4010401 Nhóm: 201 Tổ thi: T001 Tên HP: Hình học họa hình

Ngày thi: **26/02/2017** Phòng thi: **B207** Tiết bắt đầu: **4** Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
41	1521010313	Hồ Việt	Huy	11/11/97	11832				
42	1521070470	Nguyễn Thế	Khoa	15/03/95	11833				
43	1521070119	Phạm Trung	Kiên	02/02/96	11834				
44	1521070295	Nguyễn Tài	Linh	15/02/97	11835				
45	1521070074	Nguyễn Thị Mỹ	Linh	21/04/97	11836				
46	1421070075	Trần Duy	Lợi	06/05/95	11837				
47	1421020089	Đào Trọng Ngọc	Long	17/12/95	11838				
48	1521070001	Nguyễn Hữu	Long	23/09/97	11839				
49	1521010035	Tô Hạ	Long	02/09/97	11840				
50	1521070106	Vũ Thanh	Long	08/07/97	11841				
51	1521040261	Trần Hữu	Lực	12/08/97	11842				
52	1521070044	Phạm Văn	Mạnh	01/10/96	11843				
53	1521040134	Vi Văn	Mạnh	20/02/97	11844				
54	1521070008	Hồ Thanh	Nam	22/02/96	11845				
55	1521070318	Vũ Hoàng	Nghĩa	18/09/97	11846				
56	1421070095	Nguyễn Chương	Nguyên	07/12/94	11847				
57	1521070094	Nguyễn Thiện	Nhân	07/02/97	11848				
58	1521010240	Lê Văn	Nhật	25/06/96	11849				
59	1521070005	Vũ Thành	Phong	08/04/97	11850				
60	1521060396	Hoàng Đức	Phương	09/07/97	11851				
61	1421040486	Phạm Văn	Quang	18/01/96	11852				

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài: Tổng số tờ: Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

PHÒNG KHẢO THÍ & ĐBCLGD

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 2 HỌC KỲ 1 (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4010401 Nhóm: 204 Tổ thi: T001 Tên HP: Hình học họa hình

Ngày thi: **26/02/2017** Phòng thi: **D3-4** Tiết bắt đầu: **7** Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1521040010	Vương Văn	Sơn	06/10/97	11853				
2	1521040301	Trần Văn	Thái	21/02/97	11854				
3	1521040036	Nguyễn Đức	Thắng	28/11/96	11855				
4	1521040121	Lý Việt	Thiên	23/05/97	11856				
5	1521010302	Đỗ Huy	Thiện	16/08/97	11857				
6	1521060351	Trịnh Văn	Thông	11/01/97	11858				
7	1521070033	Nghiêm Đình	Thuấn	20/12/96	11859				
8	1521060406	Nguyễn Đức	Thuận	12/04/97	11860				
9	1521070129	Trần Mạnh	Tiến	13/07/94	11861				
10	1521070137	Vũ Đình	Tiến	07/12/97	11862				
11	1521070122	Nguyễn Hữu	Toản	30/08/97	11863				
12	1521040318	Nguyễn Thùy	Trang	16/03/97	11864				
13	1521060397	Vũ Ngọc	Triệu	05/09/97	11865				
14	1521070123	Vũ Văn	Trung	30/07/97	11866				
15	1521040103	Nguyễn Văn	Trường	28/10/97	11867				
16	1521010285	Phạm Quang	Trường	25/07/97	11868				
17	1521070387	Mạc Văn	Tú	27/11/97	11869				
18	1521070466	Trần Ngọc	Tú	15/02/97	11870				
19	1521040162	Nguyễn Đức	Tuấn	21/06/97	11871				
20	1521070039	Nguyễn Quang	Tuấn	18/07/96	11872				
21	1521070068	Lê Trung	Tùng	02/06/97	11873				
22	1521070117	Nguyễn Đình	Vinh	28/11/95	11874				
23	1521070469	Nguyễn Quang	Vĩnh	11/03/97	11875				

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài: Tổng số tờ: Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

PHÒNG KHẢO THÍ & ĐBCLGD

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 2 HỌC KỲ 1 (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4010401 Nhóm: 203 Tổ thi: T001 Tên HP: Hình học họa hình

Ngày thi: **26/02/2017** Phòng thi: **D4-2** Tiết bắt đầu: **7** Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1521070143	Đỗ Hoàng	Anh	20/07/97	11876				
2	1521040035	Đỗ Quang	Anh	16/08/97	11877				
3	1521070087	Đoàn Tuấn	Anh	07/10/97	11878				
4	1521040156	Lê Việt	Anh	04/09/97	11879				
5	1521040088	Nguyễn Đức	Anh	09/06/97	11880				
6	1521010305	Nguyễn Tuấn	Anh	12/01/97	11881				
7	1521070090	Nguyễn Ngọc	Bình	20/12/97	11882				
8	1521020357	Chu Thị Thùy	Châm	24/04/97	11883				
9	1521040072	Nguyễn Hữu	Chiến	16/05/97	11884				
10	1521060433	Nguyễn Đức	Chính	28/06/97	11885				
11	1521070016	Vũ Tiến	Công	22/08/97	11886				
12	1521041002	Nguyễn Văn	Cường	07/02/97	11887				
13	1521060412	Nguyễn Văn	Cường	31/07/97	11888				
14	1521040065	Phạm Văn	Cường	13/02/97	11889				
15	1521040211	Mai Văn	Đại	01/03/96	11890				
16	1521070126	Nguyễn Văn	Đại	16/02/96	11891				
17	1521070133	Hoàng Hải	Đăng	03/01/97	11892				
18	1521040028	Trương Lập	Đông	17/11/96	11893				
19	1521010003	Lê Trung	Đức	25/05/97	11894				
20	1521060419	Nguyễn Văn	Đức	25/01/97	11895				
21	1521070435	Phí Mạnh	Dũng	15/09/97	11896				
22	1521070135	Bùi Việt	Hà	06/03/97	11897				
23	1521070136	Trần Văn	Hậu	02/06/97	11898				
24	1521040061	Nguyễn Văn	Hiên	23/10/97	11899				
25	1521070244	Nguyễn Văn	Hiển	09/02/95	11900				
26	1521070159	Đặng Anh	Hòa	26/06/97	11901				
27	1521040161	Đỗ Danh	Hoàng	10/01/97	11902				
28	1521040181	Trần Huy	Hoàng	29/10/97	11903				
29	1521070444	Trần Việt	Hùng	17/07/97	11904				
30	1521010126	Nguyễn Trần Đức	Huy	25/07/97	11905				
31	1521040166	Vũ Nguyễn Gia	Huy	19/08/97	11906				
32	1521011008	Đào Duy	Khánh	15/03/97	11907				
33	1521070288	Đinh Trọng	Khôi	25/10/94	11908				
34	1521040098	Trần Trung	Kiên	05/07/97	11909				
35	1521010056	Vũ Hồng	Kông	30/09/97	11910				
36	1521040155	Thào A	Là	20/05/97	11911				
37	1521060453	Hoàng Nhật	Long	20/09/97	11912				
38	1521070091	Trần Thăng	Long	17/02/97	11913				
39	1521070104	Lý Văn	Luân	16/08/97	11914				
40	1521040177	Nguyễn Thị Ngọc	Mai	25/07/97	11915				

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài: Tổng số tờ: Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

PHÒNG KHẢO THÍ & ĐBCLGD

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 2 HỌC KỲ 1 (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4010401 Nhóm: 203 Tổ thi: T001 Tên HP: Hình học họa hình

Ngày thi: **26/02/2017** Phòng thi: **D4-2** Tiết bắt đầu: **7** Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
41	1421070081	Nguyễn Thế	Mạnh	09/01/96	11916				
42	1521040148	Phạm Văn	Mạnh	11/08/97	11917				
43	1521070304	Đỗ Văn	Minh	22/07/97	11918				
44	1521020066	Ngô Thiên	Minh	14/06/97	11919				
45	1521010136	Nguyễn Văn	Nam	15/08/97	11920				
46	1521070038	Bùi Hoàng	Phúc	22/05/97	11921				
47	1521070130	Bùi Văn	Phương	30/07/97	11922				
48	1521070050	Phan Thị	Phương	02/09/97	11923				
49	1521040286	Hoàng Thị Bích	Phượng	18/09/97	11924				
50	1521040290	Hồ Văn	Quang	22/01/97	11925				
51	1521060401	Hoàng Văn	Quang	10/05/97	11926				
52	1421070097	Nguyễn Hồng	Quang	02/02/95	11927				
53	1521040021	Nguyễn Ngọc	Quang	16/10/97	11928				
54	1521040003	Nguyễn Thị Như	Quỳnh	14/12/97	11929				
55	1521040291	Đỗ Minh	Sáng	04/04/96	11930				
56	1521060367	Trần Văn	Sáng	01/05/97	11931				
57	1521060457	Trịnh Công	Sơn	23/10/97	11932				

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài: Tổng số tờ: Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

PHÒNG KHẢO THÍ & ĐBCLGD

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 2 HỌC KỲ 1 (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4010401 Nhóm: 205 Tổ thi: T001 Tên HP: Hình học họa hình

Ngày thi: **26/02/2017** Phòng thi: **D2-3** Tiết bắt đầu: **9** Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1521010237	Trần Thị Lan	Anh	21/04/97	11933				
2	1521070207	Bùi Tuấn	Đạt	19/07/97	11934				
3	1511070003	Nguyễn Việt	Hán	25/05/97	11935				
4	1521040046	Nhữ Ngọc	Quý	30/05/94	11936				
5	1521040078	Đặng Long	Vũ	04/11/97	11937				

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài: Tổng số tờ: Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

PHÒNG KHẢO THÍ & ĐBCLGD

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 2 HỌC KỲ 1 (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4010402 Nhóm: 201 Tổ thi: T001 Tên HP: Vẽ kỹ thuật

Ngày thi: **26/02/2017** Phòng thi: **A204** Tiết bắt đầu: **4** Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1521060448	Ngô Tuấn	Anh	22/11/96	11938				
2	1521040158	Nguyễn Đức	Anh	01/09/97	11939				
3	1521010260	Nguyễn Tuấn	Anh	21/10/97	11940				
4	1321010042	Nguyễn Thành	Chung	27/09/95	11941				
5	1521040068	Nguyễn Thành	Đạt	31/10/97	11942				
6	1521040043	Nguyễn Đức	Kiên	18/11/97	11943				
7	1321010219	Nguyễn Đức	Lợi	01/01/95	11944				
8	1521040060	Trần Đăng	Phong	07/11/97	11945				
9	1421040473	Lê Trọng	Phú	30/04/96	11946				
10	1521060388	trần quang	thành	03/08/97	11947				
11	1321070195	Nguyễn Hà	Toản	16/02/95	11948				

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài: Tổng số tờ: Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

PHÒNG KHẢO THÍ & ĐBCLGD

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 2 HỌC KỲ 1 (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4010402 Nhóm: 202 Tổ thi: T001 Tên HP: Vẽ kỹ thuật

Ngày thi: **26/02/2017** Phòng thi: **D3-4** Tiết bắt đầu: **7** Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1321040338	Nguyễn Thành	Biên	09/05/94	11949				
2	1521060374	Trịnh Khắc	Chiến	02/12/97	11950				
3	1521060373	Trần Đức	Công	21/06/97	11951				
4	1521060349	Tạ Việt	Hùng	26/11/97	11952				
5	1521070077	Phạm Văn	Minh	10/01/96	11953				
6	1521060438	Phạm Vũ	Trọng	06/10/97	11954				
7	1521040086	Nguyễn Thành	Trung	22/02/97	11955				

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài: Tổng số tờ: Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

PHÒNG KHẢO THÍ & ĐBCLGD

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 2 HỌC KỲ 1 (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4010402 Nhóm: 203 Tổ thi: T001 Tên HP: Vẽ kỹ thuật

Ngày thi: **26/02/2017** Phòng thi: **D2-3** Tiết bắt đầu: **9** Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1521040135	Vi Văn	Chúc	23/06/97	11956				
2	1521060419	Nguyễn Văn	Đức	25/01/97	11957				
3	1521070137	Vũ Đình	Tiến	07/12/97	11958				

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài: Tổng số tờ: Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

PHÒNG KHẢO THÍ & ĐBCLGD

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 2 HỌC KỲ 1 (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4010403 Nhóm: 201 Tổ thi: T001 Tên HP: Autocad + TH

Ngày thi: **26/02/2017** Phòng thi: **B507** Tiết bắt đầu: **4** Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1421070187	Lê Sỹ	Công	30/10/95	11959				
2	1221020016	Trần Đình	Cương	18/07/92	11960				
3	1321050480	Nguyễn Quốc	Đạt	18/12/95	11961				
4	1321040063	Phạm Quốc	Đạt	27/05/95	11962				
5	1321040052	Nguyễn Ngọc	Duy	11/06/95	11963				
6	1531040010	Nguyễn Văn	Hà	20/03/	11964				
7	1321030553	Hoàng Thị	Hạnh	21/03/95	11965				
8	1531040013	Đỗ Trung	Hiếu	17/03/	11966				
9	1421060110	Trần Văn	Hòa	26/11/96	11967				
10	1221020304	Nguyễn Văn	Hùng	05/10/94	11968				
11	1421060460	Nguyễn Tiến	Khánh	23/03/96	11969				
12	1531070403	Nguyễn Khắc	Long	19/11/	11970				
13	1221060090	Phạm Huy	Mạnh	20/03/94	11971				
14	0921010310	Trương Bích	Mạnh	04/11/91	11972				
15	1221020097	Vũ Văn	Mậu	19/10/94	11973				
16	1221020395	Doãn Thành	Nam	14/06/94	11974				
17	1221030113	Kiều Bảo	Ngọc	15/05/94	11975				
18	1321030166	Phạm Văn	Ngọc	12/06/95	11976				
19	1321040214	Phan Thị	Phượng	13/10/95	11977				
20	1321010281	Lê Minh	Quang	12/10/95	11978				
21	1321010339	Hoàng Văn	Thịnh	28/02/95	11979				
22	1221020496	Đoàn Ngọc	Tiến	24/02/94	11980				
23	1321060312	Nguyễn Xuân	Tình	24/09/95	11981				
24	1221040284	Bùi Văn	Trưởng	16/05/94	11982				
25	1531070407	Tăng Minh	Tuân	10/04/	11983				
26	1321060342	Trần Thanh	Tùng	29/08/95	11984				
27	1221080163	Bùi Thị	Vân	08/05/94	11985				

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài: Tổng số tờ: Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

PHÒNG KHẢO THÍ & ĐBCLGD

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 2 HỌC KỲ 1 (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4010403 Nhóm: 202 Tổ thi: T001 Tên HP: Autocad + TH

Ngày thi: **26/02/2017** Phòng thi: **D3-3** Tiết bắt đầu: **7** Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1221010232	Lương Đức	Minh	05/04/91	11986				
2	1321060288	Phạm Đức	Thắng	01/05/95	11987				
3	1421040247	Nguyễn Tài	Thanh	30/05/96	11988				

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài: Tổng số tờ: Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

PHÒNG KHẢO THÍ & ĐBCLGD

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 2 HỌC KỲ 1 (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4010406 Nhóm: 201 Tổ thi: T001 Tên HP: Hình hoạ và vẽ kỹ thuật + BTL

Ngày thi: **26/02/2017** Phòng thi: **A303** Tiết bắt đầu: **2** Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1521060240	Chu Đức	Anh	10/09/97	11989				
2	1521030155	Hoàng Tuấn	Anh	09/11/97	11990				
3	1521060136	Mai Đắc	Anh	10/12/97	11991				
4	1521060114	Nguyễn Quang	Anh	17/05/97	11992				
5	1521060206	Trần Tuấn	Anh	15/06/97	11993				
6	1521060078	Lưu Xuân	Bách	08/10/97	11994				
7	1524010126	Đỗ Văn	Bằng	23/06/96	11995				
8	1521030003	Bùi Ngọc	Bảo	20/08/96	11996				
9	1521060100	Hoàng Tiến	Bảo	29/11/97	11997				
10	1321030017	Hoàng Văn	Bảo	14/05/93	11998				
11	1521060128	Lê Xuân	Bồng	03/04/97	11999				

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài: Tổng số tờ: Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

PHÒNG KHẢO THÍ & ĐBCLGD

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 2 HỌC KỲ 1 (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4010406 Nhóm: 202 Tổ thi: T001 Tên HP: Hình hoạ và vẽ kỹ thuật + BTL

Ngày thi: **26/02/2017** Phòng thi: **A304** Tiết bắt đầu: **2** Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1521060116	Nguyễn Thành	Công	27/11/97	12000				
2	1521060004	Vũ Chí	Công	06/01/97	12001				
3	1521080040	Nguyễn Mạnh	Cường	15/07/96	12002				
4	1521060052	Nguyễn Văn	Cường	23/05/97	12003				
5	1521060190	Nguyễn Việt	Cường	10/11/97	12004				
6	1421040039	Vũ Mạnh	Cường	05/11/96	12005				
7	1521060237	Lê Quý	Đại	14/04/97	12006				
8	1421060070	Nguyễn Hải	Đăng	05/03/95	12007				
9	1521060059	Phùng Xuân	Đạt	24/01/97	12008				
10	1421080012	Nguyễn Ngọc	Diệp	04/03/96	12009				
11	1221020045	Vũ Khắc	Đoàn	02/08/94	12010				
12	1521060147	Đỗ Duy	Đông	23/12/97	12011				
13	1521060213	Lê Đình	Đồng	24/10/97	12012				
14	1421060078	Nguyễn Văn	Đồng	03/03/95	12013				
15	1221040043	Nguyễn Văn	Dự	07/03/89	12014				
16	1521060066	Ngô Xuân	Đức	03/04/97	12015				
17	1521060126	Nguyễn Bá	Đức	14/08/95	12016				
18	1521080071	Nguyễn Minh	Đức	21/11/97	12017				
19	1521060150	Trần Trung	Đức	22/05/97	12018				
20	1521060263	Nguyễn Đình	Dũng	26/12/97	12019				
21	1521060276	Nguyễn Xuân	Dũng	05/07/97	12020				
22	1421080019	Hoàng Tuấn	Dương	04/06/96	12021				
23	1521060123	Trịnh Xuân	Dương	26/02/97	12022				
24	1421060083	Phạm Văn	Đường	12/11/96	12023				
25	1421060086	Phạm Minh	Giang	13/01/96	12024				
26	1521060094	Nguyễn Hoàng	Hà	20/12/97	12025				
27	1521010006	Lê Hữu	Hiệp	11/09/97	12026				
28	1521060011	Ngô Sách	Hiệp	16/01/97	12027				
29	1521060310	Nguyễn Đức	Hiệp	08/10/97	12028				
30	1521060081	Trần Tiến	Hiệp	15/03/97	12029				
31	1421020353	Mai Đình	Hiếu	05/01/96	12030				
32	1521030223	Phạm Minh	Hiếu	23/06/97	12031				
33	1521060261	Trần Ngọc	Hòa	23/02/97	12032				
34	1221050240	Mai Ngọc	Hoàng	30/07/93	12033				
35	1521060037	Phạm Nguyễn Huy	Hoàng	29/04/97	12034				
36	1521060115	Nguyễn Tiến	Huân	20/11/96	12035				
37	1521060035	Lường Tú	Huê	14/01/97	12036				
38	1321030607	Đồng Văn	Hùng	29/10/95	12037				
39	1521060135	Hà Văn	Hùng	28/08/97	12038				
40	1521060117	Nguyễn Mạnh	Hùng	13/05/97	12039				

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài: Tổng số tờ: Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

PHÒNG KHẢO THÍ & ĐBCLGD

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 2 HỌC KỲ 1 (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4010406 Nhóm: 202 Tổ thi: T001 Tên HP: Hình hoạ và vẽ kỹ thuật + BTL

Ngày thi: **26/02/2017** Phòng thi: **A304** Tiết bắt đầu: **2** Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
41	1421080046	Nguyễn Hữu	Hưng	13/08/96	12040				
42	1521060307	Nguyễn Quốc	Hưng	05/11/97	12041				
43	1521080064	Nguyễn Thị Thu	Hương	07/01/96	12042				
44	1421080050	Cao Thái	Hữu	11/12/95	12043				
45	1521080171	Đặng Quang	Huy	16/05/97	12044				
46	1421020074	Đỗ Mạnh	Huy	01/05/96	12045				
47	1421080042	Đỗ Quốc	Huy	04/04/96	12046				

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài: Tổng số tờ: Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

PHÒNG KHẢO THÍ & ĐBCLGD

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 2 HỌC KỲ 1 (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4010406 Nhóm: 203 Tổ thi: T001 Tên HP: Hình hoạ và vẽ kỹ thuật + BTL

Ngày thi: **26/02/2017** Phòng thi: **A305** Tiết bắt đầu: **2** Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1421080235	Lê Quốc	Huy	26/04/96	12047				
2	1521030075	Nguyễn Văn	Huy	16/08/97	12048				
3	1521030085	Nguyễn Văn	Huy	09/10/97	12049				
4	1421080242	Lê Thu	Huyền	14/01/96	12050				
5	1521060311	Đồng Quang	Huynh	10/07/97	12051				
6	1521060333	Nguyễn An	Khang	11/12/97	12052				
7	1521060271	Nguyễn Trọng	Khang	09/05/97	12053				
8	1421080248	Cấn Quang	Khánh	18/12/96	12054				
9	1521060084	Đào Văn	Khánh	20/09/97	12055				
10	1521060222	Đỗ Ngọc	Khoa	08/05/97	12056				
11	1321030662	Đỗ Trung	Kiên	29/01/95	12057				
12	1521030039	Nguyễn Xuân	Lâm	19/04/97	12058				
13	1521080182	Tùng	Lâm	25/11/97	12059				
14	1421030120	Nguyễn Duy	Linh	24/09/96	12060				
15	1321070568	Trần Quý	Linh	09/08/93	12061				
16	1421080060	Trần Thị Thùy	Linh	17/05/96	12062				
17	1421080061	Trần Thủy Đàm	Linh	18/12/96	12063				
18	1521080353	Hồ Công	Lộc	01/10/97	12064				
19	0924010225	Đỗ Đức	Lợi	18/12/89	12065				
20	1521030029	Trần Văn	Lợi	15/01/97	12066				
21	1521060144	Bùi Phi	Long	02/04/97	12067				
22	1521030261	Nguyễn Bá	Long	16/05/97	12068				
23	1521060214	Nguyễn Danh	Long	01/05/97	12069				
24	1521060175	Bùi Văn	Luân	11/04/97	12070				
25	1421050117	Hoàng Tiến	Lực	24/08/95	12071				
26	1524010133	Lê Thị	Mai	12/06/97	12072				
27	1421020101	Nguyễn Võ	Mai	04/11/96	12073				
28	1521060021	Bùi Tuấn	Minh	10/12/97	12074				
29	1421080070	Đặng Văn	Minh	18/03/96	12075				
30	1521060312	Đỗ Quang	Minh	20/07/97	12076				
31	1524010088	Đỗ Quang	Minh	21/12/97	12077				
32	1521080203	Phùng Quang	Minh	27/06/97	12078				
33	1521060055	Phạm Thị	Mơ	04/07/97	12079				
34	1421050516	Chu Văn	Nam	26/01/95	12080				
35	1521030049	Võ Hoài	Nam	07/01/97	12081				
36	1521080356	Nguyễn Thị Thanh	Nga	12/06/97	12082				
37	1421080304	Trần Minh	Ngọc	18/08/96	12083				
38	1521060061	Lê Văn	Nhân	22/08/97	12084				
39	1521060062	Nguyễn Đình	Nhân	08/03/97	12085				
40	1424010475	Vũ Văn	Nhân	07/02/94	12086				

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài: Tổng số tờ: Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

PHÒNG KHẢO THÍ & ĐBCLGD

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 2 HỌC KỲ 1 (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4010406 Nhóm: 203 Tổ thi: T001 Tên HP: Hình hoạ và vẽ kỹ thuật + BTL

Ngày thi: **26/02/2017** Phòng thi: **A305** Tiết bắt đầu: **2** Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
41	1521060045	Nguyễn Đức	Nhật	15/08/97	12087				
42	1521060329	Nguyễn Đình	Ninh	19/01/97	12088				
43	1521080053	Lê Thị Lan	Oanh	24/06/97	12089				
44	1321030773	Nguyễn Trọng	Pháp	17/07/95	12090				
45	1421010238	Nguyễn Đức	Phi	08/03/96	12091				
46	1421030483	Đào Tiến	Phong	13/05/95	12092				

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài: Tổng số tờ: Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

PHÒNG KHẢO THÍ & ĐBCLGD

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 2 HỌC KỲ 1 (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4010406 Nhóm: 204 Tổ thi: T001 Tên HP: Hình hoạ và vẽ kỹ thuật + BTL

Ngày thi: **26/02/2017** Phòng thi: **A306** Tiết bắt đầu: **2** Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1421030497	Nguyễn Thị Mai	Phương	23/10/96	12093				
2	1521080021	Nguyễn Minh	Quân	02/03/97	12094				
3	1521060166	Nguyễn Ngọc	Quang	05/12/97	12095				
4	1521030295	Lê Duy	Quí	16/05/97	12096				
5	1521030298	Bùi Ngọc	Quyền	20/07/97	12097				
6	1521080048	Nguyễn Thế	Quyền	24/08/97	12098				
7	1521060028	Trịnh Văn	Quyền	30/08/97	12099				
8	1521060235	Nguyễn Xuân	Sâm	04/10/96	12100				
9	1321020180	Nguyễn Xuân	Sinh	10/10/95	12101				
10	1521060330	Đặng Đình	Sơn	10/01/97	12102				
11	1221010296	Đỗ Văn	Sơn	08/01/93	12103				
12	1421080101	Hoàng Thái	Sơn	29/10/96	12104				
13	1521060018	Nguyễn Hữu	Sỹ	07/04/96	12105				
14	1521060258	Nguyễn Thành	Tâm	10/01/97	12106				
15	1521020295	Hoàng Đình	Tăng	31/01/97	12107				
16	1521060032	Đỗ Chiến	Thắng	27/10/97	12108				
17	1521060317	Trần Chiến	Thắng	29/04/97	12109				
18	1424010173	Hoàng Thị Huyền	Thanh	13/07/96	12110				
19	1524010128	Bùi Công	Thành	04/08/97	12111				
20	1521030061	Đỗ Văn	Thành	15/10/97	12112				
21	1521030074	Lã Hữu	Thành	11/11/97	12113				
22	1421080107	Trịnh Xuân	Thành	17/05/96	12114				
23	1421080108	Đặng Thị Hương	Thảo	07/02/96	12115				
24	1421060262	Đỗ Đức	Thịnh	13/10/96	12116				
25	1421080372	Nguyễn Quang	Thịnh	04/12/95	12117				
26	1521080259	Trần Thị	Thương	24/10/97	12118				
27	1521020314	Đỗ Tất	Thưởng	15/02/97	12119				
28	1521060015	Công Ngọc	Tiến	07/01/97	12120				
29	1221010351	Vũ Đức	Tiến	15/08/94	12121				
30	1521060151	Trần Văn	Tố	15/02/97	12122				
31	1424010601	Đào Mạnh	Trí	29/09/96	12123				
32	1421060612	Phạm Quang	Trường	28/11/96	12124				
33	1524010549	Phạm Tiến	Tuân	06/06/96	12125				
34	1421030612	Nguyễn Viết	Tuấn	17/06/96	12126				
35	1421080419	Hoàng	Tùng	24/11/96	12127				
36	1521060181	Lê Thanh	Tùng	25/10/97	12128				
37	1521060314	Nguyễn Văn	Tuyên	18/08/97	12129				
38	1521060188	Nguyễn Văn	Tuyển	05/07/97	12130				
39	1324010338	Hoàng Thúy	Vân	03/03/95	12131				
40	1321020805	Bùi Quốc	Văn	12/04/93	12132				

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài: Tổng số tờ: Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

PHÒNG KHẢO THÍ & ĐBCLGD

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 2 HỌC KỲ 1 (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4010406 Nhóm: 204 Tổ thi: T001 Tên HP: Hình hoạ và vẽ kỹ thuật + BTL

Ngày thi: **26/02/2017** Phòng thi: **A306** Tiết bắt đầu: **2** Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
41	1521060152	Đỗ Doãn	Việt	28/09/97	12133				
42	1521060164	Nguyễn Thế Tuấn	Việt	25/09/97	12134				
43	1421030233	Lục Quang	Vinh	28/12/94	12135				
44	1521040015	Nguyễn Hồng	Vinh	13/07/97	12136				
45	1521030347	Nguyễn Quang	Vinh	19/07/97	12137				
46	1521010209	Trần Vũ Hải	Vinh	07/04/97	12138				
47	1521060171	Phạm Quốc	Vương	27/09/97	12139				

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài: Tổng số tờ: Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

PHÒNG KHẢO THÍ & ĐBCLGD

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 2 HỌC KỲ 1 (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4010406 Nhóm: 205 Tổ thi: T001 Tên HP: Hình hoạ và vẽ kỹ thuật + BTL

Ngày thi: **26/02/2017** Phòng thi: **D4-1** Tiết bắt đầu: **7** Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1521080294	Lê Tú	Anh	12/06/97	12140				
2	1521030055	Nguyễn Tuấn	Anh	09/05/95	12141				
3	1521060069	Nguyễn Tuấn	Anh	24/02/97	12142				
4	1521060143	Nguyễn Văn	Bắc	04/12/97	12143				
5	1521060056	Vũ Đức	Bình	23/09/97	12144				
6	1521060076	Phạm Văn	Cảnh	06/03/97	12145				
7	1521060092	Nguyễn Quyết	Chiến	02/07/95	12146				
8	1521030089	Nguyễn Văn	Chiến	25/08/97	12147				
9	1521030175	Trịnh Minh	Chiến	09/04/97	12148				
10	1521060304	Nguyễn Xuân	Chính	10/06/97	12149				
11	1521030010	Đặng Hữu	Chủ	06/11/97	12150				
12	1521060049	Đỗ Lường	Chung	02/09/96	12151				
13	1521030062	Lê Văn	Công	11/08/97	12152				
14	1521030183	Mạnh Lộc	Cường	02/01/96	12153				
15	1521060090	Nguyễn Đình	Cường	12/05/94	12154				
16	1521060149	Hoàng Văn	Đạt	16/08/96	12155				
17	1521060097	Lê Hữu	Đạt	15/06/97	12156				
18	1521060308	Nguyễn Minh	Đạt	01/10/97	12157				
19	1521060103	Trần Văn	Đoàn	04/03/97	12158				
20	1521060275	Dương Văn	Đông	09/08/96	12159				
21	1521060205	Lưu Quang	Dũng	30/07/97	12160				
22	1521030355	Ngô Khánh	Dương	02/09/97	12161				
23	1521060079	Nguyễn Hoàng	Dương	19/06/97	12162				
24	1521030356	Tạ Thùy	Dương	30/09/97	12163				
25	1521060290	Nguyễn Ngọc	Duy	16/06/97	12164				
26	1521080025	Nguyễn Phương	Duy	06/05/97	12165				
27	1521080128	Nguyễn Thị Kim	Hà	19/03/97	12166				
28	1521080341	Nguyễn Duy	Hải	23/07/97	12167				
29	1521060294	Nguyễn Ngọc	Hân	11/10/97	12168				
30	1521060063	Đỗ Văn	Hiếu	12/05/96	12169				
31	1521060122	Lê Minh	Hiếu	23/11/97	12170				
32	1521010146	Trần Minh	Hiếu	22/09/97	12171				
33	1521060185	Vi Mạnh	Hiếu	11/10/97	12172				
34	1521060186	Vũ Đình	Hiếu	18/01/97	12173				
35	1521060074	Nguyễn Đình	Hoàng	08/09/96	12174				
36	1521060124	Vũ Đức Minh	Hoàng	26/09/97	12175				
37	1521060199	Vũ Ngọc	Hoàng	16/10/97	12176				
38	1521060299	Bùi Văn	Hội	20/03/97	12177				
39	1521060013	Đặng Văn	Hùng	17/09/97	12178				
40	1521080020	Vũ Thanh	Hùng	03/07/95	12179				

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài: Tổng số tờ: Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

PHÒNG KHẢO THÍ & ĐBCLGD

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 2 HỌC KỲ 1 (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4010406 Nhóm: 205 Tổ thi: T001 Tên HP: Hình hoạ và vẽ kỹ thuật + BTL

Ngày thi: **26/02/2017** Phòng thi: **D4-1** Tiết bắt đầu: **7** Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
41	1521060112	Hà Quốc	Hưng	13/10/96	12180				
42	1521060106	Nguyễn Văn	Hưng	06/02/97	12181				
43	1521060280	Nguyễn Bá	Hưởng	02/06/96	12182				
44	1521060087	Đặng Văn	Huy	26/04/97	12183				
45	1521030102	Đỗ Khắc	Huy	26/11/97	12184				
46	1521030236	Đoàn Ngọc	Huy	03/07/97	12185				
47	1521030101	Hoàng Văn	Huy	15/12/97	12186				
48	1521080046	Nguyễn Đức	Huy	07/08/97	12187				
49	1521060105	Nguyễn Quốc	Huy	22/05/97	12188				
50	1521060239	Nguyễn Tống	Huy	27/03/97	12189				
51	1521060288	Nguyễn Văn	Huỳnh	09/03/97	12190				
52	1521060283	Trần Văn	Huỳnh	02/08/97	12191				
53	1521080180	Lê Trung	Kiên	18/11/97	12192				
54	1521030250	Nguyễn Sơn	Lâm	22/12/97	12193				
55	1521030045	Nguyễn Hoàng	Linh	09/10/97	12194				
56	1521080190	Nguyễn Tuấn	Linh	12/10/96	12195				
57	1521060255	Chảo Láo	Lở	28/09/95	12196				
58	1521060060	Vũ Hữu	Lợi	11/07/96	12197				
59	1521030076	Nguyễn Mạnh	Lực	07/02/97	12198				
60	1521060248	Nguyễn Tiến	Lực	12/09/97	12199				
61	1521080354	Nguyễn Thị	Mận	16/06/97	12200				
62	1221080045	Hoàng Văn	Minh	14/12/94	12201				
63	1521060109	Lê Văn	Minh	27/06/97	12202				
64	1521080207	Đỗ Văn	Nam	08/10/97	12203				
65	1521060012	Lê Tiến	Nam	25/11/97	12204				
66	1521060302	Lương Phương	Nam	19/06/97	12205				
67	1521060120	Nguyễn Văn	Nam	04/02/97	12206				
68	1521060155	Bùi Đức	Nguyện	06/08/97	12207				
69	1521030111	Lương Khánh	Nhật	08/11/96	12208				
70	1521060204	Phạm Minh	Nhật	27/02/97	12209				
71	1521080044	Phương Thị	Như	01/11/97	12210				
72	1421080310	Bùi Thị Hồng	Nhung	26/10/96	12211				
73	1521060031	Trần Thiện	Phước	28/12/97	12212				
74	1521060064	Mạc Duy	Phương	06/10/97	12213				
75	1521060300	Trần Minh	Phương	24/10/97	12214				
76	1521030116	Nguyễn Văn	Quân	03/10/97	12215				
77	1521060168	Vũ Văn	Quyền	09/06/97	12216				
78	1521060324	Trần Y Quốc	Sang	21/09/97	12217				
79	1521060289	Nguyễn Ngọc	Sơn	06/10/97	12218				
80	1521060253	Nguyễn Viết	Sóng	25/02/97	12219				

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài: Tổng số tờ: Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

PHÒNG KHẢO THÍ & ĐBCLGD

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 2 HỌC KỲ 1 (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4010406 Nhóm: 205 Tổ thi: T001 Tên HP: Hình hoạ và vẽ kỹ thuật + BTL

Ngày thi: **26/02/2017** Phòng thi: **D4-1** Tiết bắt đầu: **7** Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
81	1521010418	Phạm Văn	Sự	06/08/97	12220				
82	1521060153	Đỗ Đức	Tài	25/08/97	12221				
83	1521060073	Nguyễn Hữu	Tài	08/04/97	12222				
84	1521060279	Nguyễn Hữu	Tài	21/11/97	12223				
85	1521080238	Nguyễn Mạnh	Tân	17/07/97	12224				
86	1521030308	Nguyễn Hữu	Thắng	11/09/97	12225				
87	1421020146	Khiếu Trung	Thành	17/04/96	12226				
88	1521030070	Phùng Bá	Thành	27/10/97	12227				
89	1521060014	Mạc Duy	Thảo	25/08/97	12228				
90	1521060219	Phạm Hữu	Thảo	12/11/97	12229				
91	1521030104	Trương Quốc	Thiện	20/01/97	12230				
92	1521060231	Nguyễn Văn	Thịnh	26/11/97	12231				
93	1521060050	Trần Văn	Thoàn	27/08/97	12232				
94	1521030317	Lê Đình	Thông	10/11/97	12233				
95	1521060230	Trương Văn	Thuận	11/10/97	12234				
96	1521060111	Đinh Thị	Thủy	04/04/97	12235				
97	1521080266	Trần Viết	Tiến	15/09/97	12236				
98	1521080267	Vi Thành	Tiến	29/01/97	12237				
99	1521060096	Vũ Đình	Tiến	08/12/97	12238				
100	1521060277	Hoàng Đức	Tôn	15/01/97	12239				
101	1521060362	Bùi Xuân	Trà	19/05/97	12240				
102	1521060200	Khang	Trần	12/04/97	12241				
103	1421080398	Nguyễn Huyền	Trang	05/08/96	12242				
104	1521060108	Trần Thị	Trang	21/11/97	12243				
105	1521060183	Vương Cảnh	Trí	19/12/97	12244				
106	1521060257	Đoàn Thế	Trung	18/01/97	12245				
107	1521030023	Phạm Ngọc	Trung	21/02/97	12246				
108	1521060068	Vũ Văn	Trung	01/08/97	12247				
109	1521060180	Phan Văn	Tuân	24/06/96	12248				
110	1521060145	Tôn Thế	Tùng	07/03/97	12249				
111	1521010145	Phạm Thị	Tươi	20/09/97	12250				
112	1421060306	Hoàng Văn	Tuyên	09/12/93	12251				
113	1521060316	Vũ Quốc	Việt	26/12/97	12252				

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài: Tổng số tờ: Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

PHÒNG KHẢO THÍ & ĐBCLGD

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 2 HỌC KỲ 1 (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4010406 Nhóm: 206 Tổ thi: T001 Tên HP: Hình hoạ và vẽ kỹ thuật + BTL

Ngày thi: **26/02/2017** Phòng thi: **D2-3** Tiết bắt đầu: **9** Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1521020004L	Boualaphanh Chanthavi	.	15/12/96	12253				
2	1521060130	Nguyễn Đình	Đức	20/01/96	12254				
3	1521060273	Lê Minh	Phương	27/09/97	12255				
4	1521010355	Nguyễn Xuân	Sắc	20/02/95	12256				
5	1321010289	Nguyễn Hồng	Sơn	25/07/95	12257				

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài: Tổng số tờ: Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

PHÒNG KHẢO THÍ & ĐBCLGD

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 2 HỌC KỲ 1 (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4010501 Nhóm: 202 Tổ thi: T001 Tên HP: Cơ học lý thuyết 1

Ngày thi: **26/02/2017** Phòng thi: **D4-2** Tiết bắt đầu: **2** Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1521020122	Lê Đồng	An	15/10/97	12258				
2	1521040145	Lê Xuân	An	26/06/97	12259				
3	1421020001	Phạm Xuân	An	08/08/96	12260				
4	1421040002	Vũ Thanh	An	07/07/96	12261				
5	1421070169	Nguyễn Bá	Ân	17/06/95	12262				
6	1521010430	Cao Thế	Anh	06/08/97	12263				
7	1421010006	Đặng Hồ Vân	Anh	07/11/96	12264				
8	1521070167	Lê Xuân Tuấn	Anh	30/08/97	12265				
9	1321020015	mai thi ngoc	anh	25/05/94	12266				
10	1321040003	Mai Viết	Anh	07/11/95	12267				
11	1421070158	Nguyễn Hoàng	Anh	06/09/94	12268				
12	1521060189	Nguyễn Quốc	Anh	25/06/96	12269				
13	1521010263	Nguyễn Quyền	Anh	09/07/96	12270				
14	1521020077	Nguyễn Tuấn	Anh	14/02/97	12271				
15	1521010179	Nguyễn Việt	Anh	10/02/97	12272				
16	1221040014	Trịnh Đức	Anh	06/07/93	12273				
17	1521020012	Nguyễn Văn	Bắc	23/09/97	12274				
18	1321060018	Lê Xuân	Bách	16/08/95	12275				
19	1521070147	Nguyễn Văn	Bằng	06/06/97	12276				
20	1321010034	Cao Văn	Bảo	07/11/94	12277				
21	1521010171	Nguyễn Sỹ	Bảo	25/11/96	12278				
22	1521079001	Lò Văn	Bình	25/06/97	12279				
23	1421070011	Dương Bá	Cảnh	18/03/96	12280				
24	1521070183	Nguyễn Văn	Cảnh	08/11/97	12281				
25	1421060025	Phạm Văn	Cảnh	22/01/96	12282				
26	1521040110	Trần Đức	Cảnh	08/01/97	12283				
27	1421040002L	Somvanh	CHANTHA	25/02/95	12284				
28	1521060449	Lê Minh	Chiến	27/03/97	12285				
29	1221040021	Lê Quyết	Chiến	17/11/94	12286				
30	1421010033	Nguyễn Ngọc	Chiến	01/02/96	12287				
31	1411060011	Nguyễn Quang	Chiến	12/06/96	12288				
32	1521070138	Nguyễn Xuân	Chiến	19/04/96	12289				
33	1521040019	Trần Minh	Chiến	21/06/97	12290				
34	1521070190	Nguyễn Cảnh	Chung	05/08/96	12291				
35	1521070097	Lê Minh	Công	22/11/97	12292				
36	1521010256	Mai Anh	Công	11/07/97	12293				
37	1521060390	Nguyễn Tiến	Công	14/01/96	12294				
38	1521060445	Đào Văn	Cương	27/06/97	12295				
39	1421020251	Nguyễn Duy	Cương	04/09/95	12296				
40	1521010193	Đỗ Đức	Cường	04/03/97	12297				

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài: Tổng số tờ: Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

PHÒNG KHẢO THÍ & ĐBCLGD

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 2 HỌC KỲ 1 (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4010501 Nhóm: 202 Tổ thi: T001 Tên HP: Cơ học lý thuyết 1

Ngày thi: **26/02/2017** Phòng thi: **D4-2** Tiết bắt đầu: **2** Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
41	1421020256	Nguyễn Mạnh	Cường	16/06/95	12298				
42	1321040436	Nguyễn Thiện	Cường	10/11/95	12299				
43	1521010382	Phạm Viết	Cường	06/11/91	12300				
44	1421010048	Trần Quốc	Cường	21/05/96	12301				
45	1321040040	Vũ Văn	Cường	25/09/95	12302				
46	1521060133	Hồ Mậu	Đại	13/06/97	12303				
47	1521010380	Trần Võ	Đại	15/12/97	12304				
48	1521060418	Phạm Văn	Đằng	02/01/97	12305				
49	1521020154	Đinh Văn	Đạt	09/11/97	12306				
50	1521060354	Đỗ Quốc	Đạt	07/10/97	12307				
51	1421020282	Dương Thành	Đạt	11/09/92	12308				
52	1521070014	Hà Ngọc	Đạt	24/08/95	12309				
53	1421070144	Lê Tiến	Đạt	16/05/96	12310				
54	1521070209	Mạnh Lộc	Đạt	30/06/97	12311				
55	1521010336	Nguyễn Thành	Đạt	19/06/97	12312				
56	1521040136	Nguyễn Tiến	Đạt	08/11/97	12313				
57	1521070109	Nguyễn Văn	Đạt	15/07/97	12314				
58	1521040090	Phạm Quốc	Đạt	18/01/96	12315				
59	1421040067	Phạm Tiến	Đạt	08/09/96	12316				
60	1521020065	Trịnh Công	Đạt	12/03/95	12317				
61	1321070029	Nguyễn Ngọc	Diện	31/10/95	12318				

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài: Tổng số tờ: Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

PHÒNG KHẢO THÍ & ĐBCLGD

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 2 HỌC KỲ 1 (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4010501 Nhóm: 203 Tổ thi: T001 Tên HP: Cơ học lý thuyết 1

Ngày thi: **26/02/2017** Phòng thi: **D5-2** Tiết bắt đầu: **2** Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1321040042	Phạm Duy	Diện	05/05/95	12319				
2	1321040441	Nguyễn Cảnh	Dinh	01/08/95	12320				
3	1421070033	Đinh Văn	Định	10/01/96	12321				
4	1321020489	Nguyễn Văn	Đô	25/09/93	12322				
5	1521070214	Nguyễn Công	Đoàn	12/05/97	12323				
6	1421030046	Vũ Đình	Đoàn	12/02/96	12324				
7	1521020158	Bế Ngọc	Đông	20/11/96	12325				
8	1321060075	Đào Văn	Đông	06/02/95	12326				
9	1521020159	Đỗ Minh	Đông	13/01/97	12327				
10	1221020047	Phạm Văn	Đông	26/01/94	12328				
11	1421070241	Ninh Duy	Đồng	13/10/95	12329				
12	1521040006	Trần Duy	Duân	16/08/96	12330				
13	1521060236	Cường Nguyễn	Đức	27/05/97	12331				
14	1521060462	Đinh Khắc	Đức	14/09/96	12332				
15	1521020041	Hà Việt	Đức	03/02/97	12333				
16	1521070217	Lê Đình	Đức	15/09/97	12334				
17	1521060216	Lê Minh	Đức	19/03/97	12335				
18	1421060080	Lưu Huyền	Đức	17/10/96	12336				
19	1521010236	Mạc Việt	Đức	24/06/97	12337				
20	1521070221	Nguyễn Văn	Đức	08/07/97	12338				
21	1521010334	Trần Minh	Đức	22/09/97	12339				
22	1531020008	Bùi Việt	Dũng	11/04/93	12340				
23	1521019021	Đặng Quốc	Dũng	15/11/97	12341				
24	1521010428	Đoàn Anh	Dũng	22/03/97	12342				
25	1321010072	Lê Trọng	Dũng	12/03/95	12343				
26	1521020166	Lê Văn	Dũng	09/09/96	12344				
27	1521060305	Nguyễn Kim	Dũng	20/08/97	12345				
28	1321060052	Nguyễn Thọ	Dũng	13/10/95	12346				
29	1421040049	Nguyễn Văn	Dũng	13/11/96	12347				
30	1521040042	Trịnh Mạnh	Dũng	12/09/97	12348				
31	1521060093	Vũ Văn	Dũng	17/02/97	12349				
32	1521020083	Tạ Văn	Được	20/08/96	12350				
33	1521060427	Nguyễn Danh	Dương	23/11/97	12351				
34	1521020171	Nguyễn Tùng	Dương	21/11/97	12352				
35	1421010064	Phạm Công	Duy	20/04/96	12353				
36	1521070009	Phạm Thế	Duyệt	29/05/97	12354				
37	1521070236	Đặng Quang	Giang	03/01/97	12355				
38	1521040139	trần huy	giang	19/03/97	12356				
39	1521040001	Bùi Thị Thu	Hà	28/08/97	12357				
40	1521010072	Nguyễn Khắc	Hải	16/06/97	12358				

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài: Tổng số tờ: Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

PHÒNG KHẢO THÍ & ĐBCLGD

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 2 HỌC KỲ 1 (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4010501 Nhóm: 203 Tổ thi: T001 Tên HP: Cơ học lý thuyết 1

Ngày thi: **26/02/2017** Phòng thi: **D5-2** Tiết bắt đầu: **2** Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
41	1521040184	Nguyễn Ngọc	Hải	05/01/97	12359				
42	1521040079	Trần Minh	Hân	13/02/97	12360				
43	1321020090	Nguyễn Thị	Hằng	17/01/95	12361				
44	1421020345	Nguyễn Công	Hậu	01/05/96	12362				
45	1321060108	Nguyễn Quốc	Hậu	21/11/93	12363				
46	1421020058	Trịnh Công	Hiến	07/08/96	12364				
47	1521060080	Phạm Nam	Hiền	06/04/95	12365				
48	1421040107	Lê Văn	Hiệp	20/10/96	12366				
49	1521010165	Ngô Đức	Hiệp	20/08/97	12367				
50	1221040389	Nguyễn Văn	Hiệp	07/03/94	12368				
51	1521060006	Phạm Hoàng	Hiệp	14/05/97	12369				
52	1221070055	Trần Văn	Hiệp	11/05/93	12370				
53	1521060403	Bùi Trung	Hiếu	08/05/97	12371				
54	1521070100	Đàm Xuân	Hiếu	13/08/97	12372				
55	1521020196	Đào Trung	Hiếu	28/10/96	12373				
56	1521060172	Đinh Quý	Hiếu	28/11/97	12374				
57	1321060118	Đinh Văn	Hiếu	10/11/94	12375				
58	1521070012	Hoàng Minh	Hiếu	26/07/97	12376				
59	1521010202	Lê Trung	Hiếu	16/06/97	12377				
60	1521070254	Hoàng Văn	Hiệu	14/12/97	12378				
61	1521010189	Bùi Khắc	Hinh	10/05/97	12379				
62	1521020031	Nguyễn Văn	Hóa	25/11/97	12380				
63	1521019001	Bùi Đức	Hoàng	--/--/----	12381				

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài: Tổng số tờ: Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

PHÒNG KHẢO THÍ & ĐBCLGD

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 2 HỌC KỲ 1 (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4010501 Nhóm: 204 Tổ thi: T001 Tên HP: Cơ học lý thuyết 1

Ngày thi: **26/02/2017** Phòng thi: **D5-3** Tiết bắt đầu: **2** Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1521010279	Đỗ Huy	Hoàng	20/08/97	12382				
2	1521010432	Đỗ Tiến	Hoàng	01/10/94	12383				
3	1521010347	NGuyễn DUy	hoàng	25/07/97	12384				
4	1511060032	Nguyễn Khả	Hoàng	--/--/----	12385				
5	1421040117	Nguyễn Văn	Hoàng	07/03/96	12386				
6	1521060160	Trương Việt	Hoàng	05/11/97	12387				
7	1521010061	Vũ Anh	Hoàng	06/05/97	12388				
8	1221070062	Đặng Đức	Học	04/09/94	12389				
9	1521010031	Nguyễn Duy	Học	20/02/97	12390				
10	1321040110	Bùi Đắc	Hồng	31/01/95	12391				
11	1521070262	Nguyễn Duy	Huấn	10/01/97	12392				
12	1521010415	Đỗ Văn	Hùng	10/10/97	12393				
13	1521070265	Nguyễn Mạnh	Hùng	08/08/97	12394				
14	1521070058	Nguyễn Văn	Hùng	10/01/97	12395				
15	1521070266	Phạm Minh	Hùng	22/02/96	12396				
16	1411060080	Trần Mạnh	Hùng	22/08/96	12397				
17	1321040500	Vương Văn	Hùng	06/06/95	12398				
18	1321070093	Nguyễn Cao	Hưng	29/11/95	12399				
19	1521010015	Nguyễn Thành	Hưng	14/08/96	12400				
20	1221070072	Nguyễn Văn	Hưng	27/07/94	12401				
21	1521010372	Nguyễn Vũ	Hưng	23/02/97	12402				
22	1521040084	Phạm Quốc	Hưng	02/09/97	12403				
23	1421070315	Đào Minh	Huy	19/10/96	12404				
24	1021040128	Đinh Quang	Huy	02/05/92	12405				
25	1221060307	Đỗ Cao	Huy	08/02/94	12406				
26	1521070155	Nguyễn Quang	Huy	06/10/97	12407				
27	1521040154	Nguyễn Trung	Huy	22/10/97	12408				
28	1521070445	Trịnh Quang	Huy	22/07/95	12409				
29	1521040253	Hoàng Thu	Huyền	16/11/97	12410				
30	1521040038	Nguyễn Thị	Huyền	25/11/97	12411				
31	1411040032	Hoàng Văn	Khánh	21/02/95	12412				
32	1321070099	Nguyễn Quang	Khánh	06/06/94	12413				
33	1521070066	Trần Văn	Khoa	10/08/96	12414				
34	1521010206	Lê Văn	Khởi	29/03/97	12415				
35	1521010167	Võ Tá	Khuê	04/12/97	12416				
36	1421070342	Lại Duy	Kiên	29/08/96	12417				
37	1521070148	Nguyễn Ngọc	Kiên	22/09/97	12418				
38	1521010118	Phạm Văn	Kiên	22/09/97	12419				
39	1221020086	Trịnh Trung	Kiên	08/10/94	12420				
40	1521070055	Nguyễn Văn	Kiện	03/07/97	12421				

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài: Tổng số tờ: Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

PHÒNG KHẢO THÍ & ĐBCLGD

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 2 HỌC KỲ 1 (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4010501 Nhóm: 204 Tổ thi: T001 Tên HP: Cơ học lý thuyết 1

Ngày thi: **26/02/2017** Phòng thi: **D5-3** Tiết bắt đầu: **2** Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
41	1421010172	Nguyễn Sơn	Lâm	07/01/96	12422				
42	1411040036	Nguyễn Văn	Lâm	30/12/95	12423				
43	1421070068	Nông Hoàng	Lâm	26/08/96	12424				
44	1521070027	Vũ Văn	Lâm	06/10/97	12425				
45	1421070345	Trần Văn	Lãm	30/07/96	12426				
46	1521040020	Nguyễn Thị	Liễu	24/07/97	12427				
47	1521010360	Lương Thùy	Linh	21/06/97	12428				
48	1421020434	Lưu Quang	Linh	02/09/96	12429				
49	1521010259	Nguyễn Thùy	Linh	19/01/97	12430				
50	1521010343	Nhâm Tuấn	Linh	12/07/97	12431				
51	1521010172	Phạm Văn	Linh	29/09/97	12432				
52	1221040149	Phạm Xuân	Linh	11/11/93	12433				
53	1521070030	Tô Tùng	Linh	23/02/97	12434				
54	1524010090	Vũ Thùy	Linh	05/06/97	12435				
55	1421060160	Vũ Trọng	Linh	20/06/96	12436				
56	1521070075	Phạm Bảo	Lộc	07/03/97	12437				
57	1521040009	Nguyễn Văn	Lợi	08/11/97	12438				
58	1411040039	Đỗ Văn	Long	10/08/96	12439				
59	1521070018	Lê Duy	Long	05/08/97	12440				
60	1521070083	Lê Vân	Long	03/02/97	12441				
61	1521040004	Nguyễn Duy	Long	22/02/97	12442				
62	1421020092	Nguyễn Nhật	Long	08/08/96	12443				
63	1521020081	Phạm Thanh	Long	06/12/97	12444				
64	1521020085	Trần Duy	Long	03/06/97	12445				

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài: Tổng số tờ: Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

PHÒNG KHẢO THÍ & ĐBCLGD

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 2 HỌC KỲ 1 (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4010501 Nhóm: 205 Tổ thi: T001 Tên HP: Cơ học lý thuyết 1

Ngày thi: **26/02/2017** Phòng thi: **A208** Tiết bắt đầu: **4** Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1321020141	Vũ Vân	Long	19/04/95	12446				
2	1521010404	Nguyễn Thành	Luân	01/06/96	12447				
3	1521010376	Phạm Văn	Lực	14/12/97	12448				
4	1521010024	Đỗ Gia	Lượng	07/07/97	12449				
5	1521020253	Nguyễn Thọ	Lượng	06/05/97	12450				
6	1521020254	Nguyễn Thị	Ly	06/01/97	12451				
7	1521010267	Trịnh Thị Thảo	Ly	20/04/97	12452				
8	1521040096	Nguyễn Tiến	Mạnh	09/09/97	12453				
9	1521010419	Đỗ Thị	Mến	06/10/97	12454				
10	1521040343	Đinh Dũng	Minh	01/12/97	12455				
11	1421011229	Đỗ Ngọc	Minh	07/11/96	12456				
12	1411060112	Đoàn Văn	Minh	28/02/96	12457				
13	1421040189	Nguyễn Ngọc	Minh	26/11/95	12458				
14	1421020110	Phạm Văn	Minh	09/12/95	12459				
15	1521010366	Đinh Thị	My	10/03/96	12460				
16	1521070309	Đặng Phương	Nam	02/02/97	12461				
17	1521040268	Đặng Thành	Nam	29/11/97	12462				
18	1421010212	Lã Văn	Nam	05/10/96	12463				
19	1521060042	Nguyễn Thế	Nam	25/08/97	12464				
20	1421020114	Nguyễn Tiến	Nam	14/12/96	12465				
21	1421020487	Đinh Thị	Ngà	28/07/96	12466				
22	1521040122	Nguyễn Thị Thúy	Ngân	31/03/97	12467				
23	1521020007	Đỗ Trọng	Nghĩa	09/01/97	12468				
24	1521070317	Nguyễn Tuấn	Nghĩa	07/08/97	12469				
25	1221060094	Ngô Xuân	Nghiệp	26/01/94	12470				
26	1221010246	Hồ Viết	Ngọc	09/03/94	12471				
27	1321070611	Đặng Tiến	Nhất	23/03/94	12472				
28	1521040276	Phạm Thị Hồng	Nhung	06/06/97	12473				
29	1521020104	Lâm Duy	Phan	30/11/97	12474				
30	1521020267	Phạm Tấn	Phát	03/07/96	12475				
31	1411060129	Nguyễn Văn	Phi	20/12/96	12476				
32	1421040209	Phạm Ngọc	Phồn	30/07/96	12477				
33	1521070149	Nghiêm Hồng	Phong	14/02/97	12478				
34	1321060213	Nguyễn Anh	Phong	22/10/95	12479				
35	1521070017	Phạm Hữu	Phong	27/09/97	12480				
36	1521020032	Đinh Văn	Phúc	24/05/97	12481				
37	1521070457	Bùi Thị	Phương	01/09/97	12482				
38	1321010282	Đỗ Hoàng Hải	Quân	31/03/94	12483				
39	1521070089	Đỗ Hồng	Quân	23/11/97	12484				
40	1421020130	Trương Khắc	Quân	30/07/95	12485				

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài: Tổng số tờ: Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

PHÒNG KHẢO THÍ & ĐBCLGD

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 2 HỌC KỲ 1 (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4010501 Nhóm: 205 Tổ thi: T001 Tên HP: Cơ học lý thuyết 1

Ngày thi: **26/02/2017** Phòng thi: **A208** Tiết bắt đầu: **4** Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
41	1521020090	Đinh Trọng	Quang	22/03/97	12486				
42	1421030155	Hoàng Tài	Quang	15/08/96	12487				
43	1521060350	Nguyễn Văn	Quang	04/11/97	12488				
44	1521020091	Trần Phước	Quí	22/10/97	12489				
45	1421080336	Phạm Văn	Quyết	31/08/95	12490				
46	1521070334	Trần Xuân	Quỳnh	29/05/97	12491				
47	1521040292	Bùi Hoàng	Sơn	05/04/97	12492				
48	1521040102	Lê Hoài	Sơn	07/01/97	12493				
49	1521060170	Nguyễn Bảo	Sơn	11/11/96	12494				
50	1521040294	Nguyễn Hồng	Sơn	26/08/97	12495				
51	1421020548	Trần Thanh	Sơn	17/10/96	12496				
52	1521010054	Trần Văn	Tam	08/08/96	12497				
53	1521010123	Lê Quang	Tâm	14/10/97	12498				
54	1221060399	Doãn Cả	Tân	01/01/92	12499				
55	1221020135	Lê Văn	Tân	24/09/94	12500				
56	1521060331	Nguyễn Minh	Tân	02/10/97	12501				
57	1321060259	Đỗ Văn	Thạch	12/04/95	12502				
58	1421070459	Lê Văn	Thanh	02/10/95	12503				
59	1521040305	Cao Văn	Thành	07/01/97	12504				
60	1521040150	Nguyễn Minh	Thành	27/09/97	12505				
61	1521060352	Nguyễn Tiến	Thành	06/09/97	12506				
62	1421040256	Nguyễn Trọng	Thành	31/03/96	12507				
63	1521060434	Phạm Tiến	Thành	02/03/97	12508				
64	1521070365	Hoàng Văn	Thế	30/05/97	12509				

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài: Tổng số tờ: Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

PHÒNG KHẢO THÍ & ĐBCLGD

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 2 HỌC KỲ 1 (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4010501 Nhóm: 206 Tổ thi: T001 Tên HP: Cơ học lý thuyết 1

Ngày thi: **26/02/2017** Phòng thi: **B204** Tiết bắt đầu: **4** Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1521010315	Nguyễn Văn	Thi	16/06/97	12510				
2	1521070070	Bùi Đức	Thiện	15/11/97	12511				
3	1521010001	Đinh Đức	Thiện	20/02/97	12512				
4	1521040165	Đỗ Văn	Thiện	30/06/97	12513				
5	1521070367	Lê Văn	Thiện	02/09/96	12514				
6	1521040312	Vũ Đình	Thọ	04/03/97	12515				
7	1421040278	Chu Xuân	Thoại	08/11/95	12516				
8	1421070123	Hoàng Văn	Thống	17/05/94	12517				
9	1221010800	Đỗ Vũ	Thư	--/--/----	12518				
10	1421070124	Đỗ Minh	Thuận	14/12/96	12519				
11	1521020002	Vũ Duy	Thương	25/02/96	12520				
12	1521070464	Bùi Đức	Tiến	06/05/97	12521				
13	1321060309	Nguyễn Quyết	Tiến	22/08/95	12522				
14	1521010089	Nguyễn Hoàng	Tín	18/02/97	12523				
15	1521010211	Mai Văn	Toàn	15/04/97	12524				
16	1421070490	Nguyễn Thành	Tông	07/06/96	12525				
17	1321020228	Lê Thị Thu	Trang	07/09/94	12526				
18	1421010351	Nguyễn Văn	Trúc	04/06/96	12527				
19	1221020520	Bùi Đức	Trung	11/03/94	12528				
20	1521070380	Đỗ Bảo	Trung	22/11/97	12529				
21	1521070029	Đỗ Huy	Trung	20/01/97	12530				
22	1521020098	Dương Quốc	Trung	11/01/97	12531				
23	1521040112	Nguyễn Đức	Trung	29/08/97	12532				
24	1521060420	Nguyễn Hà	Trung	16/01/97	12533				
25	1421070128	Nguyễn Khắc	Trung	10/04/96	12534				
26	1521070382	Phạm Đình	Trung	28/02/97	12535				
27	1521020088	Nguyễn Mạnh	Trường	07/09/97	12536				
28	1421020642	Nguyễn Nhật	Trường	01/01/96	12537				
29	1521060345	Vũ Quang	Trường	11/11/97	12538				
30	1421030599	Nguyễn Thành	Tú	25/08/96	12539				
31	1421020650	Nguyễn Văn	Tuân	01/10/95	12540				
32	1521010351	Nguyễn Văn	Tuân	19/09/97	12541				
33	1521070391	Đặng Danh	Tuấn	10/08/97	12542				
34	1421020657	Lê Anh	Tuấn	08/12/96	12543				
35	1521070394	Lê Đăng	Tuấn	27/10/96	12544				
36	1221020530	Lê Văn	Tuấn	24/05/94	12545				
37	1521010294	Mạnh Trọng	Tuấn	19/02/97	12546				
38	1321060332	Nguyễn Anh	Tuấn	26/08/95	12547				
39	1521040033	Nguyễn Minh	Tuấn	08/09/97	12548				
40	1421070137	Nguyễn Quốc	Tuấn	08/04/96	12549				

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài: Tổng số tờ: Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

PHÒNG KHẢO THÍ & ĐBCLGD

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 2 HỌC KỲ 1 (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4010501 Nhóm: 206 Tổ thi: T001 Tên HP: Cơ học lý thuyết 1

Ngày thi: **26/02/2017** Phòng thi: **B204** Tiết bắt đầu: **4** Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
41	1321040319	Phạm Minh	Tuấn	12/02/95	12550				
42	1521060044	Đào Duy	Tùng	05/12/96	12551				
43	1421070139	Đỗ Mạnh	Tùng	20/06/96	12552				
44	1521060209	Phạm Văn	Tùng	02/12/97	12553				
45	1521060051	Tô Thanh	Tùng	20/10/97	12554				
46	1521040083	Vũ Xuân	Tùng	28/09/97	12555				
47	1421060312	Trần Mạnh	Tường	14/06/96	12556				
48	1521040062	Nguyễn Đình	Tuyên	18/04/97	12557				
49	1521060086	Dương Xuân	Việt	04/12/97	12558				
50	1521020072	Hà Đức	Việt	02/07/97	12559				
51	1521010112	Hoàng Quốc	Việt	27/04/97	12560				
52	1521070028	Nguyễn Duy	Việt	05/12/97	12561				
53	1521010405	Phạm Hoàng	Việt	21/09/96	12562				
54	1521070468	Phạm Quốc	Việt	25/03/97	12563				
55	1221060181	Vũ Quốc	Việt	18/10/93	12564				
56	1521040007	Đặng Quang	Vinh	04/05/97	12565				
57	1521010331	Lê Quang	Vinh	17/04/96	12566				
58	1321060677	Trịnh Quang	Vinh	17/02/94	12567				
59	1421010800	Trần Anh	Vũ	--/--/----	12568				
60	1521070421	Bùi Công	Vượng	26/10/97	12569				
61	1521010037	Lê Hoàng	Vượng	02/09/97	12570				
62	1521010269	Nguyễn Văn	Xuân	07/02/97	12571				
63	1521020075	Phạm Hải	Yến	04/08/97	12572				

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài: Tổng số tờ: Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

PHÒNG KHẢO THÍ & ĐBCLGD

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 2 HỌC KỲ 1 (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4010501 Nhóm: 208 Tổ thi: T001 Tên HP: Cơ học lý thuyết 1

Ngày thi: **26/02/2017** Phòng thi: **D2-1** Tiết bắt đầu: **7** Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1521040070	Trần Khánh	Ly	11/09/97	12573				
2	1521020109	Vũ Liu	Ly	27/10/97	12574				
3	1521010369	Lê Văn	Mạnh	18/12/97	12575				
4	1321070120	Lê Vinh	Mạnh	22/02/94	12576				
5	1521020046	Nguyễn Khắc	Mạnh	08/04/97	12577				
6	1521070044	Phạm Văn	Mạnh	01/10/96	12578				
7	1521010194	Trần Văn	Mạnh	16/11/96	12579				
8	1521040134	Vi Văn	Mạnh	20/02/97	12580				
9	1521070152	Vũ Hoàng	Mạnh	25/12/97	12581				
10	1221020395	Doãn Thành	Nam	14/06/94	12582				
11	1521060422	Nguyễn Anh	Nam	30/04/96	12583				
12	1311070027	Lê Văn	Năng	09/10/94	12584				
13	1521020051	Trần Thanh	Nga	29/06/97	12585				
14	1521010173	Đặng Văn	Nghĩa	10/01/96	12586				
15	1521060338	Hà Văn	Nghĩa	16/06/97	12587				
16	1521060099	Lê Trọng	Nghĩa	14/05/96	12588				
17	1521040274	Phạm Văn	Nghĩa	17/10/97	12589				
18	1521070318	Vũ Hoàng	Nghĩa	18/09/97	12590				
19	1421070095	Nguyễn Chương	Nguyên	07/12/94	12591				
20	1521010008	Tuấn Anh	Nguyễn	17/08/97	12592				
21	1521060061	Lê Văn	Nhân	22/08/97	12593				
22	1521060062	Nguyễn Đình	Nhân	08/03/97	12594				
23	1521070094	Nguyễn Thiện	Nhân	07/02/97	12595				
24	1521060008	Nguyễn Thanh Hải	Ninh	27/04/97	12596				
25	1521060410	Nguyễn Phúc	Núi	16/08/96	12597				
26	1521040060	Trần Đăng	Phong	07/11/97	12598				
27	1521070005	Vũ Thành	Phong	08/04/97	12599				
28	1521070079	Đỗ Đức	Phú	05/03/97	12600				
29	1521070036	Trần Văn	Phú	31/03/97	12601				
30	1521070327	Vũ Trọng	Phúc	11/05/97	12602				
31	1521010227	Phạm Hữu	Phước	02/07/96	12603				
32	1521060396	Hoàng Đức	Phương	09/07/97	12604				
33	1321040211	Phạm Thị	Phương	12/08/95	12605				
34	1521060432	Cao Đại	Quang	26/03/96	12606				
35	1521060166	Nguyễn Ngọc	Quang	05/12/97	12607				
36	1521070332	Trần Văn	Quang	19/06/97	12608				
37	1521060281	Phạm Thế	Quí	29/09/97	12609				
38	1521040163	Lương Hoàng	Quốc	02/06/97	12610				
39	1521010105	Phạm Trung	Quý	21/08/97	12611				
40	1521040104	Đỗ Mạnh	Quỳnh	12/10/96	12612				

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài: Tổng số tờ: Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

PHÒNG KHẢO THÍ & ĐBCLGD

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 2 HỌC KỲ 1 (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4010501 Nhóm: 208 Tổ thi: T001 Tên HP: Cơ học lý thuyết 1

Ngày thi: **26/02/2017** Phòng thi: **D2-1** Tiết bắt đầu: **7** Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
41	1521070460	Lê Nguyệt	Quỳnh	31/01/97	12613				
42	1521060235	Nguyễn Xuân	Sâm	04/10/96	12614				
43	1521010429	Nguyễn Tiến	Sáng	21/06/97	12615				
44	1521020002L	Phenglilerm	Sansout	14/04/95	12616				
45	1521070337	Bùi Xuân	Sơn	05/06/97	12617				
46	1521040160	Nguyễn Hồng	Sơn	13/10/97	12618				
47	1521011003	Nguyễn Hữu	Sơn	30/09/97	12619				
48	1121011053	Nguyễn Ngọc	Sơn	03/12/93	12620				
49	1521040075	Nguyễn Văn	Sơn	08/03/97	12621				
50	1521070134	Phạm Văn	Sơn	13/02/97	12622				
51	1521010216	Trịnh Hồng	Sơn	04/01/97	12623				
52	1521060258	Nguyễn Thành	Tâm	10/01/97	12624				
53	1521010135	Nguyễn Viết	Tân	11/12/97	12625				
54	1521020295	Hoàng Đình	Tăng	31/01/97	12626				
55	1521010333	Nguyễn Đức	Thạch	28/10/97	12627				
56	1521010299	Phạm Văn	Thái	14/01/97	12628				
57	1521070353	Nguyễn Công	Thắng	04/05/97	12629				
58	1521020373	Nguyễn Đức	Thắng	17/06/96	12630				
59	1521010422	Trịnh Xuân	Thắng	22/08/95	12631				
60	1521070131	Bùi Văn	Thanh	03/01/96	12632				
61	1521040303	Đỗ Văn	Thanh	24/12/97	12633				
62	1521060266	Nguyễn Anh	Thanh	09/06/97	12634				
63	1421060246	Nguyễn Chí	Thanh	05/10/96	12635				
64	1521040041	Đào Văn	Thành	12/08/96	12636				
65	1421060250	Nguyễn Đình	Thành	16/04/96	12637				
66	1521040050	Đỗ Mạnh	Thao	23/11/96	12638				
67	1521040026	Trịnh Thế	Thao	09/02/95	12639				
68	1521010121	Lại Văn	Thiểm	17/01/97	12640				
69	1521010009	Nguyễn Tiến	Thiên	23/09/97	12641				
70	1521040132	Hoàng Văn	Thiện	02/04/97	12642				
71	1521040105	Nguyễn Quang	Thiện	09/08/96	12643				
72	1521060020	Phạm Đăng	Thiện	16/04/97	12644				
73	1521040311	Vũ Đình	Thiện	06/01/97	12645				
74	1521040124	Lê Hoài	Thu	07/03/97	12646				
75	1631020006	Trần Quốc	Thức	06/03/1994	12647				
76	1521020018	Nguyễn Anh	Tiến	17/12/97	12648				
77	1521010192	Nguyễn Thế	Tiến	14/08/97	12649				
78	1521010051	Phạm Văn	Tiến	08/01/97	12650				
79	1521070376	Vũ Văn	Tiến	05/12/96	12651				
80	1521010393	Đinh Trọng	Tín	05/05/97	12652				

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài: Tổng số tờ: Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

PHÒNG KHẢO THÍ & ĐBCLGD

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 2 HỌC KỲ 1 (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4010501 Nhóm: 208 Tổ thi: T001 Tên HP: Cơ học lý thuyết 1

Ngày thi: **26/02/2017** Phòng thi: **D2-1** Tiết bắt đầu: **7** Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
81	1521010079	Trần Mạnh	Tính	30/09/97	12653				
82	1521040175	Bùi Duy	Tình	19/11/96	12654				
83	1521020317	Lê Ngọc	Tình	10/09/94	12655				
84	1521060151	Trần Văn	Tố	15/02/97	12656				
85	1521010182	Vũ Văn	Toàn	01/11/97	12657				
86	1521040141	Chu Thị Thu	Trang	19/02/97	12658				
87	1521040142	Đỗ Thị Huyền	Trang	02/03/97	12659				
88	1521040081	Nguyễn Thị Thùy	Trang	09/09/97	12660				
89	1521010391	Nguyễn Thu	Trang	24/12/96	12661				
90	1521020102	Trần Thị Huyền	Trang	26/11/97	12662				
91	1521060391	Vũ Văn	Triển	17/11/96	12663				
92	1521010296	Đỗ Danh	Triệu	12/09/97	12664				
93	1521070013	Lê Hồng	Trình	30/08/97	12665				
94	1521020321	Nguyễn Văn	Trình	21/04/97	12666				
95	1521040077	Bùi Đức	Trọng	13/04/97	12667				
96	1521060387	Phạm Minh	Trọng	13/08/97	12668				
97	1521010147	Vũ Văn	Trọng	21/11/97	12669				
98	1421060602	Dương Thành	Trung	07/08/95	12670				
99	1521010346	Đào Xuân	Trường	30/12/96	12671				
100	1521040074	Lê Đắc	Trường	11/04/97	12672				
101	1521070051	Nguyễn Văn	Trường	22/12/96	12673				
102	1521020327	Phạm Văn	Trường	06/04/97	12674				
103	1521020076	Phạm Văn	Tú	09/05/97	12675				
104	1521020011	Bùi Văn	Tuấn	13/01/97	12676				
105	1521060460	Chu Quang	Tuấn	04/07/97	12677				
106	1521010077	Hoàng Minh	Tuấn	12/01/96	12678				
107	1521070393	Lê Công Anh	Tuấn	05/06/97	12679				
108	1521010104	Lê Danh	Tuấn	25/02/97	12680				
109	1521060195	Lê Văn	Tuấn	25/09/97	12681				
110	1521080278	Nguyễn Anh	Tuấn	02/11/97	12682				
111	1521060256	Nguyễn Mạnh	Tuấn	24/10/97	12683				
112	1521060232	Nguyễn Minh	Tuấn	03/03/97	12684				
113	1521060399	Nguyễn Văn	Tuấn	16/01/97	12685				
114	1521010050	Phạm Văn	Tuấn	23/08/97	12686				
115	1521040327	Vũ Đức Anh	Tuấn	05/05/97	12687				
116	1521020340	Đào Nguyên	Tùng	25/06/97	12688				
117	1521070405	Đoàn Thanh	Tùng	11/09/97	12689				
118	1521060181	Lê Thanh	Tùng	25/10/97	12690				
119	1521060169	Nguyễn Thanh	Tùng	16/09/97	12691				
120	1521020080	Nguyễn Văn	Tùng	10/01/97	12692				

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài: Tổng số tờ: Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

PHÒNG KHẢO THÍ & ĐBCLGD

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 2 HỌC KỲ 1 (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4010501 Nhóm: 208 Tổ thi: T001 Tên HP: Cơ học lý thuyết 1

Ngày thi: **26/02/2017** Phòng thi: **D2-1** Tiết bắt đầu: **7** Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
121	1521070049	Nguyễn Xuân	Tùng	06/12/97	12693				
122	1521020034	Trần Thanh	Tùng	13/03/97	12694				
123	1521020346	Lê Đình	Tường	10/07/97	12695				
124	1521070065	Đặng Thế	Tuyên	26/07/96	12696				
125	1521070095	Triệu Văn	Tuyên	16/11/94	12697				
126	1421010378	Tống Quang	Tuyến	24/11/96	12698				
127	1521060245	Phạm Văn	Tuyển	05/06/97	12699				
128	1321020252	Nguyễn Lương	Viên	09/12/95	12700				
129	1521060250	Hoàng Tuấn	Việt	07/12/97	12701				
130	1521040032	Lê Quốc	Việt	10/09/97	12702				
131	1521060164	Nguyễn Thế Tuấn	Việt	25/09/97	12703				
132	1521060382	Nguyễn Văn	Việt	02/04/97	12704				
133	1521040016	Trần Hoàng	Việt	28/02/97	12705				
134	1521060171	Phạm Quốc	Vương	27/09/97	12706				
135	1521060194	Đỗ Ngọc	Xuân	01/04/97	12707				
136	1521010365	Nguyễn Thị	Xuân	27/03/97	12708				
137	1521020096	Vũ Trọng	Xuyên	17/10/97	12709				
138	1521020001L	Souliphone	Yanxana	13/10/96	12710				
139	1521040002	Đặng Hưng	Yên	30/08/97	12711				

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài: Tổng số tờ: Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

PHÒNG KHẢO THÍ & ĐBCLGD

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 2 HỌC KỲ 1 (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4010501 Nhóm: 207 Tổ thi: T001 Tên HP: Cơ học lý thuyết 1

Ngày thi: **26/02/2017** Phòng thi: **D3-1** Tiết bắt đầu: **7** Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1521060408	Nguyễn Việt	An	02/04/97	12712				
2	1521010011	Đào Hoàng	Anh	11/12/97	12713				
3	1521070163	Đinh Hoàng	Anh	02/08/97	12714				
4	1521060369	Lê Đức	Anh	22/11/97	12715				
5	1521020092	Lương Đức	Anh	08/04/97	12716				
6	1521040158	Nguyễn Đức	Anh	01/09/97	12717				
7	1521010130	Nguyễn Hoàng	Anh	13/03/97	12718				
8	1521070040	Nguyễn Mạnh	Anh	07/06/97	12719				
9	1521010442	Nguyễn Thị Quỳnh	Anh	17/11/97	12720				
10	1521040191	Nguyễn Trọng Việt	Anh	06/02/97	12721				
11	1521010260	Nguyễn Tuấn	Anh	21/10/97	12722				
12	1521070085	Nguyễn Xuân	Anh	01/02/97	12723				
13	1521070423	Trần Hoàng	Anh	03/04/97	12724				
14	1521070046	Vũ Duy	Anh	28/04/97	12725				
15	1521040113	Kiều Đình	Bách	11/12/97	12726				
16	1521070054	Nguyễn Ngọc	Bách	15/01/96	12727				
17	1521040179	Nguyễn Hải	Bằng	12/10/97	12728				
18	1521070121	Lê Duy	Bình	06/05/97	12729				
19	1521060098	Lê Minh	Châu	18/12/97	12730				
20	1521010386	Mã Văn	Chiến	28/07/97	12731				
21	1521010187	Nguyễn Viết	Chiến	23/10/97	12732				
22	1521040071	Trịnh Quốc	Chiến	03/10/97	12733				
23	1521070115	Đào Văn	Chiều	15/06/97	12734				
24	1521060386	Nguyễn Văn	Chiểu	02/03/97	12735				
25	1321010042	Nguyễn Thành	Chung	27/09/95	12736				
26	1521060210	Phạm Đức	Chung	09/11/97	12737				
27	1521040017	Đặng Đình	Chương	08/04/95	12738				
28	1521060004	Vũ Chí	Công	06/01/97	12739				
29	1521040115	Nguyễn Duy	Cương	18/05/96	12740				
30	1521040097	Nguyễn Mạnh	Cường	15/08/96	12741				
31	1521080040	Nguyễn Mạnh	Cường	15/07/96	12742				
32	1521060190	Nguyễn Việt	Cường	10/11/97	12743				
33	1521060237	Lê Quý	Đại	14/04/97	12744				
34	1521070132	Lương Hồng	Đăng	22/03/97	12745				
35	1521020084	Phan Văn	Đằng	01/10/97	12746				
36	1521070208	Đỗ Duy	Đạt	27/08/97	12747				
37	1521040068	Nguyễn Thành	Đạt	31/10/97	12748				
38	1521020155	Nguyễn Tiến	Đạt	05/06/97	12749				
39	1521040212	Nguyễn Tiến	Đạt	13/12/97	12750				
40	1521070113	Nguyễn Xuân	Đạt	19/10/97	12751				

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài: Tổng số tờ: Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

PHÒNG KHẢO THÍ & ĐBCLGD

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 2 HỌC KỲ 1 (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4010501 Nhóm: 207 Tổ thi: T001 Tên HP: Cơ học lý thuyết 1

Ngày thi: **26/02/2017** Phòng thi: **D3-1** Tiết bắt đầu: **7** Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
41	1521040214	Phạm Tiến	Đạt	10/05/95	12752				
42	1521010245	Dương Hoàng	Diệp	06/05/97	12753				
43	1521010076	Ngô Văn	Đôn	15/08/97	12754				
44	1521070031	Lương Huy	Du	31/07/97	12755				
45	1521070022	Đinh Văn	Đức	15/09/97	12756				
46	1321020074	Hoàng Văn	Đức	29/09/95	12757				
47	1521060126	Nguyễn Bá	Đức	14/08/95	12758				
48	1521020059	Nguyễn Minh	Đức	15/01/96	12759				
49	1521060150	Trần Trung	Đức	22/05/97	12760				
50	1521020010	Bùi Việt	Dũng	26/08/97	12761				
51	1521070093	Đào Văn	Dũng	26/04/96	12762				
52	1521020164	Đỗ Văn	Dũng	14/08/97	12763				
53	1521070103	Nguyễn Trọng	Dũng	02/04/96	12764				
54	1521010800	Đinh Tùng	Dương	--/--/----	12765				
55	1521010446	Nguyễn Thị ánh	Dương	29/03/97	12766				
56	1521020023	Phạm Công	Dương	30/11/97	12767				
57	1521070153	Trần Văn	Dương	07/07/97	12768				
58	1521070063	Trần Văn	Đương	08/11/97	12769				
59	1521060065	Đào Đức	Duy	06/01/97	12770				
60	1521070437	Đinh Quang	Duy	24/01/97	12771				
61	1521040053	Nguyễn Cảnh	Duy	29/09/97	12772				
62	1521060131	Nguyễn Văn	Duy	06/03/97	12773				
63	1521040144	Nguyễn Xuân	Duy	28/05/96	12774				
64	1631020001	Triệu Hồng	Duy	10/03/1994	12775				
65	1521020016	Trịnh Xuân	Duy	05/09/97	12776				
66	1521020179	Lương Thành	Giang	01/11/97	12777				
67	1521070141	Vũ Thái Ngọc	Giầu	22/10/97	12778				
68	1521060416	Nguyễn Thế	Hà	29/07/97	12779				
69	1521079002	Vi Văn	Hà	10/11/95	12780				
70	1521060309	Bùi Việt	Hải	11/11/97	12781				
71	1521010144	Nguyễn Hữu	Hải	08/11/97	12782				
72	1521010021	Nguyễn Thanh	Hải	02/09/93	12783				
73	1521060414	Nguyễn Tiến	Hải	19/01/97	12784				
74	1631020003	Nguyễn Thế	Hào	19/02/1992	12785				
75	1521060011	Ngô Sách	Hiệp	16/01/97	12786				
76	1521060310	Nguyễn Đức	Hiệp	08/10/97	12787				
77	1521070035	Nguyễn Tiến	Hiệp	25/03/97	12788				
78	1521060081	Trần Tiến	Hiệp	15/03/97	12789				
79	1521010074	Bùi Thành	Hiếu	25/01/96	12790				
80	1521070053	Đỗ Ngọc	Hiếu	14/07/97	12791				

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài: Tổng số tờ: Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

PHÒNG KHẢO THÍ & ĐBCLGD

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 2 HỌC KỲ 1 (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4010501 Nhóm: 207 Tổ thi: T001 Tên HP: Cơ học lý thuyết 1

Ngày thi: **26/02/2017** Phòng thi: **D3-1** Tiết bắt đầu: **7** Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
81	1521060226	Đỗ Trọng	Hiếu	03/08/97	12792				
82	1521010247	Lê Minh	Hiếu	03/09/97	12793				
83	1521060142	Nguyễn Hữu	Hiếu	29/08/97	12794				
84	1521070099	Bùi Công	Hòa	08/01/96	12795				
85	1521060261	Trần Ngọc	Hòa	23/02/97	12796				
86	1521040241	Đào Văn	Hoan	25/05/97	12797				
87	1521040108	Trần Văn	Hoàn	04/01/97	12798				
88	1521020015	Đỗ Văn	Hoàng	16/07/96	12799				
89	1521060286	Hồ Trọng	Hoàng	10/01/96	12800				
90	1521010395	Lê Ngọc	Hoàng	17/12/97	12801				
91	1521010427	Lê Văn	Hoàng	21/11/97	12802				
92	1521010100	Nguyễn Đăng	Hoàng	09/11/97	12803				
93	1521040014	Nguyễn Minh	Hoàng	26/10/97	12804				
94	1521070260	Nguyễn Việt	Hoàng	04/05/97	12805				
95	1521040039	Phạm Đình	Hoàng	21/11/96	12806				
96	1521010014	Phạm Việt	Hoàng	17/12/97	12807				
97	1521040149	Lê Đình	Hoạt	15/02/97	12808				
98	1521040067	Nguyễn Thị	Hồng	02/03/97	12809				
99	1521060115	Nguyễn Tiến	Huân	20/11/96	12810				
100	1521020042	Nguyễn Thị Kim	Huệ	13/07/97	12811				
101	1524010092	Đặng Thái	Hùng	09/07/97	12812				
102	1521010186	Hồ Sỹ	Hùng	04/02/97	12813				
103	1521040164	Nguyễn Mạnh	Hùng	18/02/96	12814				
104	1521070019	Phạm Văn	Hùng	09/09/97	12815				
105	1521060358	Trần Văn	Hùng	24/02/97	12816				
106	1521010137	Đỗ Văn	Hưng	21/01/97	12817				
107	1421060141	Nguyễn Ngọc	Hưng	24/01/93	12818				
108	1521070004	Lý Văn	Hương	19/08/97	12819				
109	1521040249	Phạm Thị	Hường	06/08/96	12820				
110	1521010313	Hồ Việt	Huy	11/11/97	12821				
111	1521010190	Lê Quang	Huy	14/12/97	12822				
112	1521010248	Lê Văn	Huy	30/09/97	12823				
113	1521060428	Ngô Quang	Huy	29/04/95	12824				
114	1521010083	Nguyễn Quốc	Huy	02/10/97	12825				
115	1521010063	Nguyễn Văn	Huy	06/11/97	12826				
116	1521060431	Võ Văn	Huy	17/08/97	12827				
117	1521020226	Nguyễn Thị Thu	Huyền	18/09/97	12828				
118	1521060311	Đồng Quang	Huynh	10/07/97	12829				
119	1221020332	Vũ Xong	Hỷ	22/04/94	12830				
120	1521010324	Hà Duy	Khánh	03/11/97	12831				

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài: Tổng số tờ: Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

PHÒNG KHẢO THÍ & ĐBCLGD

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 2 HỌC KỲ 1 (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4010501 Nhóm: 207 Tổ thi: T001 Tên HP: Cơ học lý thuyết 1

Ngày thi: **26/02/2017** Phòng thi: **D3-1** Tiết bắt đầu: **7** Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
121	1521040256	Nguyễn Văn	Khánh	19/03/97	12832				
122	1521020235	Trần Linh	Khánh	20/09/97	12833				
123	1521040138	Trịnh Xuân	Khánh	09/07/97	12834				
124	1521060222	Đỗ Ngọc	Khoa	08/05/97	12835				
125	1521070287	Nguyễn Văn	Khoa	10/11/97	12836				
126	1521060372	Hồ Nam	Kiên	24/05/97	12837				
127	1521040043	Nguyễn Đức	Kiên	18/11/97	12838				
128	1521020082	Nguyễn Vũ	Kiên	05/03/96	12839				
129	1521070119	Phạm Trung	Kiên	02/02/96	12840				
130	1521010407	Hoàng Tuấn	Kiệt	26/06/97	12841				
131	1521040045	Vũ Thị Thu	Lan	12/09/97	12842				
132	1521060404	Lê Văn	Lập	19/10/97	12843				
133	1521010416	Đinh Thị	Linh	09/11/97	12844				
134	1521070295	Nguyễn Tài	Linh	15/02/97	12845				
135	1521070074	Nguyễn Thị Mỹ	Linh	21/04/97	12846				
136	1521070297	Vũ Thị	Loan	12/11/97	12847				
137	1521010150	Đặng Văn	Lợi	17/08/97	12848				
138	1421020089	Đào Trọng Ngọc	Long	17/12/95	12849				
139	1521060421	Nguyễn Duy	Long	20/10/97	12850				
140	1521070001	Nguyễn Hữu	Long	23/09/97	12851				
141	1521060378	Nguyễn Xuân	Long	20/04/97	12852				
142	1521010035	Tô Hạ	Long	02/09/97	12853				
143	1521070106	Vũ Thanh	Long	08/07/97	12854				
144	1521060439	Đinh Văn	Lực	17/12/97	12855				
145	1521010359	Lê Bá	Lực	17/01/96	12856				

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài: Tổng số tờ: Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

PHÒNG KHẢO THÍ & ĐBCLGD

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 2 HỌC KỲ 1 (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4010501 Nhóm: 209 Tổ thi: T001 Tên HP: Cơ học lý thuyết 1

Ngày thi: **26/02/2017** Phòng thi: **D2-1** Tiết bắt đầu: **9** Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1521010441	Đặng Tiến	Anh	24/10/97	12857				
2	1521070143	Đỗ Hoàng	Anh	20/07/97	12858				
3	1521040035	Đỗ Quang	Anh	16/08/97	12859				
4	1521070087	Đoàn Tuấn	Anh	07/10/97	12860				
5	1521010409	Ngô Hoàng	Anh	09/09/97	12861				
6	1521040088	Nguyễn Đức	Anh	09/06/97	12862				
7	1521060076	Phạm Văn	Cảnh	06/03/97	12863				
8	1521040072	Nguyễn Hữu	Chiến	16/05/97	12864				
9	1521060374	Trịnh Khắc	Chiến	02/12/97	12865				
10	1521060433	Nguyễn Đức	Chính	28/06/97	12866				
11	1521060373	Trần Đức	Công	21/06/97	12867				
12	1521010271	Đỗ Văn	Cường	09/05/97	12868				
13	1521060090	Nguyễn Đình	Cường	12/05/94	12869				
14	1521041002	Nguyễn Văn	Cường	07/02/97	12870				
15	1521060412	Nguyễn Văn	Cường	31/07/97	12871				
16	1521040065	Phạm Văn	Cường	13/02/97	12872				
17	1521010426	Phan Văn	Cường	08/03/97	12873				
18	1521040211	Mai Văn	Đại	01/03/96	12874				
19	1521070126	Nguyễn Văn	Đại	16/02/96	12875				
20	1521070133	Hoàng Hải	Đăng	03/01/97	12876				
21	1521020362	Đàm Xuân	Đạt	17/02/97	12877				
22	1521060149	Hoàng Văn	Đạt	16/08/96	12878				
23	1521060308	Nguyễn Minh	Đạt	01/10/97	12879				
24	1521060275	Dương Văn	Đông	09/08/96	12880				
25	1521010003	Lê Trung	Đức	25/05/97	12881				
26	1521060205	Lưu Quang	Dũng	30/07/97	12882				
27	1521070435	Phí Mạnh	Dũng	15/09/97	12883				
28	1521060079	Nguyễn Hoàng	Dương	19/06/97	12884				
29	1521010396	Tống Hoàng	Dương	24/11/97	12885				
30	1521060290	Nguyễn Ngọc	Duy	16/06/97	12886				
31	1521010357	Đỗ Ngọc	Giang	28/11/97	12887				
32	1521070135	Bùi Việt	Hà	06/03/97	12888				
33	1421020334	Phạm Sơn	Hải	17/12/96	12889				
34	1521070136	Trần Văn	Hậu	02/06/97	12890				
35	1521070244	Nguyễn Văn	Hiển	09/02/95	12891				
36	1521010367	Bùi Minh	Hiếu	20/07/97	12892				
37	1521060185	Vi Mạnh	Hiếu	11/10/97	12893				
38	1521060186	Vũ Đình	Hiếu	18/01/97	12894				
39	1521070159	Đặng Anh	Hòa	26/06/97	12895				
40	1521010431	Nguyễn Hữu	Hòa	20/09/96	12896				

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài: Tổng số tờ: Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

PHÒNG KHẢO THÍ & ĐBCLGD

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 2 HỌC KỲ 1 (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4010501 Nhóm: 209 Tổ thi: T001 Tên HP: Cơ học lý thuyết 1

Ngày thi: **26/02/2017** Phòng thi: **D2-1** Tiết bắt đầu: **9** Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
41	1521040161	Đỗ Danh	Hoàng	10/01/97	12897				
42	1521040181	Trần Huy	Hoàng	29/10/97	12898				
43	1521010410	Vũ Đình	Hoàng	12/07/96	12899				
44	1521060199	Vũ Ngọc	Hoàng	16/10/97	12900				
45	1521060013	Đặng Văn	Hùng	17/09/97	12901				
46	1521060349	Tạ Việt	Hùng	26/11/97	12902				
47	1521060087	Đặng Văn	Huy	26/04/97	12903				
48	1321020562	Dương Quốc	Huy	14/12/93	12904				
49	1521040166	Vũ Nguyễn Gia	Huy	19/08/97	12905				
50	1521020003L	Khonesavanh	Inthise	10/01/93	12906				
51	1521040254	Nguyễn Xuân	Khải	06/12/97	12907				
52	1521011008	Đào Duy	Khánh	15/03/97	12908				
53	1521070288	Đinh Trọng	Khôi	25/10/94	12909				
54	1521060336	Phạm Nguyễn Trung	Kiên	23/07/97	12910				
55	1521040098	Trần Trung	Kiên	05/07/97	12911				
56	1521040155	Thào A	Là	20/05/97	12912				
57	1521060453	Hoàng Nhật	Long	20/09/97	12913				
58	1521070091	Trần Thăng	Long	17/02/97	12914				
59	1521019004	Phạm Gia	Luân	--/--/----	12915				
60	1521040177	Nguyễn Thị Ngọc	Mai	25/07/97	12916				
61	1521040148	Phạm Văn	Mạnh	11/08/97	12917				
62	1521070304	Đỗ Văn	Minh	22/07/97	12918				
63	1521060109	Lê Văn	Minh	27/06/97	12919				
64	1521070077	Phạm Văn	Minh	10/01/96	12920				
65	1521020043	Trần Văn	Minh	16/05/97	12921				
66	1521060012	Lê Tiến	Nam	25/11/97	12922				
67	1521010136	Nguyễn Văn	Nam	15/08/97	12923				
68	1521060120	Nguyễn Văn	Nam	04/02/97	12924				
69	1521060064	Mạc Duy	Phương	06/10/97	12925				
70	1521070050	Phan Thị	Phương	02/09/97	12926				
71	1521060300	Trần Minh	Phương	24/10/97	12927				
72	1521040286	Hoàng Thị Bích	Phượng	18/09/97	12928				
73	1521060401	Hoàng Văn	Quang	10/05/97	12929				
74	1421070097	Nguyễn Hồng	Quang	02/02/95	12930				
75	1521040021	Nguyễn Ngọc	Quang	16/10/97	12931				
76	1521060168	Vũ Văn	Quyền	09/06/97	12932				
77	1521040003	Nguyễn Thị Như	Quỳnh	14/12/97	12933				
78	1521060457	Trịnh Công	Sơn	23/10/97	12934				
79	1521040010	Vương Văn	Sơn	06/10/97	12935				
80	1521010418	Phạm Văn	Sự	06/08/97	12936				

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài: Tổng số tờ: Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

PHÒNG KHẢO THÍ & ĐBCLGD

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 2 HỌC KỲ 1 (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4010501 Nhóm: 209 Tổ thi: T001 Tên HP: Cơ học lý thuyết 1

Ngày thi: **26/02/2017** Phòng thi: **D2-1** Tiết bắt đầu: **9** Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
81	1521040036	Nguyễn Đức	Thắng	28/11/96	12937				
82	1521060219	Phạm Hữu	Thảo	12/11/97	12938				
83	1521010302	Đỗ Huy	Thiện	16/08/97	12939				
84	1521060351	Trịnh Văn	Thông	11/01/97	12940				
85	1521070033	Nghiêm Đình	Thuấn	20/12/96	12941				
86	1521010371	Trần Văn	Thuận	13/07/97	12942				
87	1521060230	Trương Văn	Thuận	11/10/97	12943				
88	1521070129	Trần Mạnh	Tiến	13/07/94	12944				
89	1521070122	Nguyễn Hữu	Toản	30/08/97	12945				
90	1521060200	Khang	Trần	12/04/97	12946				
91	1521060108	Trần Thị	Trang	21/11/97	12947				
92	1521060183	Vương Cảnh	Trí	19/12/97	12948				
93	1521060438	Phạm Vũ	Trọng	06/10/97	12949				
94	1521060257	Đoàn Thế	Trung	18/01/97	12950				
95	1521040086	Nguyễn Thành	Trung	22/02/97	12951				
96	1521070123	Vũ Văn	Trung	30/07/97	12952				
97	1521040103	Nguyễn Văn	Trường	28/10/97	12953				
98	1521010285	Phạm Quang	Trường	25/07/97	12954				
99	1521070466	Trần Ngọc	Tú	15/02/97	12955				
100	1521060180	Phan Văn	Tuân	24/06/96	12956				
101	1521010341	Nguyễn Anh	Tuấn	09/10/97	12957				
102	1521040162	Nguyễn Đức	Tuấn	21/06/97	12958				
103	1521070039	Nguyễn Quang	Tuấn	18/07/96	12959				
104	1521070068	Lê Trung	Tùng	02/06/97	12960				
105	1521070117	Nguyễn Đình	Vinh	28/11/95	12961				
106	1521070469	Nguyễn Quang	Vĩnh	11/03/97	12962				

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài: Tổng số tờ: Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

PHÒNG KHẢO THÍ & ĐBCLGD

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 2 HỌC KỲ 1 (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4010501 Nhóm: 201 Tổ thi: T001 Tên HP: Cơ học lý thuyết 1

Ngày thi: **26/02/2017** Phòng thi: **D2-2** Tiết bắt đầu: **11** Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1521020004L	Boualaphanh Chanthavi	.	15/12/96	12963				
2	1521040135	Vi Văn	Chúc	23/06/97	12964				
3	1521070207	Bùi Tuấn	Đạt	19/07/97	12965				
4	1521060419	Nguyễn Văn	Đức	25/01/97	12966				
5	1521010355	Nguyễn Xuân	Sắc	20/02/95	12967				

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài: Tổng số tờ: Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

PHÒNG KHẢO THÍ & ĐBCLGD

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 2 HỌC KỲ 1 (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4010502 Nhóm: 201 Tổ thi: T001 Tên HP: Cơ học lý thuyết 2

Ngày thi: **26/02/2017** Phòng thi: **A203** Tiết bắt đầu: **4** Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1221070204	Nguyễn Hữu	Cường	05/06/94	12968				
2	1221070285	Phạm Văn	Tiệp	29/05/93	12969				
3	1531070410	Dương Văn	Vũ	05/05/	12970				

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài: Tổng số tờ: Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

PHÒNG KHẢO THÍ & ĐBCLGD

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 2 HỌC KỲ 1 (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4010502 Nhóm: 202 Tổ thi: T001 Tên HP: Cơ học lý thuyết 2

Ngày thi: **26/02/2017** Phòng thi: **D3-2** Tiết bắt đầu: **7** Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1531070403	Nguyễn Khắc	Long	19/11/	12971				

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài: Tổng số tờ: Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

PHÒNG KHẢO THÍ & ĐBCLGD

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 2 HỌC KỲ 1 (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4010504 Nhóm: 202 Tổ thi: T001 Tên HP: Cơ học ứng dụng

Ngày thi: **26/02/2017** Phòng thi: **A203** Tiết bắt đầu: **4** Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1421060326	Trần Văn	An	10/03/96	12972				
2	1521060323	Phan Ngọc	Anh	10/12/97	12973				
3	1521060048	Phạm Văn	Bình	03/10/96	12974				
4	1321060037	Bùi Cao	Cường	06/09/95	12975				
5	1421070021	Lương Quốc	Cường	23/09/96	12976				
6	1421060074	Trần Phúc	Đoan	22/06/95	12977				
7	1421060081	Nguyễn Anh	Đức	18/09/96	12978				
8	1521060027	Đoàn Tiến	Dũng	22/09/97	12979				
9	1521060326	Trần Quốc	Dược	13/08/97	12980				
10	1631060008	Nguyễn Trong	Hà	24/08/1995	12981				
11	1631060010	Bùi Ngọc	Hoàn	23/02/1994	12982				
12	1521060176	Nguyễn Duy	Hưng	09/09/97	12983				
13	1521060091	Vũ Văn	Liêu	12/10/97	12984				
14	1321070122	Nguyễn Tiến	Mạnh	29/07/95	12985				
15	1321070628	Nguyễn Văn	Quyết	08/05/95	12986				
16	1421060223	Đỗ Ngọc	Sang	16/05/96	12987				
17	1521060249	Nguyễn Văn	Thường	18/06/97	12988				
18	1521060225	Nguyễn Văn	Tiến	28/02/97	12989				
19	1521060127	Phạm Kiên	Trung	08/12/97	12990				

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài: Tổng số tờ: Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

PHÒNG KHẢO THÍ & ĐBCLGD

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 2 HỌC KỲ 1 (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4010504 Nhóm: 203 Tổ thi: T001 Tên HP: Cơ học ứng dụng

Ngày thi: **26/02/2017** Phòng thi: **D3-2** Tiết bắt đầu: **7** Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1521060240	Chu Đức	Anh	10/09/97	12991				
2	1521060206	Trần Tuấn	Anh	15/06/97	12992				
3	1521060276	Nguyễn Xuân	Dũng	05/07/97	12993				
4	1521060094	Nguyễn Hoàng	Hà	20/12/97	12994				
5	1521060003	Nguyễn Văn	Hiếu	20/07/97	12995				
6	1521060162	Hồ Sỹ	Hoàng	15/12/97	12996				
7	1521060037	Phạm Nguyễn Huy	Hoàng	29/04/97	12997				
8	1521060220	Trần Minh	Hoàng	02/02/97	12998				
9	1521060160	Trương Việt	Hoàng	05/11/97	12999				
10	1521060307	Nguyễn Quốc	Hưng	05/11/97	13000				
11	1521060271	Nguyễn Trọng	Khang	09/05/97	13001				
12	1521060158	Nguyễn Thế	Lợi	17/11/97	13002				
13	1521060214	Nguyễn Danh	Long	01/05/97	13003				
14	1521060134	Nguyễn Xuân	Nam	01/04/97	13004				
15	1521060028	Trịnh Văn	Quyền	30/08/97	13005				
16	1521060328	Vũ Xuân	Sắc	07/08/97	13006				
17	1521060018	Nguyễn Hữu	Sỹ	07/04/96	13007				
18	1521070070	Bùi Đức	Thiện	15/11/97	13008				
19	1521060314	Nguyễn Văn	Tuyên	18/08/97	13009				

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài: Tổng số tờ: Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

PHÒNG KHẢO THÍ & ĐBCLGD

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 2 HỌC KỲ 1 (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4010504 Nhóm: 204 Tổ thi: T001 Tên HP: Cơ học ứng dụng

Ngày thi: **26/02/2017** Phòng thi: **D2-1** Tiết bắt đầu: **9** Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1521060106	Nguyễn Văn	Hưng	06/02/97	13010				
2	1521060283	Trần Văn	Huỳnh	02/08/97	13011				
3	1521060248	Nguyễn Tiến	Lực	12/09/97	13012				

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài: Tổng số tờ: Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

PHÒNG KHẢO THÍ & ĐBCLGD

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 2 HỌC KỲ 1 (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4010504 Nhóm: 201 Tổ thi: T001 Tên HP: Cơ học ứng dụng

Ngày thi: **26/02/2017** Phòng thi: **D2-2** Tiết bắt đầu: **11** Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1521060130	Nguyễn Đình	Đức	20/01/96	13013				
2	1521060205	Lưu Quang	Dũng	30/07/97	13014				

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài: Tổng số tờ: Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

PHÒNG KHẢO THÍ & ĐBCLGD

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 2 HỌC KỲ 1 (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4010601 Nhóm: 202 Tổ thi: T001 Tên HP: Tiếng Anh NEF1

Ngày thi: **26/02/2017** Phòng thi: **A207** Tiết bắt đầu: **4** Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1321060002	Trần Văn	An	27/02/95	13015				
2	1221050153	Nguyễn Văn	Anh	27/01/94	13016				
3	1311040016	Ban Chí	Công	15/01/95	13017				
4	1321030928	Bảo Tú	Đặng	17/11/95	13018				
5	1221020036	Lê Tiến	Đạt	22/11/93	13019				
6	1221010068	Lê Anh	Dũng	08/11/94	13020				
7	1221020054	Lộ Chí	Giầu	01/11/94	13021				
8	1321030062	Lưu Văn	Hải	30/06/94	13022				
9	1221060285	Nguyễn Văn	Hiệp	15/09/93	13023				
10	1221010159	Trần Danh	Huy	22/07/94	13024				
11	1221010187	Vũ Đình	Kiên	15/05/94	13025				
12	1221050069	Phạm Văn	Lợi	12/02/94	13026				
13	1221010038	Chính	Lưu	05/04/93	13027				
14	1321010292	Nguyễn Trung	Sơn	15/10/95	13028				
15	1221040242	Phạm Văn	Thắng	21/04/94	13029				
16	1421060282	Nguyễn Văn	Trường	27/05/96	13030				

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài: Tổng số tờ: Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

PHÒNG KHẢO THÍ & ĐBCLGD

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 2 HỌC KỲ 1 (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4010601 Nhóm: 203 Tổ thi: T001 Tên HP: Tiếng Anh NEF1

Ngày thi: **26/02/2017** Phòng thi: **D3-2** Tiết bắt đầu: **7** Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1221040014	Trịnh Đức	Anh	06/07/93	13031				
2	1321011032	Hoàng Văn	Hiển	18/02/95	13032				
3	1221060307	Đỗ Cao	Huy	08/02/94	13033				
4	1411060118	Vũ Triệu	Minh	01/04/96	13034				
5	1321060192	Lương Thành	Nam	13/05/95	13035				
6	1321070195	Nguyễn Hà	Toản	16/02/95	13036				

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài: Tổng số tờ: Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

PHÒNG KHẢO THÍ & ĐBCLGD

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 2 HỌC KỲ 1 (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4010601 Nhóm: 201 Tổ thi: T001 Tên HP: Tiếng Anh NEF1

Ngày thi: **26/02/2017** Phòng thi: **D2-2** Tiết bắt đầu: **11** Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1521020003L	Khonesavanh	Inthise	10/01/93	13037				

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài: Tổng số tờ: Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

PHÒNG KHẢO THÍ & ĐBCLGD

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 2 HỌC KỲ 1 (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4010602 Nhóm: 201 Tổ thi: T001 Tên HP: Tiếng Anh NEF2

Ngày thi: **26/02/2017** Phòng thi: **A207** Tiết bắt đầu: **4** Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1321040004L	Soumany Keopaseuth	.	01/04/89	13038				
2	1321040001	Đỗ Tuấn	Anh	10/10/95	13039				
3	1221040344	Lê Tuấn	Anh	11/04/94	13040				
4	1221040019	Phạm Thanh	Bình	17/10/94	13041				
5	1321060036	Nguyễn Văn	Cương	03/05/94	13042				
6	1221040336	Nguyễn Viết	Đa	27/09/94	13043				
7	1221080015	Nguyễn Phan	Đại	18/10/94	13044				
8	1321020039	Phạm Quý	Dậu	22/09/93	13045				
9	1321010103	Tạ Văn	Điệp	21/11/95	13046				
10	1411030022	Phạm Minh	Đức	22/08/96	13047				
11	1221070030	Vũ Khánh	Duy	08/07/94	13048				
12	1321010087	Đỗ Văn	Duyên	02/11/95	13049				
13	1411050026	Lê Hữu	Giang	10/10/94	13050				
14	1321040485	Nguyễn Đức	Hậu	03/02/94	13051				
15	1311030039	Phạm Trọng	Hiệp	17/05/94	13052				
16	1321030576	Nguyễn Trung	Hiếu	26/05/95	13053				
17	1311030043	Nguyễn Vinh	Hoa	05/07/94	13054				
18	1221060302	Phạm Ngọc	Hoàng	23/08/94	13055				
19	1221020343	Dương Trung	Kỳ	24/04/94	13056				
20	1221050281	Phùng Thị Khánh	Linh	19/06/93	13057				
21	1321030155	Nguyễn Văn	Nam	15/05/94	13058				
22	1221060095	Trần Anh	Ngọc	27/10/94	13059				
23	1321070615	Lương Tuấn	Phi	29/05/95	13060				
24	1221030424	Mai Văn	Thắng	29/01/94	13061				
25	1321050188	Trần Anh	Thắng	19/03/94	13062				
26	1221040237	Trần Kim	Thành	22/06/94	13063				
27	1411060163	Nguyễn Phương	Thảo	26/03/95	13064				
28	1221060147	Trần Đức	Toàn	08/11/94	13065				
29	1411030067	Nguyễn Hữu	Trung	22/11/96	13066				
30	1321030918	Trịnh Văn	Trung	18/03/95	13067				
31	1221040282	Vũ Thành	Trung	10/04/94	13068				
32	1324010328	Đỗ Minh	Tú	09/02/95	13069				
33	1224010319	Nguyễn Thanh	Tú	11/09/94	13070				
34	1321080110	Nguyễn Hoàng	Tuấn	15/08/94	13071				
35	1321030957	Chu Văn	Tùng	05/07/95	13072				
36	1121030442	Nguyễn Xuân	Tùng	23/12/93	13073				
37	1221020545	Vũ Văn	Việt	06/04/94	13074				

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài: Tổng số tờ: Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

PHÒNG KHẢO THÍ & ĐBCLGD

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 2 HỌC KỲ 1 (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4010602 Nhóm: 202 Tổ thi: T001 Tên HP: Tiếng Anh NEF2

Ngày thi: **26/02/2017** Phòng thi: **D3-2** Tiết bắt đầu: **7** Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1221050153	Nguyễn Văn	Anh	27/01/94	13075				
2	1221020342	Đỗ Văn	Khoan	13/09/93	13076				
3	1221010187	Vũ Đình	Kiên	15/05/94	13077				
4	1321030124	Nguyễn Trọng	Linh	27/12/94	13078				
5	0921010310	Trương Bích	Mạnh	04/11/91	13079				
6	1411050077	Lê Minh	Trung	19/05/96	13080				
7	1221070174	Phạm Mạnh	Tường	25/03/94	13081				

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài: Tổng số tờ: Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

PHÒNG KHẢO THÍ & ĐBCLGD

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 2 HỌC KỲ 1 (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4010602 Nhóm: 203 Tổ thi: T001 Tên HP: Tiếng Anh NEF2

Ngày thi: **26/02/2017** Phòng thi: **D2-1** Tiết bắt đầu: **9** Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1221040014	Trịnh Đức	Anh	06/07/93	13082				
2	1221050098	Lê Văn	Thuấn	13/09/94	13083				

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài: Tổng số tờ: Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)